

# TẠI SAO em phải chải răng sau mỗi bữa ăn?

- Ký sinh trùng trong miệng tạo ra chất át-xít từ những thức ăn vương ở kẽ răng,
- Chất át-xít phá hại nướu răng và đục khoét thân răng,
- Chải răng liền sau khi ăn tẩy sạch màng vụn thức ăn và nhờ thế, loại trừ ngay chất át-xít nên tránh được sâu răng.



## THUỐC ĐÁNH RĂNG *Perlon* NHẸN NHƯ

GIÁ: 15 \$ 00

# PHỐ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

180

15 - 9 - 1966



## CÁO LỖI

Phò Thông số 180, đáng lẽ phải ra ngày 15 tháng 9,  
Phò Thông số 181 (Trung Thu) phải ra ngày 1 tháng 10, Phò Thông  
số 182 phải ra ngày 15 tháng 10.

Nhưng, vì tình trạng đặc biệt hoàn toàn bất ngờ, hầu hết  
những ấn-công, thư ký tòa soạn, nhân viên ty Quản lý, và Ban Trị  
sự, đều phải đi thi hành nghĩa vụ quân sự, cho nên các số báo  
trên không thể nào ra đúng ngày theo kỳ hạn được.

Nay, chúng tôi đã chỉnh đốn lại, với những nhân viên mới, và  
PHÒ-THÔNG tiếp tục ra lại theo kỳ hạn sau đây :

Số 180 phát hành ngày 20-10-1966

Số 181 (Đặc biệt Trung Thu) phát hành ngày 28-10-1966

Số 182 phát hành ngày 7-11-1966.

Số 183 (Đặc biệt Đệ Bát chu niên) phát hành ngày  
16-11-1966.

Số 184 phát hành ngày 24-11-1966.

Số 185 phát hành ngày 3-12-1966.

Và từ đây, P.T tiếp tục ra đúng theo kỳ hạn như thường lệ.

Chúng tôi xin quý bạn đọc và quý Đại lý toàn quốc cũng  
như Hải ngoại, thông cảm cho nỗi khổ tâm của chúng tôi trước tình  
trạng bất ngờ nói trên, và chúng tôi hết sức cố gắng để đáp lại  
cảm tình nồng nhiệt mà quý bạn đã dành cho tạp chí PHÒ-  
THÔNG từ trước đến nay.

Thành thật gửi đến quý Bạn Đọc và quý Đại-Lý lời xin lỗi và

cảm tạ chân thành của chúng tôi

Giám đốc Tạp chí Phò Thông

Nguyễn-Vỹ

# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỒ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon - Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VIII \* số 180 \* 15-9-1966

- 1.— Thi-sĩ Da đen . . . . . Nguyễn-Vỹ 5 — 9
- 2.— Đầu là chủ lực của Lực lượng Văn hóa D. Tộc Thiếu Sơn 10 — 19
- 3.— Bạch Cư Di dưới con mắt chúng ta . Phạm văn Sơn 13 — 11
- 4.— Giở quẻ (truyện ngắn) . . . . . Lê Hương 20 — 39
- 5.— Di chúc (thơ) . . . . . Trần minh Phú 30
- 6.— Nữ văn sĩ Pearl Buck . . . . . Thanh Việt Thanh 32 — 40
- 7.— Người dạy thú . . . . . Hoàng Thống 41 — 48
- 8.— Ước mơ (thơ) . . . . . Tôn Nữ Hỷ Khương 49 — 50
- 9.— Những hành động táo bạo (truyện dịch) . Nhã Điện 51 — 56
- 10.— Trà Việt Nam (bức thư Paris) . . . . . Ng. văn Côn 57 — 64
- 11.— Giữ đất (truyện ngắn) . . . . . : Trần Tuấn Kiệt 65 — 78
- 12.— Người đàn bà tình danh : Théodora . . . . Tân Phong 79 — 85
- 13.— Nỗi nhớ Saigon (thơ) . . . . . : . . . . . Phương Duyên 89
- 14.— Saigon, Châu đốc . . . . . . . . . . Tâm Trí N.V 87 — 96
- 15.— Minh ơi ! 4 trạng thái của chiến tranh V.N. Diệu Huyền 94 — 107
- 16.— Tuấn chàng trai . . . . . : . . . . . Nguyễn Vỹ 108—114
- 17.— Vực thăm (truyện dài) . . . . . : . . . . . Thăm thế Hà 115—121
- 18.— Đáp bạn bốn phương . . . . . : . . . . . Diệu Huyền 122—130

*Thi-sĩ  
Da Đen*

Từ P. L. DUNBAR...  
... đến S. BROWN.

Một bài thơ nổi tiếng của  
Nhà Thơ Da Đen Mỹ châu  
FENTON JOHNSON :

Tried  
(CHÁN-NẢN)

• NGUYỄN VỸ

**T**ÔI chán công việc. Tôi chán xây dựng tòa nhà Văn  
minh của người Da Trắng.

Em M'lissing Jane ơi,

Chúng mình đi nghỉ ngơi đi thôi.

Anh xuống Bar « May mắn Cuối cùng »,

uống một hai ly rượu Gin,

đánh một hai ván cờ,

Trong một hai giờ,

Rồi ngủ trên mấy cái thùng.

Em hãy để cho mục nát gian nhà văn cũ rích đó.

Hãy để áo quần của bọn Da Trắng rã rời thành bụi,

Hãy để Nhà Thờ Baptiste sụp đổ trong vực sâu không đáy.

Ngày ngày em hãy quên rằng em là vợ anh,

Đêm đêm em hãy đến Bar « May mắn Cuối cùng » chạy

theo thằng Mike, bảo nó lấy cho em uống loại rượu Gin

bị cấm mà nó để dành lên lút cho các bà.

Em hãy đem quăng mấy đứa con xuống sông,

Văn minh đã cho tụi mình nhiều con quá.

Chết còn hơn lớn lên để khám phá rằng mình là dân

Da Đen.

Em hãy nhặt những ngôi sao trên trời, quăng đi.

Những ngôi sao đã làm gian lận cái số phận của người

Da Đen.

Những ngôi sao đã làm gian lận

Cái số phận của anh.

Anh đã chán nản cái văn minh

của Da Trắng.

( N.V. dịch )

**F**ENTON Johnson, một Thi sĩ nổi tiếng quốc  
tế của thế hệ mới được gọi trong Lịch sử Văn  
học Da đen là thế hệ « Người Đen mới » —  
( *The New Negro* ), đã phổ biến bài thơ trên đây  
năm 1930. Ông tiêu biểu rõ rệt nhất những nhà Thơ trẻ Da  
đen của thế kỷ XX, có ý thức về vấn đề kỳ thị màu da của  
người Da trắng (Tây phương) đối với giống Da đen ở Mỹ  
Châu và Phi Châu. Tất cả những bài thơ của ông đều diễn  
tả cái hận của người Da đen bị người Da trắng khinh miệt,  
và sự chán nản tuyệt độ của ông trước tình trạng hăm hiu  
của người Hắc chủng. Fenton Johnson tốt nghiệp Đại học  
Chicago ra vẫn đi làm công cho người Da trắng, cho nên  
ông không tin tưởng nơi giáo dục của người Da trắng.  
Chán nản, ông không muốn làm việc nữa, vì làm việc  
cho ai? — cho văn minh của người Da trắng.  
Tất cả kiến thiết xung quanh ông đều của người Da  
trắng, phải làm cho người Da Trắng, xây dựng cho người  
Da trắng. Người Da đen có gì đâu!  
Chán nản, ông muốn buông trôi hết, muốn bỏ hết để  
đi nghỉ, gọi Đê đi uống rượu, đánh cờ, rồi ngủ... trên mấy  
chiếc thùng kê sát lại làm giường. Chán nản, ông không  
muốn về nhà với vợ con. Chán nản thấy cái gian  
nhà văn rách nát sắp sụp đổ. Chán nản, ông bảo vợ cứ để  
cho nó sụp, chả cần sửa sang làm gì! Người dân Da đen,  
dù có ở nhà lầu chín tầng cũng chỉ là người Dân Da đen  
thôi! Vợ của Thi sĩ đi làm công cho gia đình một người  
Da trắng. Áo quần trắng trẻo của chủ đưa cho vợ ông giặt  
ủi, chán nản ông bảo vứt đi cho rục ra thành bụi. Nhà Thờ  
Baptiste, ông bảo vợ ông đừng đến nữa, bảo người Da

THI SĨ DA ĐEN

đen đừng đến nữa, để cho nó trống rỗng rồi nó phải tự sụp đổ trong cái hố thẳm của quên lãng lạnh lùng.

Chán nản đến nỗi ông bảo vợ ông đừng thèm nhờ đến chuyện vợ chồng nữa. Ông bảo vợ ông đi uống rượu lậu, uống cho say, để quên là vợ ông. Chán nản, ông bảo vợ quăng mấy đứa con xuống sông! Nuôi chúng nó sống làm chi để khi lớn lên chúng nhận thức địa vị của người Da đen mà tủi hổ cho chúng thôi! Chán nản đến mức độ trông thấy những ngôi sao trên trời ông cũng oán giận. Ông bảo vợ ông lên trời nhặt hết những ngôi sao đó vứt đi.

Sao trên trời có liên quan đến đời người, ai cũng bảo thế. Ai cũng bảo rằng mỗi ngôi sao làm ra số phận cho mỗi người trên trần gian. Nhưng số phận của người Da trắng thì các ngôi sao làm thiệt, còn số phận của người Da Đen thì làm giả, làm « ăn gian ». Cho nên số phận của ông, một nhà trí thức Da Đen, một thi sĩ Da đen, vẫn bị hăm hiu.

Người Da trắng cứ khoe cái văn minh của họ. Ông chán nản cả cái văn-minh của người Da trắng.

△

Bài thơ của Fenton Johnson là một tiếng kêu não nuột, bi-thương, oán hận, của Người Da Đen Mới, đã nhận thức địa vị của mình trong xã hội văn-minh hiện đại. Đó là tiếng kêu của Màu Da, của Giọng Máu, của Lý trí bị xúc phạm, của một Con Tim hận thù.

Cũng một giọng chán nản ấy, Fenton Johnson thay lời người con gái Da đen, trong bài :

MỘT BÀI THƠ

THE SCARLET WOMAN

(dịch)

Cha tôi làm công cho ông Pullman,  
 Những người Da trắng thưởng ông tiền trà nước (1)  
 Nhưng ông vừa mới chết.  
 Tôi chẳng có gì nữa hết.  
 Thế là tôi phải đi làm công  
 Tất cả vốn liếng của tôi :  
 Một mớ học thức không kém thua  
 Một cô gái Da trắng,  
 Và một gương mặt tươi thắm  
 Mà đàn ông trắng và đen đều ưa ngắm.  
 Nhưng tôi là con gái  
 Da Đen !

Nhan đề « The Scarlet Woman », đúng ra, theo lời chú thích trong tập thơ, là một cô gái mặc áo đỏ làm nghề « gái nô lệ », a slave, địa vị tôi bại ty tiện trong xã hội. Dù cô gái ấy có học thức ngang với cô gái da trắng, có nhan sắc mặn mà, nhưng cô là gái da đen nên đành phận thấp kém, hăm hiu, đau khổ.

The Scarlet Woman của Thi sĩ Fenton Johnson là tiếng kêu uất hận của người phụ nữ da đen bị vứt ra rìa xã hội Da trắng.

(Kỳ sau tiếp)

(1) Gratuity : tiền « Phục bova ».

ĐẦU LÀ CHỮ  
LỰC CỦA LỰC  
LƯỢNG

V Ă N  
H Ó A  
D Â N  
T Ô C    Δ    THIẾU - SƠN

**D**ã lâu tôi ít lui tới những chỗ hội họp đông người để nghe thuyết trình hay diễn thuyết. Không phải là tôi không còn tha thiết với làng văn, làng báo, không còn muốn có liên hệ với anh em trong làng. Nhưng thật tình tôi hơi ngán và hơi chán. Ngán vì sợ người ta « chụp mũ » bất-tử và chán vì phần nhiều có « hơi hám » chánh quyền. Đã có lần có một cuộc đại-hội báo chí người ta đã quay roneo

in một dọc những tên bị « chụp mũ » trong đó có tên tôi. Mình không tới dự mà người ta còn không « buông tha » cho mình thì mình còn tới dự làm gì cho mang họa? Hơn nữa, thường có tai mắt của chánh quyền và mọi sự phát - biểu ý-kiến đều không được tự - do cởi - mở. Như thế thì còn hứng-thú gì mà dự? mà nghe? mà tham-gia ý-kiến?

Nhưng gần đây, không khí có khác trước hoàn cảnh cũng

LỰC LƯỢNG VĂN HÓA

có lẽ đã khác trước.

Những cuộc thuyết trình của bà Phan-thị-Cù, của ông Lê văn Giáp, của Giáo sư Lữ-Phương đã gây lại hứng thú cho tôi và cho tôi thấy rằng mặc dầu ở thời loạn mà lòng người chưa loạn, mặc dầu chánh thể nhà Ngô và tình-hình đất nước đã làm sa đọa một số người mà tinh thần dân - tộc còn nguyên vẹn chưa phai, mà nhân phẩm và tư cách con người còn đáng được đề cao và bảo-vệ.

Ông Lê - văn - Giáp nói :  
*« Chúng tôi những văn-nghệ-sĩ, những người diễn, xuất và những phụ-huynh, những nhà khoa-học và những tin đồ, tự thấy mình sẽ có tội đối với giống nòi nếu cứ diễm nhiên tọa thị để bao giá-trị văn hóa dân tộc phải bị tiêu mòn, hủy diệt ».*

Và ông đã nói một cách thiết tha mạnh mẽ với tất cả ý-thức trách-nhiệm của người trí-thức đối hiện-tại và tương lai của đất nước.

Nhưng tôi tự nghĩ : giới trí-thức V.N. liệu có đủ sức làm cái công việc đó không? Mặc dầu vẫn có nhiều người tốt

nhưng thật ra thì lực lượng chẳng có là bao nếu không dựa vào quảng đại quần chúng mà tôi vẫn tin tưởng.

Cố nhiên những người đứng ra tổ chức lực-lượng văn - hóa dân tộc cũng không bỏ qua cái hậu thuẫn nhân dân mà tôi vừa nói tới.

Nhưng tôi thấy trước hết cần phải phá tan cái « tháp ngà » mà những nhà văn hóa thường nhốt mình vào đó để tự mãn, tự-kieu, tự-cao, tự-đại, tự tách rời ra khỏi quảng đại quần chúng để rồi sẽ lạc lỏng, chơ vơ và để cho người ta thao túng như đã từng xảy ra ở dưới chế-độ nhà Ngô.

Bài thuyết trình của giáo sư Lữ-Phương đã nói ra điều đó và đã nói với những lời đánh thép, với những lý luận chặt-chẽ và tiến-bộ vô - cùng. Ông nói :  
*« Nếu tiếng súng của bọn cướp nước không khua động mảnh đất này thì các nhà nho làm sao có thể dễ dàng từ bỏ con đường mòn khoa-cử để vào rừng núi chiến - khu kết hợp với quần chúng đánh đuổi lũ bạo tàn ».*  
Ông còn nói : « Đặt vấn đề

## LỰC LƯỢNG VĂN HÓA

*văn-hóa dân-tộc tức cũng không thể nào tách rời dân tộc khỏi những vấn đề mà dân tộc phải đối phó.»*

Và những vấn đề đó không thể không phải là những vấn đề của chúng ta, những con người làm văn hóa.

Nhân-dân ta đã chấp nhận mọi hy sinh, mọi đau khổ để khôi phục lại nền độc - lập của nước nhà, ta không thể không biết tới điều đó.

Chiến tranh đã tàn - phá đất nước, gây bao nhiêu thống khổ cho đồng bào và xô - đẩy nhiều người vào những cảnh sa đọa lâm-than, ta cũng không thể không biết tới điều đó.

Chiến tranh cũng làm cho một số người bỗng dưng giàu có, quyền thế, được ưu đãi vì đã hợp tác chặt-chẽ với ngoại-bang ta cũng không thể không biết tới điều đó.

Tóm lại, người làm văn nghệ nói riêng và người làm văn hóa nói chung phải sống cái sống của nhân dân, biết kiêu cái kiêu của nhân-dân, nói lên những nguyện vọng tha thiết của nhân dân hơn là tăng bốc lẫn nhau

hay là về phe với những người được ưu đãi.

Vai tuồng lãnh đạo của trí thức lúc này e rằng đã lu mờ đi nhiều lắm vì ta đã thủ - tiêu tranh đấu từ lâu, vì ta cũng có phần nào cầu an và hưởng lạc trong một hoàn cảnh dễ làm hư con người.

Nhưng nếu ta thấy rằng ta không thể đi ngược dòng lịch-sử nếu ta thấy rằng ta không thể tách rời khỏi dân tộc thì ta phải thành khẩn đặt mình dưới sự lãnh đạo của dân tộc.

Có những người V.N. mất gốc, sa-đọa làm nhục cho giống nòi, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn trong sạch, hiên ngang, trung-kiên và bất khuất.

Văn hóa dân tộc tiêu biểu ở những người này. Và lực lượng văn hóa dân-tộc cũng phải lấy họ làm chủ-lực.

Có như vậy thì những người cầm viết mới khôi phục lại được phần nào uy-tín và nhân phẩm của mình.

Có như vậy ta mới có quyền ăn nói trước nhân-dân.

NGAI VÀNG KHÔNG LƯU DANH ĐƯỢC CÁC ÔNG VUA TRONG  
LÒNG NGƯỜI DÂN VỚI THIÊN CỒ, NHƯNG TÌNH THƯƠNG  
NỒNG NHIỆT VÀ THÀNH THỰC GIỮA NHỮNG KẺ BIẾT THÔNG  
CẢM VỚI NHAU XÓT XA NHAU TRÊN SỰ ĐAU KHỔ THỊ BẤT DIỆT

# BACH CU - DI

## DƯỚI CON MẮT CHÚNG TA

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(tiếp theo P.T. 173)



ÉT về thi văn của Bach-cu-Di, ta có thể chia ra làm 4 loại :

1.— Loại *Phúng dụ* gồm những bài có ý châm biếm và giáo dục sâu sắc như *Tấn-trung-ngâm* và *Tân nhạc phủ*,

2.— Loại *nhân thích* gồm những bài *ngâm vịnh* trước những cảnh mây nước, sông hồ.

3.— Loại *cảm thương* gồm những bài *đầy* ưu ái đối với những kẻ cũng khổ sống lay lắt trong sự thiếu thốn, đói rách

và áp chế. Loại thơ này phản ánh cái xã-hội tràn ngập bất công khiến người dân Trung quốc đã phải xót xa hết thế hệ này qua thế hệ khác dưới chế độ vua quan, phong kiến. Thêm vào đó có ít bài ông ghi những xúc cảm của ông một cách thành thực, đáng kể nhất là bài *Trường hận ca* đã nói lên tấm bi kịch tình ái giữa Dương-quý-phi và Đường-huyền-tông, bài *Tỳ bà hành* kể nỗi thương tâm của một nàng kỹ nữ hết thời trên bến Tam - dương và nỗi lòng

bi-đất của tác giả một ông quan thương dân yêu nước bị giáng trích.

4.—Loại tạp luật gồm những bài hình thức và nội dung không giống các bài thuộc 3 loại kể trên.

Tổng quát mà nói thì văn của Bạch có tính chất hiện thực rất cao nhất là các bài thơ thuộc loại *Phúng dụ* đã tả rất rõ ràng cái bộ mặt thật của thời đại từ những tập tục xa-hoa, đàng-diểm đến cái mục nát đồi-bại của thượng-tầng xã-hội đời Trung-Đường, từ cái đau-khổ của đám phụ-nữ trong cung đình đến các cô gái nghèo bán cười trong các trà lâu tửu đình, sau cùng là cuộc sống bi thảm của người dân với những trường hợp khác nhau.

Mỗi bài thơ về loại này đáng kể là một lần roi quất vào mặt bọn thống trị, một bản án ghi chép các tội lỗi của chế-độ thữ thời một chế độ chỉ nhằm vào việc bóc lột, áp chế nhân dân và rất hờ hững với sự đau khổ của họ. Ti-dụ về vấn đề thuế khóa, người dân quá nghèo nên không sao có đủ khả năng đóng

góp.

Bài *« xem gặt lúa »* đưa ra hình ảnh một thiếu phụ bằng con đi mót lúa giữa đám nông dân đang gặt hái quần quật dưới nắng hè. Nàng đã than thở về nỗi thuế má của nhà cầm quyền :

« Nghe lời chị ấy nói,

« Ai cũng ngậm ngùi thương,

« Ruộng nhà bán nộp thuế,

« Nhật lúa đờ đói lòng !

Bài *« Người nhật củ địa hoàng »* tả cái khổ tâm của người dân quê mất mùa lâm vào cảnh đói phải vào rừng nhật củ địa hoàng (1) để lấy lúa cho ngựa ăn. Đây lời van vỉ của người dân trong việc đòi chác :

« Cậy ông lấy hộ cho nhau,

Ngựa ăn béo tốt, đẹp màu thắm da

Chỉ xin thóc ngựa ăn thừa,

Đem về ăn đờ cho qua hội này!..

Bài *« ông lão bán than »*, áo rách nát tả tơi run rẩy giữa trời đông thán giá mà vẫn phải mong trời rét lạnh nhiều hơn để bán được than :

(1) củ địa hoàng là củ thực sống mọc trong rừng.

« Xót thân rách rưới tả tơi,  
Sợ thân sụt giá khấn trời rét  
thêm... »

Riêng ở điểm này ta đã đủ thấy sự bi thảm của ông già bán than rồi nhưng sự bi thảm có phải chỉ như vậy mà thôi ! Ông già cực nhọc mới đốt được mớ than, xe than xuống kinh thành còn bị lũ tôi tước của hoạn quan cướp mất. Thuở đó vua quan đã đặt ra chế-độ *« Cung thị »* tức là bán hàng theo giá Nhà Nước như ngày nay, nhưng bọn lính tráng vua quan còn hà hiếp dân trong vụ này hơn nữa, chúng cướp luôn cả công chuyên chở than vào trong cung đình.

« Phăng phăng đỏi ngựa kìa ai  
nhỉ ?

Áo vàng, áo trắng, lính quan thị,  
Tay gơ tờ giấy, mồm quát :  
« Sắc ! »

Quay xe hò trâu kéo về Bắc,  
Một xe than nặng hơn nghìn cân  
Người nhà vua lấy tiếc sao  
được !

Nửa tấm vải hồng, một trượng  
the,

Bước lên sừng trâu trả đấy,  
mặc...!

Qua các bài thơ thuộc loại *« Phúng dụ »* chúng ta thấy Bạch không bỏ sót một hạng người bị áp bức nào : người dân cày, người phụ nữ, ông già nghèo tàn tật phải chặt tay để trốn lính, người thợ dệt thảm hồng cho cung vua v.v., nhưng được Bạch lưu ý đến nhiều hơn là giới nông dân và phụ nữ. Ngoài bài *Tỳ bà hành*, còn có các bài *« Tiếng hát trong đêm, Mẹ là con, Người góa phụ, người cung nhân già trong cung Thương dương... »* đã cho ta thấy hình bóng tiêu tụy của biết bao người đàn bà xấu số nó là một hiện tượng rất phổ biến thuở ấy và trong giới phụ nữ này mỗi người ôm một mối buồn, một tuyệt vọng khác nhau.

Đọc loại thơ này ta thấy lòng ta chưa xót, thấm buồn một cách ray rứt huống hồ thì nhân họ Bạch lại là chứng nhân của hiện tượng và có lòng thương cảm nhiều hơn ta. Thật vậy, phải có nhiều tình thần nhân đạo, nhiều tình hữu ái mới có những lời thơ áo não và có nhiều nhạy cảm vậy.

Trái lại ở các bài thơ khác sự xúc-động của ta và của thị nhân



lại, không phải là sự thương xót mà là sự phân, uất, mãnh liệt nghĩa là chúng ta phải chau mày, nghiêng rặng mà thét lên: *Con người sao lại có thể vô tình và tàn nhẫn với nhau như thế!*

1) với bọn nhà giàu, tác giả có bài sau đây:

« Nhà giàu có thịt bỏ ôi,  
Kho tàng có bạc mục rồi không hay!

Cậy ai hỏi một lời này:  
Thế gian lắm kẻ tháng ngày đói ăn.

Sao không giúp kẻ cơ hàn,  
Chỉ lo chèn chén cho thân béo phì. »

(Thương Trạch)

2) với bọn hoạn quan:

« Ăn no càng phần chấn,  
Rượu thắm mắt thêm tươi,  
Giang nam trời đại hạn  
Củ châu người ăn người. »

(Khinh Phi)

3) Với bọn lính nhà quan, tác giả vẽ một hoạt cảnh một bọn cướp ngày tự do hiếp dân chẳng kiêng nể luật pháp hay coi như không có luật pháp:

« Ly rượu chưa kịp uống,  
Lính tráng đã đến nơi.

Áo dờ cầm búa lớn,  
Sừng sỏ mười mấy người,  
Cướp rượu trong bữa tiệc,  
Đoạt cơm trên bàn ăn...  
Trước nhà có cây quý,  
Trồng đã ba mươi năm,  
Búa rìu đến tận gốc,  
Chủ nhà không dám ngăn.  
Chúng xưng là « Thần sách » (1),  
Đốn gỗ làm nhà Quan... »

(Ngủ trọ trên Tử-các-son)

4) Với chế độ thuế khóa nhà cầm quyền không thèm đếm xỉa đến tình trạng nghèo túng của dân và bọn thu thuế chỉ biết dùng cực hình như nhà tù, đòn vọt để ép dân nộp cho đủ hầu được lòng quan trên. Qua bài này ta thấy họ Bạch đã coi nhà cầm quyền là một thứ giặc của dân hay giống sài lang đã đẩy dân chúng đến đường cùng:

« Quan làng có biết hay không?  
Thuế kia vẫn thúc lập công  
tranh quyền!  
Ruộng phải bán lấy tiền nộp thuế  
Đến sang năm hết kể sinh  
nhai,

(1) Thần sách là đạo quân bảo vệ Hoàng thành, một loại cấm-quân rất có quyền và hay hống hách đáng ghét.

Cướp manh áo trên người,  
Đoạt hạt cơm trong miệng  
Hai người hại vật là lang sói,  
Lọ phải nhe răng giờ thói ăn người!...

Với một số bài tiêu biểu trên đây ta đã có thể liệt kê Bạch-cư Dị vào loại nhà thơ xã hội mà đối với chế độ áp bức thử thời, thơ của Bạch có thể nói là rất cách mạng. Nếu những người cầm bút đời bấy giờ biết sử dụng ảnh - hưởng của thi ca cách-mạng và phổ biến nó rộng rãi, có lẽ thời Trung-đường còn chấm dứt sớm hơn.

Trông một vài bức thư Bạch viết cho Nguyễn Cửu tức Nguyễn Chấn cũng là một thi nhân hữu danh bấy giờ, Bạch nói ra cái quan điểm thi văn của mình như sau:

« Thi văn phải đi sát với thực tế, kết hợp với thực - tế, phải phản ảnh đời sống của xã hội và phục-vụ xã-hội, như vậy thi ca phải bắt nguồn ở các sự việc liên hệ đến nhân sinh... »  
« Ngoài việc dâng thơ lên vua, nếu cần giải trừ nỗi thống khổ của nhân dân để sửa đổi chánh tình mà có điều không tiện nói

ra, tôi làm thi ca dần dần trình lên vua để vua trông xa hiểu rộng mọi việc quanh mình... »

Chủ trương của Bạch như vậy đã rõ ràng, còn người đó thực xứng đáng là một chiến sĩ văn hóa, một chiến sĩ xã-hội đáng cho ta mến phục hết chỗ nói.

Ta còn thấy Bạch lỗi lạc cả ở cách hành văn nữa, nghĩa là mặc dầu từ đời Đường thi ca có niêm luật có hình thức nhất định, nhưng với Bạch, Bạch không chịu gò ép mình trong một khuôn khổ nào cũng như nếp sống của Bạch không thể lỏng trong một qui tắc nào của chủ-nghĩa xu thời. Các bài trong « Tân trung ngâm » và « Tân nhạc phủ » chứng minh rõ rệt sự kiện này. Tóm lại Bạch đã nghĩ kẻ sĩ phải có chủ trương tiến bộ, thi văn phải có nội dung mới, đề tài phải mới hoặc đề tài xưa nhưng ý-tư mới hoặc ý xưa lời mới, mới đáng là thi ca. Như vậy Bạch đã là kẻ cải cách quan niệm về thi ca trong thời đại của Bạch sau khi Bạch đóng vai trò chiến sĩ chống cường quyền, bắt công

xã-hội.

Ảnh hưởng của Bạch trên lãnh vực này một giai đoạn đã lan tràn khá sâu rộng từ Trảng-an qua Thiềm Tây, khắp các thôn cùng ngõ hẻm, tại các đình chùa, trường học, quán trọ, bến đò. Nó đã ồn ào sôi nổi như một phong trào Phụ tá cho Bạch bấy giờ là Nguyễn Chân. Ngâm đọc thi ca của Bạch là các sĩ phu, thứ dân, tăng đồ, sương phụ, quân nhân v.v... và dĩ nhiên đối tượng chính trong thi ca của Bạch là bọn quan liêu, phong kiến. Bọn này đã không chịu được thái độ của Bạch cũng như những giọng châm biếm, xỉ vả trong các bài « Phúng dụ » đã nêu trên đây nên đã có phản ứng dữ dội, chẳng vậy Bạch đang làm quan tại triều, chúng đã vận động đuổi Bạch đi xa, đẩy Bạch đến một châu quận đèo heo hú gió với tình trạng một ông quan giáng trích. Mía mai hơn nữa, Bạch phải lãnh chức Tư-mã là một chức quan coi việc quân trong khi Bạch chỉ biết xử dụng có ngọn bút. Vì lẽ này cuộc gặp gỡ người con gái hết thời ở bến Tầm dương khiến Bạch

nghĩ rằng thân thể của mình cũng chẳng khác nên mới có câu :

« *Gùng một lứa bên trời lận đận* »

nghĩa là nàng kỹ nữ phải lấy gả lái buôn suốt đời vắng mặt, bỏ nàng bên sông lạnh thì mình cũng là một kiếp đọa đày sống bất như ý, chẳng kém.

Cũng như Đỗ Phủ, Bạch được một sự an ủi ở vài kẻ tri kỷ và ở quần chúng đã nhiệt liệt hưởng ứng ý thơ và lời thơ của Bạch. Trong lời tựa *Bạch thi trường kháng tập* » Nguyễn Chân đề : « Từ xưa đến nay chưa thi ca của ai lại được phổ biến rộng rãi như thi ca của tiên sinh... » Lời này chẳng ngoa vì không phải chỉ người Hán hâm mộ thơ của Bạch mà còn cả các dân tộc láng giềng như Cao Ly, Nhật Bản, Việt-Nam nữa. Tề tướng Triệu - Tiên, đã từng bỏ trăm tiền vàng để trả mỗi bài thơ của Bạch nhưng có điều tức cười là loại thơ « *Phúng dụ* » có tính cách tranh đấu cho quyền lợi đại chúng mà Bạch ưa hơn cả thì đại chúng ít thích

hơn các loại khác, tỉ dụ bài *Trường hận ca* và *Tý bà hành*. Bạch đã than với Nguyễn Chân:

— « Người đời ưa thi ca của tôi chẳng qua là thơ Tạp-luật và Trường hận ca, cái mà người đọc coi trọng thì chính là cái tôi coi khinh... » Nói cho đúng, đại chúng không phải là không mến thứ thi ca trang đấu cho họ, nhưng thơ hiện thực, duy thực có phần khắc khổ, khó khăn. *Trường hận ca* và *Tý bà hành* là thơ nhiều chất lãng mạn, dào dạt tình cảm dễ làm cho người đọc xúc động hơn. Chẳng phải là người Hán đối với thi ca của Bạch như vậy mà cả người Việt cũng không đứng ngoài lẽ đó.

CHÚ THÍCH A) Do mục đích lấy thi văn phục vụ đại-chúng nên Bạch-cư-Dị không dùng điển tích hay những lời lẽ cầu kỳ: Sách « *Lĩnh trai dạ thoại* » kể rằng mỗi khi Bạch làm xong bài thơ nào đều có đem đọc cho người vú già nghe, nếu có đoạn nào, câu nào người vú không hiểu, Bạch xóa bỏ ngay và làm lại. Nếu

chúng tôi không làm thi nhà văn Pháp Alexandre Dumas cũng viết văn theo lối dẫn dị nên cũng đọc cho người vú già nghe trước khi buông bút hẳn.

B) Tuy có phải chịu cái vạ khẩu này nhưng nhà thơ của chúng ta cũng đã có phen xưng ý bởi *Bài mừng mưa* đã thúc đẩy được nhà vua làm điều lành như phóng thích tù nhân, thả cung phi, giảm sưu thuế. Như vậy chủ trương văn chương vì thời cuộc, vì sự việc, mỗi bài thơ phải tố cáo một việc đã thành công được phần nào và nó là phương trâm của ông khi cầm bút. Phương trâm này đã được áp dụng trong các bài ở *Tần trung ngâm* và *Tần nhạc phủ*. Tỉ dụ bài *Rồng dâm đen* đập vào lỗ gian thần đối vua hại nước. « *Cáo giả thần rồng soi hết lợn, Chín tầng đầy sỏi rồng hay chẳng ?* »

Lũ gian thần ấy như ta đã biết là bọn hoạn quan và bài *Hắc dâm long* có ý chặn đường Tiết-độ-sư Vương Ngạc đang lo lột những kẻ gần vua để môn men leo lên ghế Tề-trương.



Truyện ngắn ★ LÊ-HƯƠNG

**H**Ã N đã nhất định rồi. Chương trình hành động của hắn đã phác họa từ lâu lắm, nhưng chưa có dịp cho ra mắt thiên hạ vì hắn cho rằng, hắn chưa «tới số» làm giàu. Trước mặt vợ, hắn không dám vênh râu, ngoác mõm xoén xoét chứ mỗi lần vào tiệm uống tách cà - phê đen thứ nhỏ thì hắn xòe

tay ra nhìn vào mà tuyên bố khơi khơi rằng :

— Đứng rồi ! Lăn tài đạo như thế này thì chưa phát thì cũng phải. Nhưng thế nào cũng có dịp phát mà. Không lâu đâu.

Hắn «ngon» như thế đề quảng cáo khéo cho mình. Thực khách ngồi xung quanh tất chú ý đến hắn và

GIỜ QUÊ

hắn nói tiếp :

— Tôi làm nghề «giáo sư», coi tay nhưng không mở phòng tiếp thân chủ, chỉ đi đến tận nhà.

Ấy, trong nghề bóc phệ, tay nào được người rước mới có giá trị hơn là ngồi cú xụ bên lề đường, hoặc thuê khách sạn treo bảng hiệu rần rục như quảng cáo hát cải lương.

Người có tánh dễ tin nhìn hắn bằng đôi mắt có thiện cảm, kẻ nào «quen» hắn quá nhiều thì không buồn nghe hắn nói gì cho mệt tai, vì sự thật, hắn không mở phòng là tại hắn không có tiền thuê nhà ở ngoài mặt đường có số cần thận ; hắn không tiếp khách là vì có ma nào biết hắn, biết nhà hắn ở trong đường hẻm dầy công rãnh này đâu ? Còn «cái sự» thân chủ mời đến nhà, thì xin lỗi, hình như từ lúc hắn tự phong chức coi

bói đến giờ dễ thương chưa có một nhân vật nào thỉnh hắn. Người đầu tiên nghe hắn đột nhiên cung khai nghề nghiệp là vợ hắn. Mụ tròn đôi mắt ngạc nhiên nhìn hắn, không hiểu có phải là chồng của mụ chẳng ? Khi biết đích thị là vị Hoàng tử của lòng mình, mụ mới ngổ lời khuyên hắn không nên giờ quê ngang xương như vậy.

Mặc kệ bà vợ lải nhải hàng giờ, hắn vẫn cương quyết giữ vững lập trường. Hắn bắt đầu khai trương nghề mới bằng cách ... năm nhà chờ thời vận. Ngoài hai buổi cà-phê sáng và trưa để lợi dụng quảng cáo cho mình, hắn kèn trên ván dơi thân chủ rước.

Vợ hắn phải mua gánh, bán bưng để kiếm tiền mua cơm chứ không thể nhịn đói chờ hắn có tiền. Nhiều lúc bị người đàn bà mè nheo, trách móc, hắn khinh bỉ chỉ

vào đầu hần mà rằng :

— Má nó biết cái gì chưa trong này không ? Há ! há ! Rồi mà nó sẽ biết tài tôi mà.

Hần xòe tay trái cho vợ xem :

— Nay, lần tài đạo hiện lần rồi đấy, nay mai nó lộ hần ra thì tiền « vào » đếm không kịp đấy.

Vợ hỏi :

— Tiền vào bằng ngã nào ? Tự nhiên « nó » có chân « nó » chạy vào túi mình phải không ?

Hần không thèm trả lời câu nói xiên xỏ, lẳng lặng trầm ngâm theo đuổi giấc mộng vàng.

Ấy thế mà đúng thật. Số của hần « tới » rồi. Hần có nhiều tiền mà chắc chắn có hoài hoài. Tiền vào túi hần hàng tháng, mỗi kỳ mỗi tăng thêm. Cơ hội đặc biệt giúp hần phát tài là tự dung thiên hạ vut tin khoa bói toán, tin quẻ tử vi của một

tay lái giấy sáng chế trong tờ lá cải mỗi ngày. Các đồng nghiệp khác đua nhau bắt chước để câu độc giả. Phong trào xem tử vi trên báo nổi dậy. Các ông rờ mai rùa lên chân. Một người bạn ký giả giới thiệu hần phụ trách mục này với số lương khá dễ thở. Rồi thì tự nhiên tên tuổi hần được nêu lên mặt báo mỗi ngày. Thiên hạ biết tên hần, thỉnh thoảng nhờ nhà báo chuyển giao thư hỏi thăm vận mạng, tình duyên tài lợi. Các bạn cà-phê với hần, nhìn hần với đôi mắt khác hơn trước. Có người mò vào nhà hần xòe tay nhờ hần xem và tin hần rầm rầm.

Vợ hần không mua bán gì nữa. Hần bảo rằng một khi vị Hoàng-hậu của lòng mình tảo tần, khổ cực dưới nắng sớm mua chiều thì còn gì giá trị của một vị giáo sư thầy bói ? Người đàn bà

sớm già hóp vì quá bay nhảy nay được khỏe xác, ở nhà kho cà, nấu cơm, mặc quần hàng, áo lụa ra phết phu nhân của nhà bốc sư.

Phong trào nổi càng mạnh hần thâu càng nhiều tiền.

Mấy tờ báo ngoắc ngoải mời hần cộng tác, cố nhiên dưới tên khác. Hần mở rộng phạm vi hoạt động bằng cách giao thiệp với anh em ký giả, văn nhân, sáng cà phê, siu-mại, chiều củ kiệu, la ve. Hần ăn mặc chững chạc, quần áo sang trọng, đeo kính trắng gọng vàng; ngâm ống dóc ngà dài sọc. Vài đồng nghiệp của hần không biết tên tuổi hần khóm róm mời hần đưa tay coi... giúp ! Mỗi chiều, hần thẳng bộ ngồi các nhà hàng có bàn đề tờ hồ ngoài lề đường cho thiên hạ thấy mặt. Tay hần lúc nào cũng có một xấp báo hằng ngày xếp trang trong ra ngoài để lộ bài tử vi của hần viết.

Có lần hần định mang tấm bảng hiệu đề kể bên mình cho mọi người thấy mà biết ngay. Hần tán phiếu rất to, cố ý cho khách ngồi xung quanh nghe. Hần nói toàn chuyện coi tay, xú quẻ, đoán vận mạng, bói tử-vi.

Hần sang nhà ngoài lộ, treo đầy bảng hiệu đủ màu vẽ theo lối Tàu, Tây, Ai-Cập, Ma-là-bà, thoạt nhìn ai cũng tưởng là rạp biểu diễn ảo thuật « A-ma-đu ».

Đứng trước « văn phòng » hần cảm thấy mình biến thành một nhân vật quan trọng lắm rồi. Chương trình của hần phác họa từ lâu vut trở lại với hần. Hần nhất định phải thừa dịp hiếm có trên đời để khai thác tài nguyên đến triệt gè. Đại gì bỏ qua cơ hội ngàn năm một thuở rồi ngày sau hối tiếc, ăn năn.

Người đầu tiên nghe hần đột nhiên trình bày ý định to

tát này là vợ hẳn. Mụ tròn đôi mắt, ngạc nhiên nhìn hẳn, không hiểu có phải chính là chồng mụ chẳng?

Hắn truyền lệnh cho vợ mở thêm một văn phòng, coi bói do mụ điều khiển, nghĩa là trong «thị trường» bốc sư có một nữ giáo sư mới ra đời.

Thật là, một tin hết sức giật gân. Bất ngờ như động đất, vợ hẳn không hiểu vì sao hẳn lại giờ quẻ liên tiếp làm vậy. Mụ nghĩ rằng: «Chính cái thân bằng xương, bằng thịt của hẳn còn không có học ở trường nào, không thọ giáo với ông thầy nào ngoài ra mấy năm xách gói áo quần, chuồng mỏ giúp vài tay sư mô thuộc loại Lỗ trí Thâm nói gì đến mình là một gái xề, quanh năm gánh nước, nấu cơm, và bán hàng vật. Chịu thôi, chịu thôi, không dám làm cần như hẳn đâu. Hẳn khinh khỉnh trước ý nghĩ «thoái hóa» của mụ

đàn bà. Hẳn nhất định phải chinh phục bằng được vị Hoàng Hậu của lòng hẳn. Hẳn sẽ truyền nghề cho vợ rằng:

— Này, má nó xem tôi có học hành cái quái gì đâu mà cũng vang danh ra phết, chẳng qua là khéo mồm, khéo tay, khéo bắt chước mà thôi.

Rằng:

— Muốn sống vững trên cõi trần hoàn ta phải làm theo đuổi thiên hạ. Người nào có sáng kiến hay, ta cứ chộp lấy, nhái giống theo là «ăn».

Rằng:

— Này má nó xem tôi bắt chước mấy tay coi bói nhà nghề mà viết trời mục tử vì mỗi ngày, mỗi tuần mà độc giả say mê như chết, khen tặng tôi là thánh sống rầm rầm. Chào! Bí quyết là chỗ đó. Tôi hỏi má nó câu này:

«Mỗi lần phải «rặn» 12 con giáp làm hai bốn nam, nữ, viết trước hai ngày cho kịp sắp chữ trang trong thi bố ai mà đoán trước cho ra chuyện họa, phước, tình duyên, gia đạo, xui, hên, trúng số, tới số cho cả triệu đồng bào từ 12 tuổi đến 120 tuổi? Đầu tôi có bằng cái thúng cũng không đoán nổi. Nếu không viết ầu thì nhét cái gì vào đấy, hờ bu nó?»

Rằng:

— Trúng hay trật, cái đó xin lỗi ông Tô thầy Ba chữ thiên địa mù mù, chính thân tôi còn chưa biết ngày nào bị xe cán, ngày nào bị mọc sừng, nói gì lo trước cho kẻ khác! Nhưng má nó nghĩ xem làm gì không có người thấy tôi nói trúng vào tuổi của họ? Ví dụ tôi viết:

«Việc kia hoặc việc đang trù tính thành rồi đấy. Bạn sắp được nhiều cái hên..»

Trong 100 người có tuổi ấy thế nào lại không có một người đang thành công trong việc làm ăn. Cố nhiên ông ấy vỗ tay la to tên: «Trúng rồi, hay lắm!» và đồn rùm. Còn việc ngày mai sắp được nhiều cái hên thì rần mà chờ, không hên thì thôi chứ chém tôi hay sao?

Dòn miệng, hẳn «quat» thêm cho tăng nhiệt độ:

Rằng:

— Này, má nó có nhớ thời kỳ đánh đê không? Mấy tờ lá cải nuôi các ông họa sĩ vẽ hình thú vật cho độc giả có máu mê đàn bà đánh. Trong 100 mạng thế nào cũng có một mạng đánh trúng. Hề ăn được thì quang quác cái mồm, còn đút tiền cho chẹt ăn thì ngồi cú xu như bù dù và dấu cái ngu của mình như mèo dấu cứt. Có ai nghe tiếng chữ thề rằng báo này vẽ bậy, báo

kia chua lời khôi hài bá láp đâu ?

Rằng :

— Một ví dụ khác. tôi viết : « tối nay có *hoạch tài* » người không được tiền vào, lại bị tiền ra, tìm tôi mà cự. Tôi sẽ giải thích rằng : « *hoạch tài* là *tài* (tiền) của mình « *hoạch* » ra ngoài chữ đâu phải ở ngoài *hoạch* vô ! Đấy ai làm gì tôi ?

Rằng :

— Nay, má nó xem dạo này người ta làm giàu tất bằng cách mua giấy số, phải theo cho hợp «trào lưu tiến hóa» để ngày hên và con số hợp với họ. Tha hồ mua và hy vọng sắm xe hơi, nhà lầu. Không được kỳ này thì còn kỳ khác, tôi có quả quyết ngày nào và ông bà ở vào tuổi nào đâu mà sợ ? Vả lại trong hàng ngàn hàng triệu người không lẽ *chẳng* có ma nào trúng 100 « voi » hay sao ? Hề có thì tôi lại được

khen tài, giỏi, hay, toàn, đủ thứ.

Rằng :

— Nay, má nó xem tôi viết hết sức nhanh và hết sức dễ bởi vì tôi chép lại những bản cũ của tôi và của người khác, đổi thay một vài chữ hay thêm, bớt đôi câu. Đặc biệt nhất là tôi trộn lộn tuổi này qua tuổi khác, đàn ông qua đàn bà. Có ai chịu khó đọc thuộc lòng mỗi ngày đâu mà biết ? Mở tờ báo ra, thì mục nào cũng lật đặt coi ngay tuổi mình rồi trầm ngâm suy tính. Tôi dám cam đoan các bà ấy đều lộ vẻ sung sướng ra mặt bởi vì tôi có nói cái gì xấu xảy đến cho họ đâu ? Toàn là tốt, hên, có *hoạch tài*, (tiền) sắp tới số, quên, trúng số.

Thấy vợ mỉm cười gật gật đầu, hẳn mừng rỡ, long lanh mắt làm tôi :

— Nay, má nó mà ra đời

thì thiên hạ sẽ lác mắt, vì những lời quảng cáo của tôi do các báo đăng giúp. Có phải trước kia má nó ở Nam-vang bán chè không ? Ủ ! Có phải trước khi «*đụng*» tôi, má nó theo tia thẳng Rô-rép (1) ở Banmethuot bán «*xum xum*» (2) không ? Ủ ! tôi sẽ tuyên bố âm lên rằng má nó xuất dương đi hải ngoại «*duyện*» khoa học huyền bí, từng thọ giáo, tiếp xúc với các tay tổ sư bồ đề Miền, Mọi biết tàng hình trong ống vớ, biết «*thur*» cả bầy voi vào bụng kẻ thù. Giật gân chưa ? Chỉ có bấy nhiêu đó cũng đủ ăn tiền rồi.

Đôi mắt của người đàn bà vụt sáng lên. Đôi môi thịch trâu hé mở :

— Tôi không biết coi tay, làm sao tiếp thân chủ tại phòng ?

Hắn bật cười hốc hốc một hồi dài :

— Cái này mới là dễ như thò tay vào túi thiên hạ lấy tiền. Má nó cứ kể chắc rằng hề có người nào bước vào khỏi cửa là má nó có xu. Nay tất cả bí quyết của nghề gồm có 4 chữ : «*lần vách bắt mồi*». Mới vào đề, má nó cứ cầm tay thân chủ ngắm nghía rồi cứ khen bừa táu tốt, hào phóng, rộng rãi, thương người, có lòng nhân, có

phước lớn v.v... Người nào lại không nở mũi khi được tán tụng như thế ? Tiếp đấy, má nó phát giác : ông (hay bà) vừa qua một tai nạn, nếu không có âm đức tổ tiên để lại thì chết thiệt rồi ! Tai nạn gì không nên nói rõ. Hề kể ấy có thì tự nhiên họ phun ra ngay, rồi cứ theo đó mà : «*lần vách*» «*một lát*», tự nhiên chuyện gì họ cũng khai cho má nó nghe

(1) tên tây : Joseph.

(2) rượu đế.

hết rào ! Trái lại, họ không gặp chuyện gì không may cả thì mụ xoay lại rằng có kẻ thù âm mưu trong bóng tối, nghĩa là họ « suýt » bị tai nạn nhưng có quờ nhân phò hộ sát bên mình !

Đôi môi thịt trâu lại nhóp nhép :

— Còn việc sắp tới ?

— Lại còn dễ hơn nữa !

Tự ý má nó muốn « cho » họ cái gì thì cho, tình nhân sẽ hết duyên Tần Tấn, gái góa sẽ gặp chồng non, già dịch sẽ có vợ bé, lưu manh sẽ trúng số độc đắc v.v . . .

Trúng, trật xin hỏi ông Tô thầy Ba chớ tiền quẻ mụ đã thâu vào túi rồi kia mà.

— Nhưng...

— Nhưng, sao ?

— Nhưng tôi sợ không ai tin đàn bà biết làm thầy bói.

Hắn trợn tròn mắt :

— Úy, cái đó mới là dốt kịch liệt đấy. Đàn bà mới là

dễ « câu » khách đàn bà, mới dễ tâm sự với nhau hơn. Má nó thử nghĩ có cô nào trẻ đẹp mà đem chuyện « ái tình » ra nói với tôi hay không ? Có bà nào muốn có chồng thứ ba, thứ tư mà dám nói với tôi hay không ? Vả lại trong lúc chưa có bao nhiêu phụ nữ nhập tịch giới : « mai rùa », mà có mụ nhảy vọt ra, có phải là quái vật, quên, quái kiệt, là dị như không ? Tha hồ cho thiên hạ chú ý, trầm trở làm quảng cáo không công cho mình.

Nói xong, hắn phóng đôi mắt cú vọ bắt gân mặt vợ. Đoạn, hắn nở một nụ cười khoái trá khi thấy đôi môi thịt trâu toét tõe loe ra.

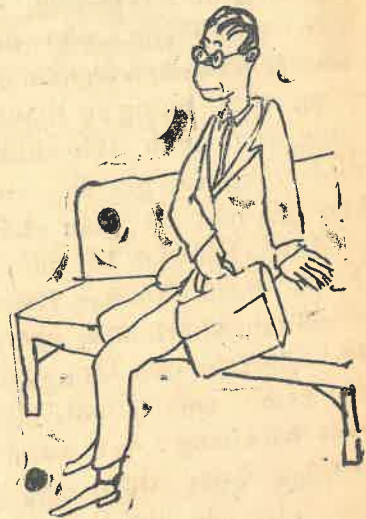
Ấy thế, chương trình hắn phác họa trong óc đã trình bày cho nhân vật chánh nghe xong và nhận lời chấp thuận rồi, hắn lập tức thi hành. Hắn thuê một căn

nhà nhỏ ở phố khác, mướn thợ vẽ bảng hiệu nhiều hơn « cửa hàng » của hắn chỉ có mặt người thì toàn là đàn bà.

Hắn giao cho bà vợ « trấn thủ » quán này suốt ngày. Còn hắn ở nhà vừa viết vừa tiếp khách. Trưa nghỉ, hắn đến gọi vợ ăn cơm tiệm, tối hắn rước về nhà. Về mặt quảng cáo thì mấy tờ báo nhờ hắn phụ trách đăng lời giới thiệu của hắn mỗi ngày với giá đặc biệt, nghĩa là có trừ bớt hoa hồng. Đồng bào giới vú em, bồi bếp, anh chị máy nước bàn tán rất nhiều về một nữ tiên tri nói quá khứ, vị lai như nói thơ Chàng nhái và biết xem thiên văn nữa ! Vài cô định cuối tháng nhờ « bà thầy » bốc một quẻ xem chừng nào có chồng sang.

Hắn mừng cứ ton ton lên, chắc mẫm phen này sẽ giàu lớn. Những hai cửa đón tiền vào còn gì nữa ? Tỉnh

thoảng xòe tay ngắm lẫn tài đạo hắn lầm bầm :



— « Hạnh phúc tràn trề, tiền của rồi-rào !

Ngắm qua lần tâm đạo hắn gật gù : »

— « Ái tình chung thủy, trăm năm bền chắc ! »

Hắn tự khen mình tốt phước mới gặp người vợ biết nghe lời và thông minh dường ấy, chỉ học vài giờ đã

## GIỜ QUÊ

thuộc một nghề kiếm nhiều tiền ngay tức thì.

Sung sướng quá, hần vội quăng viết, khóa cửa gọi xe đến « văn phòng » nhà nữ tiên tri định kéo bà đầm đi uống rượu mừng sự thành công của mình. Hần định ninh rằng vào giờ ấy, vợ hần tiếp một nữ thân chủ và đang « lần vách bắt mò » tới giai đoạn lượm bạc. Hần sẽ giả làm khách hàng ngồi chờ cho rậm dăm và nghe thử xem mù ta có ... thuộc bài chăng ?

Nhưng quái, hần vừa bước vào cửa thấy vắng tanh, liền tăng hăng lên



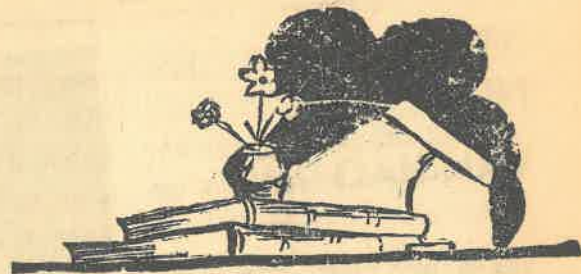
## TÈO VÀ TÝ

Tý : Hôm qua tao theo Ba tao ra tòa coi xử tội. Có 3 người cùng ăn trộm đồ của người ta. Tòa xử mỗi người 3 tháng tù ở. Không biết 3 người ấy phải ở mất mấy tháng mới mãn tù ?

Tèo : Thì có gì đâu... 3 lần 3 là 9, như vậy họ phải ở tù chín tháng chứ mấy nữa !

tiếng, tức thì một màn kịch diễn tở, hô trước mắt hần, khiến hần suýt ngã chổng kèn xuống đất và thề bán mạng sẽ không làm cái nghề đoán bậy nói càng giúp thiên hạ, mà không biết trước vận mạng của mình.

Rõ ràng giữa thanh thiên bạch nhật, vợ hần, nhà nữ tiên tri có du học nhiều năm ở ngoại quốc đang tiếp một thân chủ đực rựa, mà lại « giờ quê » ngay trên giường, để phía sau bàn giấy, một thân chủ thuộc loại tia thẳng Rô-Rép lúc mù bần « xum-xum ».



## di chúc

Từ di máu chảy trăm miền  
Mảnh chinh-y với tinh huỳnh đệ tàn  
Anh cầm như đã vong thân  
Phù sinh xin đứng mộ phần quê hương  
Tóc anh dài nổi xa nguồn  
Xuôi tay địa ngục thiên đường sá chi  
Đêm đêm còn nuôi câu thề  
Chi trai nước mắt, tình mê trả người  
Súng giơng ngao ngàn môi cười  
Biết thương em hay ngậm ngùi chút thân  
Mai sau ngó lại vong hồn  
Anh u-uất đó với buồn em đây

★ TRẦN-MINH-PHÚ



NỮ  
VĂN-HÀO MỸ

PEARL  
BUCK

★ THANH-VIỆT-THANH

**S**AU ba nữ văn sĩ :  
Selma Lagerlof (1)  
Grazia Deledda (2) và  
Sigrid Undset (3) và

Pearl Buck là người đàn bà  
thứ tư được giải thưởng  
văn chương Nobel, năm 1938

Cha là người Hòa-Lan,  
mẹ là người Mỹ, bà Pearl  
Buck mang trong người hai  
dòng máu ấy, sinh ngày 26  
tháng 6 năm 1892 tại quận

Virginie, tỉnh Hillsborough  
(Hoa Kỳ), tên thật là Pearl  
Sydenstricker.

(1) Nữ sĩ Thụy Điển (1859-  
1939) được giải văn chương Nobel  
lần đầu tiên (đối với phái nữ)  
năm 1909

(2) Nữ sĩ Ý (1875-1936) được  
giải văn chương Nobel lần thứ  
nhì (đối với phái nữ) năm 1926

(3) Nữ sĩ Na-Uy (1882-....)  
được giải văn chương Nobel lần  
thứ ba (đối với phái nữ) năm  
1928



NỮ SĨ PEARL BUCK

Trong số những văn sĩ  
Âu Mỹ có tác phẩm nhằm  
đất Trung Hoa làm đối  
tượng sáng tác, bà là người  
đứng đầu số và mô tả tinh  
tế hơn cả. Người ta đã gọi  
bà là «Người Mỹ của xã hội  
Trung-Hoa». Sở dĩ được  
thế, là vì bà đã sống rất  
nhiều năm ở xứ ấy, ngay  
từ thuở còn bé.

Mục sư Sydenstricker,  
cha bà, có nhiệm vụ đến  
truyền giáo ở nước Tàu, đã  
đem cả gia đình theo. Lúc  
đó, bà Pearl Buck mới có 4  
tháng, chưa được nửa thời  
nời.

Vốn là người có nếp sống  
giản dị và thích những nơi  
yên tĩnh, cha bà đã chọn vùng  
Chinkiang, bên bờ Dương Tử  
Giang êm ả, dựng lên một  
biệt thự nhỏ có đôi con bao  
quanh, có cây ngàn mát mẻ,  
hợp với tâm hồn ông, một  
mục sư sùng đạo nhưng  
thích an nhàn như những cụ

đồ già phương Đông, sau giờ  
truyền giáo.

Bà Pearl có cả thảy 7 anh  
em, nhưng chết hết năm, chỉ  
còn lại có bà và một người  
em trai út.

Nhờ sống cạnh những  
người Tàu giúp việc trong  
nhà và luôn được nó đùa  
vội họ bằng trí óc của tuổi  
thơ, bà nói được tiếng Trung  
Hoa khá sành sỏi trước khi  
học chữ Anh, là chữ mẹ đẻ  
của bà. Sau này, dù cho là  
đã lớn, bà vẫn giữ mãi người  
vú già bản xứ bên cạnh.

Chính người vú này đã dẫn  
bà đi dạo, tung tăng cùng khắp  
đồi con, rừng chồi quanh  
vùng trong những buổi sáng  
và sau những giờ nghỉ học,  
đã thuật lại cho bà nghe  
những chuyện vui buồn,  
những tập quán, phong tục  
của người Tàu, cùng là  
kể cho bà biết tận tường  
những sự tàn bạo, cướp  
bóc dã man của giặc

Thái Bình năm xưa mà chính gia đình người vú ấy là một trong những nạn nhân. Hình ảnh người vú già và những điều kể trên đã chiếm một phần quan trọng trong tác phẩm bà sau này.

Năm 15 tuổi, bà được vào lưu trú trong một trường dạy Anh văn ở Thượng hải. Học sinh ở đây toàn là trẻ con Tàu, chỉ duy có mình bà là người Mỹ. Ngoài giờ học, học sinh đều nói chuyện với nhau bằng tiếng Tàu. Do đó bà viết và nói tiếng Trung hoa giỏi hơn tiếng Anh. Trong một tác phẩm, khi hồi tả lại quãng ngày qua, bà viết : *Hồi ấy, tôi không còn xem tôi khác dân Trung-hoa tí nào cả.* »

Chính bà Sydenstricker, mẹ bà, cũng đã dạy cho bà nhiều nhận xét tinh tế về xã hội Tàu với tất cả những kinh nghiệm quanh mình. Khi nhắc đến hình ảnh mẹ, bà Pearl Buck viết : *Tất cả*

*những gì tôi được biết đều do ở mẹ tôi mà ra. Mẹ tôi dạy tôi ghi chép tất cả, những cái gì tôi nhìn thấy và cảm thấy. Mẹ tôi làm cho tôi nhìn cái gì cũng đẹp cả, Mỹ thuật, âm nhạc, văn chương... tôi cũng hiểu biết ít nhiều do sự chăm non của mẹ tôi.., »*

Năm 17 tuổi (1909) bà được cha cho về Mỹ để theo học trường Randolph Macon trong quận Virginie, nơi bà mở mắt chào đời. Nhưng nơi đây, bà xem như xa lạ. Tất cả đều nhìn bà với một con mắt rất mỉa mai, như người khác giống. Bà lấy đó làm buồn. Nhưng cũng may — cái may trong cái rủi — mẹ bà ốm nặng, cha bà đánh điện gọi bà trở lại Trung hoa để săn sóc thuốc men cho mẹ. Gần suốt 2 năm dài bệnh bà mới khỏi hẳn.

Sau đó, bà lấy chồng. Chồng bà là một nhà truyền giáo Mỹ, tên John Lossing

Buck. Bà lấy tên bà và tên chồng ghép lại, thành Pearl Buck, làm bút hiệu.

Bà theo chồng lên miền Bắc nước Trung-Hoa truyền giáo ngót 5 năm. Ở đấy, hai vợ chồng bà phải sống qua những ngày tháng rất khổ sở : thiếu ăn, thiếu mặc vì bị nhiều bọn « giặc cỏ » tung hoành, vợ vét, hà hiếp... Tuy vậy, bà vẫn không nao núng. Trái lại, còn giúp chồng trong việc truyền giáo một cách đặc lực, để rồi bà trở thành nhà truyền đạo, sát cánh bên chồng.

Về sau, hai vợ chồng bà đến ở Nam Kinh. Tại đây, hai vợ chồng đều đi dạy học. Bà dạy Anh văn, ông dạy kinh tế và xã hội học. Bấy giờ bà hạ sinh được một đứa con gái rất kháu khỉnh. Bà biết hơn 16 ngàn chữ Hán, đủ để đọc tất cả những tiểu thuyết Trung-Hoa.

Năm 1923, bà bắt đầu viết.

Truyện ngắn đầu tiên của bà nhan đề : « *Một phụ nữ Trung Hoa lên tiếng* » đăng ở tạp chí Mỹ : *The Atlantic Monthly* rất được chú ý. Và nghiệp văn của bà bắt nguồn từ đó...

Truyện dài đầu tay của bà mang tên là « *Gió Đông, Gió Tây* » ( *East Wind, West Wind* ) viết năm 1926. đã bị nhiều nhà xuất bản từ chối vì không khí và bối cảnh trong truyện hồi ấy còn quá xa lạ đối với người Mỹ. Mãi đến năm 1930, nhà xuất bản *Fohn Day* mới nhận in. Kết quả bất ngờ và bà bỗng nổi tiếng ngay từ đó. Trong vòng không đầy một năm, sách được tái bản đến 3 lần và được phiên dịch ra hơn 10 thứ tiếng.

Dưới đây là sơ lược cuốn truyện vừa kể và một số tiểu thuyết có giá trị khác của Pear Buck :

### I.— GIÓ ĐÔNG GIÓ TÂY (East Wind, West Wind)

« *Gió đông gió tây* », bản dịch Pháp nhan đề « *Vent d'Est, vent d'Ouest*, » xuất bản năm 1930, là một quyển tiểu thuyết tâm lý xã hội, mô tả sự xung đột giữa hai nền văn minh Đông Tây. Nhân vật chính là một thanh niên Trung hoa, con nhà quyền quý, sau nhiều năm du học nước ngoài, mang về quê hương một cô vợ Mỹ, bị gia đình phản đối kịch liệt, nhất là em gái chàng thanh niên ấy. Nhưng oái oăm thay, sau đó, chính cô đã từng dả kích anh mình, lại đi lấy phải một ông chồng ( dĩ nhiên là người Trung hoa) làm bác sĩ, vốn đã đính hôn từ thuở bé, từng sang học ở Âu châu và thụ hưởng nhiều quan niệm mới về cuộc đời, về tình yêu của người phương Tây. Sự cách biệt

nhau về nề nếp thủ cựu và tân tiến của hai người, đã gây nên nhiều thảm trạng gia đình. Nội khổ tâm của họ, nhất là của người vợ, đã làm cho độc giả phải bàng khuâng, thương hại.

### II.— ĐẤT LÀNH hay ĐẤT TRUNG HOA (The Good Earth)

« *The Good Earth* » xuất bản năm 1931, được dịch sang Pháp văn : « *La Terre Chinoise* », là một quyển tiểu thuyết mô tả cuộc sống lầm than, cơ cực của một gia đình dân quê Trung - hoa trong thời loạn, với tất cả những phong tục cổ lỗ những tín ngưỡng xô bồ, những dị đoan lệch lạc mà chỉ có tác giả, người đã từng sống lâu năm và chung đụng nhiều với cái xã hội Trung - hoa thái cổ ấy, mới có thể diễn tả nổi. Câu chuyện làm cho bất cứ người đọc nào cũng

phải rơi lệ. Sự thành công của tác giả vô cùng vẻ vang, gấp trăm lần « *Gió Đông, gió Tây* ».

« *The Good Earth* » (đất lành) qua năm 1932 được giải thưởng Pulitzer của Mỹ, tương đương với giải Goncourt của Pháp. Hơn thế, « *The Good Earth* » sau đó lại được hai kịch tác gia Owen Donald soạn kịch đem trình diễn ở New-York, rồi lại được quay thành phim. Cuốn phim là « *Visions of Orient*. »

### III.— NHỮNG NGƯỜI CON TRAI (Sons)

« *Những người con trai* » (Sons) xuất bản năm 1932, bản dịch Pháp nhan đề « *Les fils de Wang Lung* ». Truyện tả những bất đồng của những đứa con trai một ông lão nhà quê Trung Hoa. Họ là những con người

ham hoạt động, tiêu biểu cho nền văn minh thái cổ Trung hoa, vừa mới chuyển mình trở dậy theo đà tiến của Âu-Mỹ. Nhưng chính vì quá hăng say hoạt động, họ trở thành những con vật tham lam, tàn ác, gần như những loạn tướng...

### IV.— GIA ĐÌNH PHÂN TÁN (A house divided)

In năm 1934, dịch sang Pháp văn là « *La famille dispersée* ». Truyện phơi bày những dang co giữa tư tưởng cấp tiến của một nhóm thanh niên ảnh hưởng nền văn minh Âu-Tây và của những bậc làm cha mẹ còn nặng đầu óc thủ cựu, luôn luôn ôm lấy cái quan niệm lỗi thời thái cổ. Nhân vật chính là một thanh niên tên Yuan sau nhiều năm du học trở về, thấy mình như

kẻ xa lạ với quê cha đất Tổ, như lạc và một thế giới của lớp người tiền sử khi so sánh xã hội nước nhà với các nước văn minh mà chàng đã sống qua thời kỳ du học. Chàng cố đem những nền văn minh của nước ngoài áp dụng vào nước mình, hoán cải những phong tục cũ, tiêu trừ những dị đoan, mê tín... Nhưng chàng đã bị lớp người tồn cổ bài bác, chống đối... trong đó có ông Wang, cha chàng thanh niên ấy là hăng hái hơn cả...

V.— ME  
(The Mother)

Tác phẩm này có giá trị rất đặc biệt, có thể so sánh được với quyển « Đất lành » (The Good Earth) hay « Đất Trung Hoa » (La terre Chinoise) in năm 1931. Bản dịch Pháp nhan đề « La Mère ». Như tên cuốn truyện, nội

dung của nó là cả một tình thương bao la của một người Mẹ hiền. Người đàn bà Trung Hoa đó là một người nhà quê nghèo nàn, bị chồng ruồng bỏ để lại cho bà cái gánh nặng gia đình nào mẹ chồng nào các con, nào sự nghèo túng, nợ nần... Tuy thế, bà vẫn không hề than thở, cố hết sức đảm đang, tần tảo nuôi mẹ chồng và 3 con dại. Sau đứa con gái của bà bị mù, có chồng ở một nơi xa xăm rừng rú, tin tức con không bao giờ về với bà được. Nhớ thương quá, là lần tìm đến thăm. Nhưng khi đến nơi thì con bà chỉ còn là một cái xác trên giường bệnh, chờ giờ theo tử thần. Bà đau đớn quá. Đứa con trai út của bà thì đi theo kháng chiến, về sau bị bắt và bị tử hình trên đoạn đầu đài...

Tình thương của bà hồ như đã mất kể từ đó. Cũng may, trong những ngày tàn tạ, bà được người con trai cả cho

con đến ở với bà. Niềm vui đã mất, bây giờ chỉ còn trông vào sự an ủi của đứa cháu nội đích tôn kia để cho qua ngày tháng, cho khuấy những nhớ tiếc và những tình thương mầu tử đã qua...

Câu chuyện đầy chua xót, đôn đau đó, hẳn cho ta, người đọc, nhiều xúc cảm mệnh mang.

VI.— ĐÀY ẢI  
(L'exilée)

In năm 1936, « Đầy ải » là một tác phẩm nhiều hình ảnh của vợ chồng bà trong những ngày ở Trung Hoa và truyền giáo tại đó. Truyện tả một người đàn bà Mỹ sống trên 40 năm ở Tàu, bao lần giúp đỡ chồng trong công việc xã hội, che chở và vừa giúp những trẻ mồ côi vì chiến tranh, cùng là giúp đỡ chồng trong việc giảng đạo một cách đặc

lực và tận tâm

VII.— THIÊN THẦN  
CHIẾN ĐẤU  
(L'ange Combattant)

Cũng như truyện « Đầy ải », « Thiên Thần chiến đấu » tả một nhà truyền giáo hăng hái, một tín đồ say sưa vì chủ nghĩa với tất cả những giáo lý của chúa Ki-Tô như là một chiến sĩ hết lòng thuyết giảng ngoài trận địa. Truyện này in cùng năm với « Đầy ải » (1936). Cả hai tác phẩm vừa kể có thể được xem như là những kỷ ức của bà.

Ngoài những tác phẩm có giá trị trên đây, nhất là hai quyển « The Good Earth » (Đất Trung Hoa) và « The Mother » (Mẹ) bà Pearl Buck còn có những truyện khác nữa, tuy không đặc sắc lắm nhưng cũng được nhiều

chú ý. Đó là những quyển « *The First Wife* » là những tập truyện ngắn in năm 1932, dịch sang Pháp văn : « *La première femme de Yuan* ».

« *Tous les hommes sont frères* » (Tứ hải giai huynh đệ) xuất bản năm 1933, là một tác phẩm dịch ở sách Tàu, thuộc *Đệ ngũ tài tử* trong rừng sách Trung hoa, của *Thi Nại Am* nhan đề « *Thủy Hử*. »

« *This proud heart* » (Tấm lòng khảng khái) in năm 1938 là năm mà bà được trao giải thưởng văn chương Nobel, bản dịch Pháp là *Un cœur fier*.

« *Le patriote* » (Nhà ái quốc) in năm 1339, v.v...

Về sau, ông John Lossing Buck mất, bà tái giá với ông Richard John Walsh, một nhà xuất bản lớn ở New-York. Kể từ ngày ấy, bà Pearl Buck quay ra làm báo. Bà chủ bút tờ « *Asia* » và viết đủ loại : văn học, chính trị, xã hội, học thuật v.v...

Là một người Mỹ, lấy đất Trung Hoa làm đối tượng

sáng tác cho hầu hết sáng tác của mình, bà Pearl Buck quả thật đã xứng đáng mang danh từ « người Mỹ của xã hội Trung - hoa » mà người ta đã phong tặng — hay đúng hơn — là gán cho bà.

Bà có một giọng văn thật giản dị nhưng sắc bén trước mọi vấn đề.

Tư tưởng bà là tư tưởng của một người yêu chuộng tự do, muốn đem nền văn minh Âu Tây gieo rắc và biến cải những điều chậm tiến của đất nước Trung-hoa nơi bà có thể xem như là quê hương thứ hai của mình...

Trong một diễn văn đọc trước hội Văn bút quốc tế, nhóm ở Nữu-ước (Hoa-kỳ), bà có một câu rất đáng ghi nhớ như sau: « *Cảnh thanh bình, thịnh vượng... người ta thường hay nhắc tới, nỗi loạn tâm hồn và do đó, con người lúc ấy rất đáng được phân tích... Nhưng trong cảnh đói kém, họ cũng sẽ giống như bất cứ kẻ đói lả nào khác, rất dễ sợ và cũng rất đáng được đem lên bàn mổ...* »

★ Giáo sư Mỹ thuật mọi trường đại học Mỹ ; đề rồi trở thành một người dạy thú dữ — sư tử —, George Keller kể lại cho chúng ta nghe những bước đầu vào nghề mới của ông, một nghề rất nguy hiểm để chết người như chơi...



## NGƯỜI DẠY THÚ

TÔI đặt vội tờ báo xuống bản vì có tiếng chuông điện thoại réo vang. Ở hãng vận tải sở Hỏa xa gọi tới.

— Ông hãy tới ngay, người nhân viên hãng nói, và nhớ mang xe camion đến.

Giọng nói của ông ta có vẻ xúc động.

— Có chuyện gì thế, thưa ông? Tôi hỏi lại.

Lúc đó là buổi sáng thứ bảy và ngày này tôi không có giờ dạy

■ HOÀNG - THẮNG thuật

tại trường tỉnh Bloomsburg thuộc tiểu bang Pensylvanie, nơi tôi phụ trách về môn Mỹ thuật. Tôi đang khoan khoái hưởng thụ một bữa ăn sáng ngon lành.

— Chúng tôi có một kiện hàng cho ông. Nhưng ông hãy mau mau lên và đừng có quên đem xe camion tới, viên thư ký trả lời.

Eleanor — vợ tôi — lúc đó đang ở dưới bếp. Nàng không

nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo và tôi cũng không cho nàng hay. Tôi cảm thấy nóng nẩy lạ thường và sự khó chịu như ám ảnh tôi tới tận chỗ tôi mượn chiếc xe camion. Khi tôi gần bàn giấy của Hãng Vận Tải, tôi nghe có tiếng gầm gừ của con thú dữ, rồi, khi tôi tới nơi, có tiếng gõ bễ.

Một đám đông người đang đứng lơ nhõ ngoài phòng, nơi cánh cửa hé mở.

— Có chuyện gì thế ? Tôi hỏi một nhân viên hãng.

— Ông hãy vào mà coi. y trả lời, miệng nói, tay mở rộng cửa và đẩy tôi vào. Nhưng trước hết, ông hãy mang nó đi chỗ khác trước khi nó xông ra để vồ một người nào.

Ở trong phòng hành lý, tôi nhìn thấy một cái thùng lớn bằng gỗ dao xen kẻ lưới sắt. Đầu một con sư tử lớn nhô lên trên nóc thùng như một con quỷ sứ thò ra khỏi hộp. Con vật đang toan tính phá rộng lỗ hồng để thoát ra ngoài.

Tôi nhặt một miếng ván nằm jăn lóc dưới đất và ấn đầu con vật xuống. Người thư ký, cũng theo tôi vào phòng vội trao cho tôi một cái búa và đinh. Tôi vội vã đóng

miếng ván vào nắp thùng. Con thú cào lưới sắt một cách tức giận.

— Tôi thiết nghĩ lúc này chúng ta đã tạm yên tâm, tôi tuyên bố.

— Có thể như vậy, viên thư ký đáp, nhưng ông nên mang nó đi. Thật là một con vật hung dữ. Những người ở đây đã run lên vì sợ hãi.

Tôi liếc ra phía cửa và nhìn thấy những khuôn mặt tái mét và chờ đợi. Họ mong muốn gì ở tôi ?

Tôi cũng không biết gì hơn về con sư tử này như họ.

Nhìn qua khe hở của cái cửa, tôi thấy con thú oai vệ làm sao ! Những chiếc răng nhọn và đôi mắt xanh sáng chói. Bắp thịt săn chắc sau bộ lông màu hung hung. Con vật có thể nặng tới 70 kí.

— Ông chắc là con vật này người ta gửi cho tôi ? Tôi hỏi.

Viên thư ký chỉ tay cho tôi nhìn tờ giấy dán trên thùng. « Ông George Keller, giáo sư ». Khi tôi nhận ra là con vật này do Floyd Taylor gửi tới tôi hiểu liền. Hồi chúng tôi còn theo học ở Đại học Columbia, Floyd thường trên

gheo tôi khi tôi tỏ ý muốn có những con thú dữ nhỏ nhỏ đã thuần thục và do chính tôi dạy chúng.

Tôi liền giảng nghĩa cho người thư ký nghe về những hàng chữ lớn viết trên mặt cúi. Floyd đã viết như sau :

« Nay Keller, hãy dạy ta đi ».

Thật là một lối đùa lạ !

— Một người như anh không thể nào trông coi con sư tử được. Eleanor nghiêm giọng bảo tôi. Hãy tổng thư nó đi.

— Vậy mà lại thích những con chó esquimaux, tôi trả lời, vì nghĩ tới bầy con chó kéo xe tuyết mà hồi trước tôi đã dạy.

— Người ta có thể đi chơi bằng xe tuyết, với chúng, nhưng còn con vật hung dữ này, anh hãy tổng khứ mau mau trước khi nó hại ai.

Tôi đặt cái cúi thú trong nhà xe và con vật luôn luôn cào cẩu không ngừng. Tôi độ chừng con vật bị nhện ăn nhiều hôm nên vội lái xe ra chợ mua 5 kilo thịt sườn. Con sư tử chỉ tộp một miếng là hết nhẩn.

— Anh không thể nào có điều kiện để tiếp tục như vậy, vợ tôi tuyên bố.

Tôi cũng có ý nghĩ tương tự như một. Nhất là không bao giờ lại dùng tiền lương giáo sư để nuôi nó, nhưng rồi một ý nghĩ đã ăn sâu vào đầu óc tôi : con sư tử này sẽ giúp tôi mãn nguyện về sở ước mà tôi hằng ôm ấp.

Suốt buổi chiều hôm đó vợ tôi cũng ít nói. Ý thích của tôi là có ở trong nhà những con vật (trừ những con chó esquimaux, tôi còn có một con chó sói, một con gấu, và một con « iguane » (loại kỳ đà) dài hai thước, đã làm cho vợ tôi áy náy khó chịu. Và bây giờ lại thêm một con sư tử luôn luôn gầm thét cả ngày nữa.

Suốt cả ngày hôm có đôi cứ suy nghĩ hoài, và tôi tự nhận thấy tôi muốn giữ con thú lại. Đó là bước đầu tiên để thực hiện ý nguyện của tôi. Không phải ngành giáo dục đã làm cho tôi chán nản. Tôi thích nó vì chính ra, sau những niên học, tôi cũng chẳng biết làm nghề gì. Nhưng tôi vẫn thích được dạy lũ thú dữ và nhất là sư tử và sự bất ngờ đó đưa tôi cho tôi vào năm tôi bốn mươi

hai tuổi khi tôi không hề đòi hỏi.

Tôi liền gọi điện thoại tới cho ông bác vợ tôi làm bác sĩ :

— Bác có thể tới đánh thuốc mê cho 1 con sư tử được không ?

Cái gì, ông bác vợ tôi lắp bắp hỏi.  
— Cháu sẽ giải nghĩa cho bác biết sau. Bác hãy mang đồ nghề tới nhà cháu nhé.

Khi tới nơi, bác sĩ xúc động đến quên cả chào hỏi cô cháu.

— Quý thần ơi, này George người ta không thể nào đùa rỡ với một con vật như thế này nhé. Anh không có ý nghĩ là thử thả nó ra đấy chứ ?

— Có thể, nếu cháu muốn dạy nó.

Nghe tôi trả lời, ông bác vợ nhìn tôi như tưởng tôi sắp điên vậy.

Tôi liền làm một cái thòng lọng rồi lùa qua khe lưới chụp vào đầu con vật và bằng tất cả sức mạnh tôi kéo đứng con vật lên để cho bác tôi nhét, cái phễu bằng giấy đựng đầy bóng tằm thuốc mê vào mặt con vật. Khi bị chiếc thòng lọng dặt lấy cổ con thú đã gằm lên dữ dội đến nỗi vợ tôi và hai đứa con gái phải

chạy lùi nhanh vào nhà. Sau đó, hằng nhiều tháng liền, ông bác vợ tôi luôn luôn kể chuyện về « khách hàng » đặc biệt này.

Tôi có sẵn một cái chuồng rất chắc chắn, và khi nhận thư rằng con vật đã mê man rồi, tôi và hai người bạn láng giềng khiêng nó vào chuồng. Thật là thích thú làm sao khi nắm những bắp thịt rắn chắc của con thú vuốt ve bộ lông dày và cứng của nó. Sau khi khóa cửa chuồng, tôi trở vào nhà. Cả gia đình tôi đứng ngậm cầm khi nhìn tôi vào.

— Làm sao dạy được sư tử hả ba ?

Con gái tôi — tên Jane — hỏi.

Tôi phải mất tám hôm để chuẩn bị công cuộc dạy con thú đến nỗi bạn bè và các bạn đồng viện chế nhạo tôi hoài. Nhưng những nụ cười chế nhạo của họ cũng không ngăn nổi những chuyện tôi muốn làm, nhưng chính nó cũng không ngăn nổi sự sợ hãi đích thực của tôi.

Sau cùng, tôi bít kín hết các cửa sổ của gian nhà xe bằng những sợi giây kẽm lớn. Rồi tôi đi kiếm một khẩu súng, một cái roi da và một cái cọ. Khi đi xem xiếc,

tôi thấy những người dạy thú dữ có cầm một cái ghế nên tôi cũng tìm một chiếc ở nhà bếp. Rồi tôi đi mua 1 cái áo da loại thật dày. Tôi tin rằng chiếc áo này sẽ che chở cho tôi chống những cú cào móc của con thú.

Một buổi chiều đẹp trời, sau buổi dạy học, tôi mời Joe Geiger và Harry Chamberlin — hai người bạn láng giềng đã có lần giúp tôi khiêng con vật vào cũi — tới nhà chơi và nói :

— Tôi đã chuẩn bị xong để tháo cũi con thú. Các bạn cũng sẵn sàng giúp tôi chứ ?

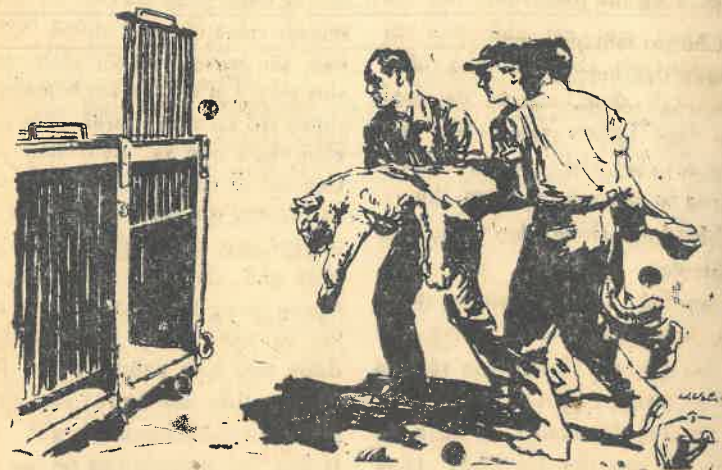
Cả hai người cùng bằng lòng. Chúng tôi đẩy chiếc chuồng sắt vào sát vách một bức tường. Tôi đã mặc sẵn chiếc áo da, tay cầm súng tay cầm roi.

Tôi kêu đã sẵn sàng và ra lệnh cho hai người bạn mở cửa chuồng. Con sư tử nhẩy vọt ra, nhanh như một ánh chớp và lao về phía tôi đứng. Thấy nó gần tới nơi tôi vội xoay người để tránh, trong khi đó hai người bạn của tôi, mỗi người giữ một đầu giây dính liền vào cái cổ con vật, kéo ghì sợi giây lại. Cũng nhờ thế, mà sức vọt của con vật bị hãm lại,

nhưng sống lưng áo của tôi cũng không tránh được những móng vuốt sắc bén của nó, bị rách soạc như giấy. Tôi sợ đến hết hồn nhưng không thể lui được nữa. Tôi nắm chặt chiếc ghế và tiến dần lại. Con sư tử cũng tiến về phía tôi, và lúc này tôi mới nhận thấy sự ích lợi của chiếc ghế. Bốn cái chân ghế đã làm cho con vật chùng hững ! nó không biết nên cắn cái nào. Và tôi lại nhận thêm được một kinh nghiệm nữa. Khi con vật thấy một người cầm chiếc ghế nó tưởng người và ghế chỉ là một. Và một khi con sư tử tấn công cái ghế nó chẳng nhận thấy một xúc cảm nào cả, nó liền bỏ mồi và lùi lại.

Đến khi muốn cho con vật phải vào chuồng tôi liền nhứ chiếc ghế về phía nó và nó lùi từ từ về phía chuồng. Và khi nó đã nhẩy vào trong chuồng rồi, tôi liền sập cửa lại ngay. Buổi chiều thứ nhất chỉ có thế thôi.

Những buổi chiều sau tôi lại tiếp tục huấn luyện con thú với sự giúp đỡ của hai người bạn. Tôi đặt một cái ghế cao để trong nhà xe, và một lần, sau khi tránh chiếc ghế do tôi đứng về phía nó, con vật nhẩy vọt lên chiếc ghế cao



đề tránh. Tôi liền đề yên cho n  
ngồi. Vài bữa sau nó tự động nhảy  
lên ghế dù tôi không chọc nó. Nó  
đã hiểu, nếu nhảy lên ghế cao  
ngồi thì được yên hơn. Liên đó tôi  
đạy nó bước từ chiếc ghế nọ  
sang ghế kia rồi tôi làm một hàng  
ghế đề cách khoảng đề cho con  
vật bước vào cũ. Khoảng cách  
của từng chiếc ghế được rộng lần  
lần đề cuối cùng bắt con vật phải  
nhảy vọt từ chiếc ghế nọ sang chiếc  
ghế kia. Và một tuần lễ sau, đứa  
học trò của tôi đã nhảy cách khoảng  
1 thước rưỡi.

Tôi liền tiến sang việc dạy con  
thú nhảy qua vòng. Muốn nó nhảy  
qua vòng, tôi bắt buộc phải tháo

giây xích ở cổ nó. Sau khi tháo  
giây xích ra rồi, và nếu sợ hãi  
có mùi, thì chính bữa chiều đó,  
trong nhà xe đã có mùi sợ hãi.  
Cho tới bây giờ, sau nhiều năm  
hành nghiệp, cứ mỗi lần bước  
vào chuồng thú tôi vẫn cảm thấy  
cái mùi sợ hãi đó, còn lũ thú thì  
không biết gì hết. Tôi đặt một cái  
vòng kẹp giữa hai cái ghế.  
Còn con sư tử thì trên một cái ghế  
khác, tuần tự bước qua từng ghế  
một và nhảy qua chiếc vòng một  
cách tự nhiên. Tôi liền tầm đầu  
một đoạn phía trên chiếc vòng và  
đốt lửa. Con vật cũng thân nhiên  
nhảy qua. Tôi nói rộng vòng lửa  
và cuối cùng con vật đã nhảy qua

chiếc vòng lửa trọn vẹn.

Cho tới một bữa, tại văn phòng  
trường đại học, một người bạn  
thân của tôi dẫn một người lạ  
mặt tới giới thiệu với tôi.  
Khách lạ mập như một trái banh.  
Đó là người đại diện của đoàn  
xiếc Ringling Frères et Barnum et  
Bailey.

— Tôi nghe nói ông đang  
đạy một con sư tử ? khách hỏi  
tôi.

— Vâng, đúng vậy, tôi trả lời.

Tôi sung sướng và cảm động  
khi nghe ông khách muốn được  
coi con thú. Chúng tôi lên xe  
hỏi về nhà. Joe và Harry đã chờ  
tôi ở nhà.

Tôi mời người đại diện của  
đoàn xiếc vào trong nhà xe coi  
nhưng ông ta lắc đầu từ chối.

— Tôi đứng ngoài cửa sổ coi  
cũng đủ rồi.

— Nhưng ông sẽ không nhìn  
thấy rõ ràng, tôi giảng giải, vì  
cửa sổ bị bụi sắt.

— Không sao. Ông cứ vào  
huấn luyện con thú đi.

Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị  
chợ chương trình cũ sắt mờ.  
Con sư tử bước ra nhảy lên ghế  
rồi bước trên chiếc giây thừng  
và sau đó nhảy qua vòng lửa.

— Thật là tuyệt, người khách  
nói khi tôi trở ra. Nếu ông muốn  
bán tôi xin trả ông 400 đô la.

Tôi chưa hề nghĩ tới chuyện  
này nhưng đột nhiên tôi  
quyết định bằng lòng.

— Con vật sẽ thuộc về ông.

Sau đó, cuộc sống lại trở lại  
bình thường như trước.  
Các con gái tôi lúc đầu cũng  
thút thít khóc, ba chúng không  
còn là ông thầy dạy thú nữa.  
Riêng có vợ tôi là mãn nguyện  
vô cùng.

Riêng tôi vẫn thường theo  
đôi mục rạo vật chờ bán thú vật  
đề mơ mộng và rồi một buổi  
chiều, khoảng mười lăm ngày  
sau, tôi báo tin cho vợ tôi hay.

— Em còn nhớ chuyện 400  
đô la mà anh đã bán con sư tử  
chứ ?

-- Sao lại không ? Hiện số  
tiền đó nằm trong nhà băng mà.  
Phải không mình ?

— Nó không còn nữa, tôi trả  
lời. Anh vừa mới mua 2 con  
sư tử khác...

Vợ tôi rên rĩ :

— Ờ, không... không...

Tôi tiếp tôi :



— ... Một con sư tử Phi Châu và một con báo.

Thế là con giống tổ nổi lên trong gia đình tôi. Tôi bảo vệ tôi, nhờ việc huấn luyện thú mà gia đình sẽ sung túc hơn, nhưng vợ tôi không chịu :

— Liệu anh có kiếm được thêm không, hay là anh bị nó vồ chết ? nhất là việc dạy thú không phải là việc của một ông giáo sư Đại Học.

Kề ra vợ tôi cũng có lý. Sự



### TẠI SAO TUI CÓ 2 VỢ

Luật ở nước Ý cấm ly dị và cấm người đàn ông lấy 2 vợ. Một hôm, một anh chàng bị đưa ra tòa vì có 2 vợ. Quan tòa hỏi :

— Tại sao anh có 2 vợ ?

— Thưa quan tòa, tại vì luật gia đình cấm 2 vợ nên tui có 2 vợ chứ sao ? Nếu quan tòa cho tui ly dị với V1 thì tui chỉ còn một mình V2 thôi.

nguy hiểm nào có biết trước được đâu mà tránh.

— Nhưng dù sao, đó cũng là trường hợp may mắn duy nhất cho anh. Suốt đời anh, anh chỉ mong có thế và bây giờ nó đang diễn tiến. Em hiểu chứ ?

Nhưng vợ tôi vẫn không chịu nghe. Tôi hiểu, nếu tôi ở vào trường hợp của nàng, tôi cũng xử sự như vậy. Nhưng tôi không thể nào lùi bước được nữa : lũ thú đã được gửi đi...



# tôi ước mơ

## TÔI ƯỚC MƠ

### △ Tôi ước mơ

Một ngày nào...  
Không còn thao thức  
Bởi tiếng súng vọng về ;  
Một-chê, Đại-bác  
Trong đêm trường xé nát không gian.

### △ Tôi ước mơ

Một ngày nào...  
Xóm làng yên vui  
Dân tình no ấm  
Đường đi vạn dặm  
Không còn hầm, hố, mìn, chông...

### △ Tôi ước mơ

Một ngày nào...  
Lúa chín ngập đồng  
Tha hồ gặt hái  
Say sưa, mê mải  
Đêm cũng như ngày  
Không còn lo sợ tàu bay  
Không còn lo sợ « bên này »... « bên kia »...

### △ Tôi ước mơ

Một ngày nào...  
Giữa phố phường tấp nập  
Không còn bóng chinh nhân  
Vội đoàn xe hành quân  
Chất nặng mùi sát khí !

### △ Tôi ước mơ

Một ngày nào...

Cùng vui bước trên tang  
Khấp nỏ đường đất nước.

△ Tôi ước mơ  
Một ngày nào...  
Ánh trăng xanh không còn soi sáng  
Cảnh chiến trường lênh láng máu đào rơi...  
Anh thương yêu tôi  
Tôi thương yêu anh  
Người thương yêu người  
Hết rồi oán hận, hết rồi chia phôi.

△ Tôi ước mơ  
Một ngày nào...  
Quê hương này riêng của chúng tôi.  
— Không còn ai bàn tôi  
— Không còn ai tính lui  
— Không còn cảnh phân đôi  
— Không còn tình ngăn cách.  
Vùng nhật nguyệt soi chung  
Sử hùng anh hiền hách.

Ai ơi !

Hãy lắng nghe :

Trên ngàn vang tiếng hát

Dưới bể rộn câu hò

Vọng về tới chốn Thủ-Đo :

Dân ta dựng lấy cơ đồ Việt-Nam.

Cơ đồ Việt-Nam

Cơ đồ Việt-Nam.

Tôi ước mơ

Và, tôi ước mơ...

Tháng 8-1966

Tôn-nữ Mỹ-Khuong

những hàng đồng  
tạ bạc  
của  
thầy Charles

SHIRLEY JACKSON

NHÃ - DIỄN dịch

Truyện ngắn quốc-lễ

**K**HI đi học lớp mẫu giáo, Phi bỏ bộ đồ vận ở nhà và mặc một quần dài màu xanh, có thắt lưng. Ngày đầu tiên, tôi đứng nhìn con tôi, đi cùng với đứa con gái bên láng giềng, lớn hơn nó chút ít. Tôi hiểu là tất cả một giai đoạn của cuộc sống của tôi vừa chấm dứt: đứa bé quá ngoan và quá xinh đi tới trường, đã trở thành một người lớn. Nó hãnh diện với

chiếc quần dài đen nổi quên cả quay lại ở góc phố để « vẫy tay chào » tôi.

Buổi trưa nó trở về, vẫn với những bộ điệu như vậy. Sau khi đóng cửa đánh xăm một cái, và vút mũ lên sàn nhà. nó hét lên, giọng bỗng nhiên trở thành ồ ồ :

— Sao ! Không có ai ở trong cái nhà này ư ?

Tại bàn ăn, nó tỏ vẻ xác lão với cha nó, làm đồ tách sữa

của em gái, và lại còn khiến trách chúng tôi :

— Người ta không nên mang Chúa ra mà thế. Cô giáo bảo thế là xấu lắm.

Tôi cô làm bộ bình thường, và hỏi :

— Sao, công việc ở trong lớp có khá không ?

Nó trả lời :

— Sô dách !

Cha nó hỏi :

— Con có học được gì không ?

Phi lạnh lùng nhìn bỏ :

— Con chẳng học được gì. Cô giáo đánh vào đít một đũa học trò. Thằng đó bắt lương, Phi vừa ăn nhồm nhoàm vừa nói.

— Nó làm gì ? Tên nó là gì ?

— Tên nó là Charles. Cô giáo đã đánh vào đít nó, và bắt nó đứng quay mặt vào tường. Nó bắt lương lắm.

— Con có thể cho bố mẹ hay là chúng nó đã làm gì không ?

Nhưng Phi đã tụt xuống ghế, cầm một miếng bánh rồi biến mất, trước khi cha nó nói hết câu.

— Này, nghe đây.

Ngày hôm sau, vừa vào bàn ăn, Phi bảo chúng tôi :

— Hôm nay thằng Charles thật khó chịu. Nó lại còn đánh cả cô giáo ? Nó nói thêm, nở một nụ cười.

Tôi la lên :

— Trời ơi ! (chút xíu nữa tôi kêu Chúa ơi) Mẹ chắc là nó phải phạt.

Phi trả lời :

— Còn phải nói.

— Vậy có biết tại sao nó lại đánh cô giáo không ?

— Vì cô giáo muốn bắt nó tô bút chì màu đỏ, nhưng nó lại muốn tô màu xanh. Cô giáo bảo như vậy không ai chơi với Charles nữa, nhưng tụi con vẫn chơi với nó.

Ngày thứ ba, Charles ném cái đu làm chảy máu đầu đũa học trò gái : cô giáo không cho Charles ra chơi. Ngày thứ sáu, cô giáo tịch thu cái bảng viết nhỏ của Charles vì nó lấy những cục phấn ném bạn học.

Ngày thứ bảy, tôi nói với chúng tôi :

— Lớp mẫu giáo có vẻ như không lợi cho Phi. Cái điệu bộ như thằng du đặng nhỏ, cái ngôn ngữ đó. Em có cảm tưởng là nó chịu ảnh hưởng xấu của thằng Charles. Anh nghĩ sao ?

Chúng tôi nói :

— Rồi đâu sẽ vào đó. Trong đời, người ta làm sao có thể tránh, không gặp những loại người như thằng Charles. Và một khi Phi phải tập dè biết thứ người đó, thà là gặp ngay từ giờ còn hơn.

Ngày thứ hai, Phi đi học về chậm : nó có rất nhiều chuyện kể cho chúng tôi nghe.

— Bồ mẹ có biết thằng Charles làm gì không ? Nó la nhiều đến nỗi người ta phải gửi một đũa học trò ở lớp khác tới, nói với cô giáo để cô bảo nó im. Tận học, Charles phải phạt ở lại, đứng quay mặt vào tường. Và tụi con, tất cả ở lại xem nó làm gì ?

— Thế nó làm gì ?

— Chẳng làm gì cả, Nó chỉ đứng đó.

Phi vừa nói, vừa trèo lên ghế để ngồi vào bàn ăn.

Rồi nó hét lên với bồ nó :

— Chào, ông đầu chổi.

— Hừm !... thằng Charles đó người thế nào ?

Phi trả lời :

— Nó lớn hơn con một chút. Nó không đội mũ nổi, không mặc áo vét.

Chiều thứ hai là buổi họp đầu tiên của hiệp hội phụ huynh học sinh. Nếu đứa gái nhỏ không bị cảm, chắc chắn tôi đã tới họp, vì tôi muốn làm quen với mẹ thằng Charles.

Ngày thứ ba, Phi hôn hèn kể :

— Cô giáo có một ông bạn tới trường thăm cô này hôm nay. Phải, một ông đã bảo chúng con tập thể dục. Ông đó bắt chúng con phải sờ vào mũi giấy. Đây, mẹ xem này.

Nó cúi mình sờ vào mũi giấy rồi nói — như thế đó.

Nó trịnh trọng trèo lên ghế, vừa nói, vừa cầm lấy cái nữa.

— Thế mà, thằng Charles không muốn làm như vậy.

Bạn của cô giáo ra lệnh cho nó phải sờ vào mũi giấy như

con vừa làm cho bà mẹ xem, và thằng Charles đã đá ông ta một cái.

— Theo con, thì người ta sẽ làm gì thằng Charles?

— Còn phải hỏi! Người ta sẽ tống cổ nó ra khỏi trường.

Ngày thứ tư, không có gì lạ. Charles hãy còn làm loạn ở trường, và làm một đứa học trò nhỏ khóc: nó lấy tay đâm vào bụng thằng đó, chỉ những chuyện như thế. Ngày thứ sáu, Charles lại bị phạt ở lại.

Sau ba tuần lễ, trong nhà tôi chỉ toàn nói đến thằng Charles. Chúng tôi lại còn dùng cả tên Charles để nói tới những gì không phải hoặc là khi chúng tôi gât trong điện thoại, một trong số chúng tôi không quên kêu lên:

— Đừng có như thằng Charles.

Tuy nhiên, vào tuần thứ tư, hình như thằng Charles có thay đổi tính nết. Một hôm, vào bữa ăn, Phi rầu rầu nói với chúng tôi:

— Hôm nay thằng Charles ngoan đến nỗi, cô giáo thưởng cho nó một trái táo.

Tôi kêu lên:

— Con nói cái gì?

Và chúng tôi nghi ngờ hỏi lại:

— Con có chắc là thằng Charles không?

— Đúng nó mà. Chính nó đã đi phân phát các bút chì màu, và hết giờ lại đi thu vở của các học trò. Cô giáo còn nói nó là « phụ tá » của cô.

Trong hơn một tuần, Charles đã là « phụ tá » của cô giáo. Không có ngày nào là cô giáo không sai nó phân phát cái này, hoặc thu cái khác. Hết rồi những buổi bị phạt quay mặt vào tường.

Một tối tôi bảo chúng tôi:

— Tuần sau, hội phụ huynh học sinh họp. Thế nào em cũng tới để gặp mẹ thằng Charles.

Chúng tôi nói:

— Hãy hỏi bà ta xem là chuyện gì đã xảy tới con bà ta vậy. Anh muốn biết quá.

Thứ sáu tuần đó, bản tính ngỗ nghịch của thằng Charles lại xuất hiện.

Phi nói, giọng hơi run:

— Bà mẹ có biết hôm nay nó làm gì không? Nó xúi một đứa học trò gái nói một câu. Và con đó nói. Ôi chao, cô giáo mắng con đó không biết bao nhiêu! Thằng Charles khoái trá lắm.

Chúng tôi hỏi:

— Thế nó có bị phạt không? Phi nói:

— Không, lúc đó nó đang phân phát các bút chì màu...

Hôm thứ hai, trong buổi họp của các phụ huynh học sinh, tôi ngồi trên ghế không yên. Tôi nhìn tất cả khuôn mặt

các bà mẹ hiện diện trong hôm đó, cô g ắng tìm xem bà nào đã biết được điều bí mật của thằng Charles: nhưng không có ai có khuôn mặt khá lo lắng, vì thế..

Sau buổi họp, tôi đi tìm cô giáo của Phi.

— Tôi rất mong được gặp cô. Tôi là mẹ của Phi...

— ... Đó là đứa học trò làm chúng tôi để ý tới rất nhiều, bà ạ.

— Dù sao, nó có vẻ luyên trường. Suốt ngày nó nói tới trường học.



Cô giáo nói với tôi với một giọng hơi thương cảm :

— Trong những tuần lễ đầu chúng tôi có gặp chút ít khó khăn trong việc làm cho nó thích, nghi với học đường. Nhưng bây giờ nó ngoan lắm, ngoại trừ đôi khi có lỗi lắm một chút.

— Tuy nhiên, thường thường Phi thích nghi rất nhanh. Tôi cho là nó chịu

ảnh hưởng của thằng Charles.

— Của Charles ?

Tôi vừa nói vừa cười.

— Vâng, hẳn nó phải làm cô cực nhọc, thằng Charles ghé gớm đó !

Cô giáo nói :

— Charles ? Nhưng ở đây, chúng tôi không có đứa học trò nào tên là Charles.



**CÙNG BẠN ĐỌC PHỐ-THÔNG**

Mấy lúc gần đây, tờ di Phò-Thông ra trễ vì tình trạng giấy báo khan hiếm rất trầm trọng, nhiều đồng nghiệp khác phải ngưng một hai kỳ, như bạn đọc đã thấy. Tuy vậy, Phò-Thông vẫn cố gắng ra đều, nhưng phải trễ hơn ngày đã định.

Hy vọng một ngày gần đây nạn giấy báo bớt khan hiếm, chúng tôi sẽ ra đúng ngày trở lại như trước.

Mong Bạn đọc thông cảm cho nỗi khổ tâm của chúng tôi trong tình trạng chiến tranh hiện nay.

Đa tạ

**PHỒ-THÔNG** tạp chí.

THÂN MẾN TẶNG ANH NGUYỄN CHÍ MAI,  
NGUYỄN VĂN CƯỜNG VÀ CÁC NHÀ TRÒN  
TIA TRÀ VIỆT NAM Ở BẢO LỘC.



**TRÀ  
VIỆT-NAM**

\* NGUYỄN-VĂN-CỒN

*Bạn thân mến,*



Ô M nay viết thư về bạn với một sự thật tình tạ lỗi, vì xa cách Paris trong tháng Aout, tôi chưa kịp trả lời thư của nhiều bạn, và trễ mang mắt một hai « Bức Thư Paris ».

Tuy có nhận được thiệp của một người bạn Anh-Quốc, mời qua xem trận chung-kết túc cầu vô địch Thế-giới tại Luân-đôn, (anh bạn này đã mua trước được 3 tấm giấy vào cửa) tôi đã từ

chối, vì mình tự nghĩ : « trong tình cảnh này » còn gì vui đâu nữa !

Với bao đêm thức tỉnh, mình nhớ quê xa, và trong lúc « mình lại tâm sự với mình » thì lại chợt nhớ bốn câu thơ bất hủ của Lý-bạch :

Sàng tiền khán nguyệt quang  
Nghị thị địa thượng song  
Cử đầu vọng minh nguyệt  
Đề đầu tư cổ hương

Xin tạm dịch :

« Đầu giường thấy ánh trăng  
Mặt đất nghe mù sương

*Ngừng đầu nhìn trắng sáng  
Cúi đầu nhớ cổ hương»*

Nhưng không phải vì thế mà mình có thể quên được sự việc thường xuyên hàng ngày. Tuy không đi xem những trận đá banh đã làm sôi nổi quần chúng Âu phương và Nam Mỹ từ ngày 11-7 đến ngày 30-7, tôi cũng đã nhận qua chơi thăm bạn Baines ở miền biển Southend, cách Luân đôn chừng 50 cây số.

Đã lâu rồi tôi không có dịp trở lại Anh-quốc, nay lại xa lục địa, sống đời « cù lao », tiếp xúc với một dân tộc có nhiều tập quán riêng biệt.

Mình lại làm quen với nhà thờ Westminster, cột đồng hồ Big Ben lâu đài Hampton Court, và cách ăn uống của dân Anh-quốc.

Có lẽ bạn nào qua Anh-quốc, thì buổi sáng đầu tiên cũng phải bơ ngỡ, đó là buổi ăn điểm tâm (breakfast), Thường thường ở bên Pháp hay ở nước nhà, thì buổi sáng mình chỉ ăn uống xoàng : một tách café, một cái bánh Croissant hay một chiếc « đồ cháo quảy» (nếu ở bên nhà).

Tại Luân-đôn, tôi ở hôtêl không phải quá sang trọng, mà cũng không phải quá « Cà khồ », vào hạng trung bình (giá ăn ở mỗi tuần là 6 đồng lư, tức là 8500 quan cũ, kể cả tiền phòng và ăn buổi sáng, còn bữa ăn trưa và tối về phần mình chịu).

Buổi ăn sáng dọn ở phòng ăn chung, từ 8 giờ 30 đến 9 giờ 30, chứ không đem lên phòng ngủ như ở các nước lục-địa Âu châu. Như thế bắt buộc mình phải thức dậy lối 7 giờ, tắm rửa, ăn mặc tề chỉnh để xuống phòng ăn, bày biện gọn gàng sạch sẽ : khăn bàn và khăn ăn trắng tinh, chén đĩa sắp đặt thứ tự, dao nĩa và bình sữa, bình trà bằng bạc đánh bóng. Khách trọ tỉnh táo, ăn mặc đàng hoàng, có vẻ trịnh trọng (làm cho tôi đôi khi phải mỉm cười) và ít khi người ta thấy những đầu bù tóc rối và bộ mặt còn ngáy ngủ.

Bây giờ nói đến bữa ăn điểm tâm, mà chính ra phải gọi là bữa cơm trưa mới đúng. Mấy bữa đầu vì không quen, mình bơ ngỡ : trước hết người ta đưa cho mình một bình sữa lạnh, mình đổ vào một cái đĩa soupe lớn, rồi ở trên bàn có một hộp lúa mì rang (corn-

flakes), mình rải rắc vào sữa lạnh, cho vài muỗng đường, trộn qua trộn lại, rồi cầm muỗng ăn như ăn soupe. (Mấy người ở lục địa Âu châu mỗi buổi sáng thường uống cà phê sữa nóng hổi, với một chiếc bánh croissant, cho nên mấy bữa đầu qua đây thường ngán với đĩa sữa lạnh buổi sáng). Sau khi mình ăn hết đĩa sữa lạnh ấy, người ta đem ra mấy miếng toast (tức là bánh mì ruột, pain de mie, bỏ vào lò nướng dòn) còn nóng, mình quết bơ và confiture, rồi ăn với một đĩa thức ăn thông thường ở xứ này, tức là «oeufs au bacon» (hột gà kèm với thịt heo khô), hai quả cà-chua (tomates) nướng chín. Ngay lúc đó, họ đem lại một bình trà và một bình sữa nóng. Tôi nghiệm thấy khách trọ vừa ăn vừa uống trà sữa một cách ngon lành (ít người uống cà phê). Khi mình đã ăn, uống hết bấy nhiêu món (lúc đầu rất khó) thì đã thấy no một cách bất thường

Nhưng lâu rồi cũng quen ; vì ăn thật no bữa sáng, người Anh, nhứt là ở Luân Đôn, ăn rất sơ sài bữa trưa. Sau khi ăn ở quen như họ rồi, thì mỗi buổi sáng, mình thấy cần phải ăn nhiều, và thơm ngon làm sao tách trà buổi sáng !

Ta nên nhớ là người Anh họ pha trà một cách rất cẩn thận, và mỗi lần họ qua các nước ở lục địa Âu Châu, thì họ chê là người ở các xứ này không biết pha trà. Khi tôi còn trọ học ở Luân Đôn, mỗi lần bà chủ, hay ông chủ pha trà, tôi nghiệm thấy họ cho đó là một công việc quan hệ, nên rất chăm chú và cẩn trọng. Tôi chợt nhớ một nhà văn Nhật bản đã viết quyển « sách trà » (livre du thé) và nói đến « âm trà lễ nghi » (rite du thé) ! Đối với người Anh, thì sự chú trọng đi từ cách pha trà cho đến cách dùng trà qua cách sắp đặt chỗ và bàn uống trà. Lúc đầu tiên, thấy thế, tôi ngạc nhiên và



tư mỉm cười, nhưng lần lần rồi cũng « bị lây bệnh » kính trọng chén trà. Trước hết bình trà phải sạch sẽ, khô ráo; nước nấu thật sôi họ đổ một ít vào bình trà để cho bình dần dần nóng lên rồi lệ làng đổ nước ấy đi. Lúc đó họ mới cân nhắc số lượng trà bỏ vào bình đợi nước sôi thật già, đổ vào bình có chùng mực, rồi đập nắp lại, rất kỹ, không để hơi lọt ra ngoài. Họ bày chén đĩa, khăn nhỏ, đường, sữa một cách nề nếp. Lúc đó trà ngấm đúng giây phút, họ mới cần thận rót nước trà vào chén, rồi tùy theo mỗi người uống với đường, sữa.

Đối với người Anh, trà là một thức uống để giải khát, để chấn chỉnh thân thể và trí não, để tìm lại thư thái sau khi mệt nhọc.

Xưa kia, trà là món dành riêng cho người Á đông, và có lẽ cách uống trà phong lưu là sinh ra từ Trung Hoa, rồi tràn qua nước ta, nước Nhật Bản, Ấn độ, Mã lai. Nhưng từ khi có con « Đường lụa » (la Route de la Soie) có con đường bề do Magellan tìm ra, và sau hết có kinh Suez, thì cũng theo với tơ lụa, châu báu, trà đã lan tràn qua Âu - Châu và đã choán một địa vị quan trọng.

Cùng một người bạn, sau khi xem phim « La bataille des Ardennes » tại Leicester Square, chúng tôi vào một quán trà « Quality Inn » gần đó. Lúc ấy vào lối 4 giờ 30 chiều, khách hàng rất đông: các bà « ladies » đội đủ các thứ nón, nào là nón có hoa, có trái cây, có bướm liệng, chim bay; các cô thiếu nữ bạn « mini - jupes » cùn trên đầu gối, hay quần bó đùi; các ông « Gentlemen » mũ ai cũng, tay xách dù. Họ ngồi trước bình trà, đĩa bánh ngọt, người nào người nấy có bộ thư nhàn, khoai trá

Tôi nghiệm ra có lẽ người Anh uống trà nhiều hơn tất cả người Âu Châu. Buổi sáng như tôi đã nói trên, họ uống trà trước khi đi làm việc. Mười hai giờ rưỡi, ăn cơm trưa họ lại uống nước trà (chứ không uống rượu); đến độ 4 giờ rưỡi họ lại uống nước trà. Ăn cơm tối vào lúc 8 giờ họ cũng uống trà, và có nhiều người trước khi đi ngủ lại uống nước trà. Cả ngày họ « sống bên cạnh » chén trà, nên trà đã trở nên rất thân mật với họ. Có lẽ bạn tự hỏi: « Thế thì những người ở công sở làm

thế nào mà uống trà trong giờ làm việc ? »

Có gì khó! họ ngừng lại để uống trà. Ở các công sở, như bưu điện, thương chánh v.v... thì họ chung tiền mua một hộp trà và một hộp đường, rồi họ thay phiên nhau, mỗi người làm « service » một ngày: nấu nước sôi, pha trà, dọn bàn, xếp đặt chén đĩa. Còn ở các xưởng lớn như nhà máy làm xe hơi, máy Radio, Têlê-xường đóng tàu... thì có cả hàng nghìn công nhân, lẽ tự nhiên họ phải có tổ chức cụ thể, và lần lượt họ ngừng làm việc để uống trà vào lối 4 giờ.

Đề bạn rõ sự quan hệ của chén trà đối với người Anh, tôi xin nhắc lại một việc nhỏ đã xảy ra: một xưởng máy họ dùng 3 nghìn nhân công, ông chủ xưởng tính ra mỗi ngày một người thợ bỏ mất 15 phút để uống trà, nhân với 3 nghìn thợ thành ra  $15 \times 3000 = 45.000$  phút, hay

là 750 giờ làm việc mỗi ngày, như thế rất thiệt cho sự sản xuất của xưởng này. Ông chủ liền ra lệnh bãi tất cả buổi « uống trà ». Lập tức ngày hôm sau cả 3.000 thợ làm « reo » (đình công). Liên đó tất cả các liên đoàn thợ thuyền trong đó có liên đoàn mạnh nhất T.U.C (Trade Union Confederation) ủng hộ thợ thuyền xưởng kia, và hăm sẽ làm « reo » để bảo vệ quyền lợi của các đồng nghiệp.

Ông chủ xưởng kia phải nhượng bộ, và 3.000 thợ kia, vẫn mỗi ngày ngừng 15 phút để uống trà.

Ta thử làm một bài tính nhỏ để làm vui câu chuyện.

Dân số Anh-quốc hiện nay là 52 triệu. Nếu ta bỏ dứt một nửa là trẻ con dưới 16 tuổi, thì còn lại 25 triệu người. Trong số 26 triệu này, ta chỉ cho còn lại 20 triệu người uống trà mỗi ngày. Mà một ngày mỗi người trung bình uống 5 chén trà, thế

**Quing midol** là các chứng đau nhức và cứng khớp  
có bán tại các nhà thuốc.

thai mỗi ngày họ uống tất cả là :  
 20 triệu  $\times$  5 = 100.000.000  
 (100 triệu) chén trà.

Sự tiêu thụ trà xem như thế  
 rất là lớn lao.

Vì thế, những nhà buôn  
 bán trà ở Anh Quốc có một ngân  
 quỹ xuất nhập (chiffre d'affaires)  
 rất lớn, như hãng Lipton, hay  
 Lyon's. Công việc buôn bán của  
 họ mở mang lớn đến nỗi họ mở  
 riêng các quán trà (salon du thé) ở  
 Luân Đôn và các thị thành lớn.  
 Nếu bạn qua đây, bạn sẽ thấy ở  
 các đại lộ lớn, ở thành phố cũng  
 như ở các hải biên đông đảo, các  
 quán trà « Lyon's tea room ».

Ái cũng biết là Anh Quốc  
 không sản xuất trà. Các công ty  
 chuyên môn của họ chỉ mua trà ở  
 các xứ Viễn Đông, rồi họ lựa  
 các thứ trà như trà Ấn Độ, trà  
 Ceylan, trà Mã Lai và trước kia  
 trà Trung Hoa; rồi theo phương  
 pháp riêng, họ trộn lẫn mấy thứ  
 trà đó làm thành trà « Anglais » như

Lipton, hay Lyon's. Trong công  
 việc này, vai tưởng quan trọng là  
 người « nếm trà » (tea taster).

Anh bạn của tôi, anh Nguyễn  
 Chấn, tốt nghiệp trường Thương  
 mại, hiện nay đang tập sự ở một  
 Ngân hàng ở Luân Đôn, cho  
 biết rằng mấy năm gần đây **TRÀ**  
**VIỆT-NAM** đã có mặt trên thị  
 trường quốc tế, như là ở Anh Quốc.  
 Theo anh, thì mỗi năm nước mình  
 xuất cảng trên 4.500 tấn. Vì anh  
 chuyên môn về ngành thương mại  
 nên anh rất rõ về vấn đề này :  
 Theo anh, thì có một số người  
 Việt-nam (ta gọi là các nhà trồng  
 trà) đã ra công khai khẩn vùng  
 Bảo Lộc để trồng trà. Sự khai  
 phá vùng cao sơn Blao đã tốn  
 nhiều công, nhiều của. Hiện nay  
 các sở trồng trà ở miền Bảo Lộc  
 đã đi đến chỗ sản xuất để xuất  
 cảng (production au niveau des  
 exportations) với phương pháp và  
 máy móc cần thiết. Công việc

**midol**  
 và các chứng dai nhức  
 và cảm cúm  
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
 1360/BYT/DPDC

trồng trà này đáng để cho chúng  
 ta chú ý. Vì rằng một phần, mặc  
 dầu chiến tranh đang lan tràn  
 trong nước, họ cũng lo lắng gây  
 nên một sự trồng trà mới, và một  
 phần nữa, họ đã biết đi đến chỗ  
 lo xuất cảng, vì có xuất cảng  
 thì mới đem lại mỗi lợi cho nước.  
 Nếu họ cũng cứ bo bo như trăm  
 nghìn người khác, lo buôn bán ở  
 một vài thành thị, thì lại vẫn  
 « gà quèo ăn quện cối xay », và  
 cũng chả đi đến đâu. Đường này,  
 mấy anh em trồng trà (trong đó  
 tôi vui mừng thấy có hai anh bạn  
 thân) không quân núi rừng hiểm  
 trở, chiến sự khó khăn, lên miệt  
 cao nguyên để phát triển một thổ  
 sản của nước ta. Vẫn biết các  
 anh ấy khi nghĩ làm việc này cũng  
 mong có lợi (đó là lẽ tự nhiên,  
 vì ở đời làm công việc gì, thường  
 cũng nghĩ tới lợi ích) nhưng bỏ  
 công, bỏ của vào một việc khai  
 khẩn sản xuất cũng là « một sự  
 phiêu lưu có nhiều bất trắc »  
 (une aventure pleine de risques).

Nếu việc chế biến và xuất cảng  
 trà Việt Nam được thêm thịnh  
 vượng, thì ngoại thương của ta  
 sẽ thu được nhiều thắng lợi và  
 sẽ đưa về tiền tệ ngoại quốc  
 (devises étrangères) như đồng Liu  
 và đồng franc. Với những tiền  
 tệ ấy ta có thể mua được máy móc  
 hàng hóa, nguyên liệu cần dùng  
 trong nước, và có thể gửi hay  
 giúp đỡ học sinh đi du học.

Hiện nay trong nền « tân kinh  
 tế » khẩu hiệu quan trọng của  
 các nước là : « Phải có hàng hóa  
 có thể xuất cảng được » (néces-  
 sité d'avoir des produits exporta-  
 bles). Vì thế ta có thể nói được  
 là nước ta ngoài lúa gạo, cao su,  
 than đá, si-măng; sẽ có thêm một  
 món nữa tức là **TRÀ**.

Việc xuất cảng trà Việt-nam  
 như thế cũng là tạm khá, nhưng  
 nếu ta kể về sự tiêu thụ ở khắp các  
 nước Âu châu thì số xuất cảng

**midol**  
 và các chứng dai nhức  
 và cảm cúm  
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
 1360/BYT/DPDC



Như thế chưa được là bao nhiêu. Các nhà trồng trà phải sản xuất thêm, và phải bỏ vào nhiều thứ trà, như trà đen chẳng hạn, vì thứ trà này đang được người Âu Châu ham chuộng.

Nhưng một công việc như thế không phải là một việc nhỏ. Tuy là một việc của tư nhân, nhưng một phần nào, lợi là lợi chung cho xứ sở. Vì vậy thiết tưởng bất cứ chính quyền nào, hay chế độ nào cũng nên khuyến khích và giúp đỡ những công ty khai thác những nguồn lợi thổ sản quốc gia. Ta cần phải có những hàng hóa hay vật liệu mà các nước ngoài cần phải có và tất nhiên cần phải



● BIẾT KHÔNG ? BIẾT !

Một người chồng vừa ở Qui-nhon vào Saigon, nhưng quên mất địa chỉ của người chủ, bèn đánh điện tín ra hỏi vợ :

— Em có biết địa chỉ của chủ Hoàng số mấy đường ado không ? Trả lời cho anh biết gấp.

Ngay chiều lại, có điện tín của người vợ trả lời :

— Biết !

mua của nước ta. Như thế ngoại thương và nền kinh tế của ta mới lâu được kết quả khả quan và một phần nào giúp ta trong việc kiến thiết nước nhà, ngay bây giờ và khi Hòa Bình đã van hồi.

Lúc đó, tôi mong sẽ được về cố hương, đi thăm một số Trà của một vài anh bạn thân. Bên cạnh chén trà nhìn cây cỏ bao la, tôi sẽ nhắc lại hai câu Kiều :

« Đã đem mình bỏ am mây  
Tuổi này giữ vớt cỏ cây cũng  
vừa ».

Thân mến chào bạn và xin hẹn thư sau.



truyện ngắn  
\* TRẦN-TUÂN-KIỆT

GIỮ ĐẤT



Ả N bắc chiếc thang đặt dựa vào thân hình nhân từ từ leo lên tới chóp đỉnh để hoàn thành mớ tóc bằng rơm trộn với đất sét, bàn tay hăn đã khéo léo tự nhiên, với một cử chỉ thật hòa ái đượm tình như hăn đang võ-về, đang nói thầm thì với hình nhân vừa hoàn thành, chiêm trợn cả chiếc sân. Hăn có thể bám vào cổ hình nhân nhìn thấy tận đầu những ngọn cây ở ngoài cồn xa tít mù. Nhưng hăn đang tư lự đứng ngó mong về một miếng đất, hăn vừa bồi đắp lên thành một khoảnh rộng, cao ráo. Hăn đã đem đặt chung quanh vài gốc dừa khô đã ra cây lá, đó là vùng mộ-chí, nơi mà hằng ngày, mỗi chiều, người vợ cùng hăn đến ngồi im lặng bên mộ, kể chuyện thằng bé, nhắc lại từng cử chỉ, nhớ lại từng dáng điệu, ghi tạc càng sâu vào tâm não họ bóng

hình thơ đại ngoạn hiền của nó. Người ở đồng nội thường được tự-do, họ thư-thái, ung dung, không có dấp-dáng hấp-tấp, điệu bộ rộn-ràng như kẻ ở thành thị. Nghĩ cho cùng, đôi khi cũng phát tức cười, cười thật to lên, mới đã con kỹ thú. Đó là hình ảnh mấy kẻ chạy hoàn suốt đời, rồi giờ phút nào đó... cũng nằm ngay đơ, cũng chẳng ra trò trống gì hết. Ung dung và thư-thái xem nào, còn thì giờ chân để làm việc, chỉ sợ thời gian, cát bụi, mưa-sa gió táp lên trên hình nhân bằng rơm rạ hẳn đặt ở ngoài sân, đang đuổi chiếc bóng che khuất hơn nửa mái tranh. Xa trông người ta có thể ngờ vị thần nào hiện ra đứng canh gác cánh đồng hoang vu, họ có thể lạ lùng một cách... có thể truyền đi bao nhiêu là câu chuyện truyền kỳ nhanh chóng về chuyện hình rơm và đất sét nọ. Cái ý vị của rơm rạ đậm đà quá thể, xao xuyến gọi niềm bí ẩn xiết bao. Hãy đứng đó hồi vị đại thần kia ! Canh gác đồng hoang này cho ta, đêm tối cũng như lúc mặt trời chiếu rọi ánh sáng soi rõ tấm thân đồ sộ hùng vĩ như quả đồi con ấy. Hãy ngược cảm nhìn lên trời, bàn tay cầm một vòng tròn giống như hình vầng trăng khuyết. Vị thần canh đồng hoang, những đêm thiêng liêng chiếu rọi tia nhìn thâm u xuyên qua màn đêm, nhập với cõi uy-ên của miền đất bao dung... Nghĩ tới đây, hẳn nghe lồng ngực dâng lên ảm ức một điều gì, khó nói, khó giận, và khó buồn, vui. Thật là nan giải, thật là đau xót khôn cùng. Miền đất dành bao nhiêu tự do, trong những ngày tháng, cũng là nơi tuyệt địa, cũng là nơi xóa nhòa bóng hình trẻ thơ tàn nhẫn, rồi cũng là nơi ôm kín, ấp yêu chiếc thân nhỏ bé trong lòng thanh tịnh của nó. Hẳn nhìn lại hình tượng kia, bao nhiêu công phu,

ngày tháng... dẫu chân hẳn đã mòn trên đường mang rơm rạ và đất sét về, tạo thành nó, để một ngày nào đó, cũng hóa thành đất đen, tuy nhiên giờ đây có thật nhiều ý nghĩa, hẳn cảm thấy lòng xao xuyến lên nguồn cảm hứng tạo thành. Mọi sự đều mang màu sắc kỳ bí bốc lên từ nguồn đau thương, từ niềm cô đơn xót xa về cõi đời, về lẽ sống và hành động.

Cả hình nhân, cả đứa con, cả vợ, cả hẳn nữa, rui tàn hết. Hầu như sự trường cửu không phải ở sự vật này, nhân tính nọ, mà là ở đất, ở diêm quy tụ cuối cùng cuộc đời của một sự vật nào đó. Do đó, nghĩ tới hình nhân, nghĩ tới sự việc, hẳn cảm thấy buồn, ảo ảnh của chúng cả thôi, trường cửu là thế sao, sự hiện diện ra đó ?

Trên cánh đồng hầu như đã ngã sang màu sắc mơ hồ, vàng phai. Chiều phôi bóng vàng, buổi chiều nhẹ những làn ảo mộng nâng chiều du dương theo nhịp hoàng hôn xuống, tuyệt diệu êm đềm ru hẳn vào giấc mơ, hay lừa đến cho hẳn tiếng thầm vọng nhiều ước nguyện của tháng năm Trong bóng... g hờn đó, chờ đợi gì ta ? Chờ đợi gì vợ cỏ cây sự vật ? Ta đã hoàn thành được hình nhân rơm rạ này. Ước mơ của ta vừa hiện ra sự thật thì lập tức từ trong thâm ỷ của hồn ta chịu liền một vết thương không người được nữa. Một sự thật này mất đi, để lại thành



hình nên một sự vật khác, đó là chứng cứ, là sự trùng sinh, tái sinh của ước vọng chân thành loài người hôn phối. Những tia nhìn chủ thể của hần hầu chìm theo tiếng vọng nhật nguyệt của trăng sao chợt hiện lên đầy trời. Bờ xanh đã lặng lẽ tiếp bãi vàng rồi đó. Nhìn vào nét mặt chìm sâu trong chiu tư lự, không thấy gì. Hần bước đến giòng nước bênh bồng càng dâng lên tràn lan. Nước trong, màn đêm thâm u cũng không nhìn rõ gương mặt mình được. Lúc này, sau buổi hoàng hôn, cái bóng của vị thần canh đồng hoang đã phủ nhòa lên giòng nước chảy. Càng mờ mịt, càng khỏa lấp thêm vào bóng đêm đông đặc.

— Minh ơi ! Đó là tiếng gọi của vợ hần vừa đến.

— Minh về ăn cơm, tối sớm rồi, đợi hoài sao ?

Hần không trả lời, uể oải trở về trong chiu chán nản. Vợ hần đi trước, những bước nặng nề xao xuyên của người đàn ông theo sau. Cứ tối đến, cứ trưa đến, dù ở nhà hay ở đồng, hần chỉ nghe vợ hần nói có bấy nhiêu thôi: « Minh ơi ! Về ăn cơm ». Nếu không về, không ăn thì sao ? Tất nhiên là chẳng sao cả. Hần cảm thấy chán ngấy rồi tiếng gọi đó, ngôi nhà đó. Thật sự hần chẳng muốn trở về đây, không còn thích nằm trên chiếc giường dù là làm « công việc » vợ chồng nữa. Ngôi nhà trống trải quá, hoang vắng, tha ma quá. Hình ảnh đứa con, một thực

thể qui trong hầu tất cả những hình ảnh cao quý gì ở đời đó là một sự hồi sinh, là nhịp sống, sự hóa thân của hần. Đó là một viên tượng đau thương tan rã nhất, hần đã để rơi tòm xuống vực thẳm. Không đời nào có tiếng vọng, không lúc nào có thể người. Ngày tháng chỉ làm phai những tình người tạm bợ. Còn kỷ niệm, hình ảnh thân yêu của đứa bé, ngày tháng càng kéo dài thêm nỗi dẫn vật xót xa hơn điều gì cả. Nhiều lúc hần không dám hồi tưởng lại, bóng hình đó sống động một cách hãi hùng, lúc này sự khóa lấp quên lãng chỉ chực có cái điện, có bóng tối, có sấm chớp bão cuồng, hay là một sự can hệ đến thiệt thân hần mới thể người đòi chút hoài vọng thiết tha đó, Vợ hần có lẽ cũng vậy đòi người đều thống khổ, đều bị một sự oan nghiệt đeo đuổi triền miên từ đây, điều oan nghiệt đau buồn kia cay đắng càng thắm bao nhiêu hần càng cảm thấy vừa lòng bấy nhiêu. Ngồi ở bàn ăn, vợ hần lùa cơm vào miệng như vào một lỗ trùng căn phải lấp đầy, chị ngồi trơ nhìn chiếc bóng mình in trên vách, giây lâu nghe tiếng chuột bu kêu rúc trong kẹt vách, chị mới nói với hần :

— Anh có làm gì thì làm. Tôi không ngăn anh nữa. Nhưng anh cũng nên nhìn góc cửa nhà một chút, không để mình bỏ phế luôn công việc này việc nọ sao ?

Hần gật đầu :

— Ngày mai... Hần bỏ lửng câu nói, chị vợ nhìn chăm chăm hỏi :

— Làm gì ?

— Anh chẳng biết. Tôi chỉ có công việc đó thôi.

Vợ hần hơi tức, nói :

— Người ta không phải sống để làm một công việc.

**Đường midol**  
 Mọi các chức năng lâu nhất  
 và bền bỉ  
 CÓ BÁN TẠI NHÀ THUỐC TÂY

— Tôi biết.

— Anh với tôi phải làm gì kéo, huồn chết ?

Hắn nhìn vợ. Xưa nay hắn ngỡ đàn ông ý chí mạnh hơn đàn bà con gái. Đến lúc này hắn thấy vợ hắn thật là một vị Quan Thế Âm, lời nói đó biểu lộ nét rần rỏi có thể vượt qua mọi đau khổ vấy bừa bẩn bẽ. Vâng... huồn rồi chết ! Mọi sự đều tối tăm, cõi chết vẫn thẳng thẽ, vẫn có đủ nanh vuốt hàm hè đe dọa cõi đời mãi. Cứ đưa bàn tay luỡi hái ra gạt ngang những đời sống tốt tươi hoa lá, vẫn hái đi những mầm nụ tốt đẹp của trần gian này, có phải sự chết quyết định tất cả hay không ? Hắn bỗng đứng bật dậy, vịn tay vào ngực, chiếc ngực đang sôi sục ý nghĩ mãnh liệt về thù hận... Hắn bước mau khiến chị vợ lo sợ tròn mắt bước theo. Cánh cửa đang khép, hắn xô bật mạnh, va thẳng vào vách. Hắn vụt chỗi dậy cùng với ý hướng bùng lên những lửa những gió cát của niềm tủi hận. Lúc đó cổ, đất mà hắn dẫm lên cơ hồ như cùng dây niêm phần nợ với hắn.

Người vợ đứng sững. Hắn đứng sững. Chị ta theo dõi hắn, còn hắn đang ngó trân cái hình nộm vợ.

Hắn thấy từ đôi mắt thâm u đó lóe ngời lên tia chói rục phản chiếu lại tia hình của hắn, cũng một sự phản nộ. Đột nhiên hắn rung lên. Tự hỏi. Tự trả lời. Tự gậy rồi

loạn toi bời trong tâm thức hắn. Cuối cùng hắn im lặng, trăm mắc. Trời đất tạo nhân loại, có lẽ cũng như ta, tạo đũa con, tạo hình nhân với bao nhiêu tâm huyết, dự định và đau buồn, phân khích. Bỗng tối đang bao phủ nó đầy. Thời gian hiện hữu là bóng tối ngày mai, là ngày mai của mặt nguyệt mờ hồ không thể soi rọi lại mọi hình ảnh, cảnh tượng, tâm hồn hiện nay, và cả đến cơ cây đồng tấu khúc trường dạ ngoài kia. Hắn đứng một lát, quay vào nhà. Vợ hắn dò hỏi bằng đôi mắt thấp thoáng nhìn của chị sau lưng hắn. Tình cờ hắn quay lại, nắm chặt vào hai vai vợ, ghi chặt lấy tâm thân mong manh của con người vào lòng. Vợ hắn cảm động rúc vào lòng hắn, úp mặt vào mặt chồng, khóc tí tề.


— Em ơi anh yêu em. Đáng lý phải nói thật. Em ơi anh thương em, đau xót vì tâm con người nhỏ nhoi của em chịu đựng thật nhiều roi độc số mệnh, của nỗi đau vật tối tăm của hung thần ác mệnh kia. Số Mệnh nào đã đánh đổi nguồn xinh tươi da thịt con người hóa thành đất đen, biến lời nói, trong sáng kết tu tự lời của gió cao, của trăng sáng, của mặt hoa lá, của hơi thở nồng từ môi người mẹ, cái tình yêu thành trụ của cha, mọi sự thể tất cả biến dạng một cách bi thảm ác liệt... Ôi sự cảm nín ngàn năm kia... còn gì để hiểu, hắn không thể hiểu, không cần hiểu, không cần gì cả. Hắn nhớ tới hình ảnh sụp lạy và kêu khóc, ngắt người của vợ hắn trước kia. Như bị một vết thương vỡ tự thâm tâm, làm dội tiềm thức, không thể ngấm cảm, nín thở nữa, hắn hét lên.

— Ta không thể nào chịu đựng nổi nữa. Hãy trả lại, hãy mau mang tất cả bóng dáng nó lại. Trả lại cho ta, đừng quá nghiệt ngã nữa, hỡi mệnh số khốn nạn.

Sự tối tăm vẫn lạnh lùng, cả vợ lẫn nữa. Cũng đến lạnh lùng nhìn hẳn. Sự vật dường như im phất, ghé sọ trước cơn giận dữ. Bỗng đứng hẳn giạt lùi lại, bước thật nhanh vào nhà. Chỉ còn vợ hẳn, đứng tro vợ, gục đầu vào chân vị thần canh đồng hoang. Chung quanh chỉ, con trời như thừa cơ xoay lộn, quay cuồng thật mãnh liệt chị ngược nhìn lên, nét mặt tối tăm của hình nhân bỗng rang rỡ chói rực những tia nhìn thương cảm bao dung.

Người chồng ngồi yên trước ngọn đèn, như ở giữa bãi sa mạc hoang vu, hẳn giống một người dã nhơn có độc ngồi bó gối ở gốc rừng vắng đợi giờ rủ lớp xương da. Người vợ bước lại, khẽ khép cánh cửa buồng. Ngọn đèn vương cao, cố liếm láp vào khoảng không dốt sáng hơn một chút. Đồi phút như chống chọi không nổi vùng tối tăm vây quanh đặc, bóp siết lại tự bốn bề, nó lay lắt chấp chờn như chờ đợi một ánh sáng khác cùng tỏa ra chung. Ý nghĩ đó vừa chớm lên, người đàn ông đứng vụt dậy, đến đầu giường. Nơi đó còn một hộp đèn cây mua đã lâu. Hẳn lấy hai cây, lại châm lên rực sáng, đoạn đặt gần ngọn đèn cây đang cháy dở.

- Anh thấp làm gì tới ba ngọn ?
- Anh thấy nhiều ngọn vui hơn, ấm hơn.
- Ý anh muốn thấp sáng cả cánh đồng cũng nên ?



**Midol**

Chữa các chứng đau nhức  
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

O/8Y.T/DPDC.

Người chồng quay về phía vợ đứng. Tóc nàng chảy dài óng ả như 1 nỗi buồn đen thẳm. Nhìn tóc vợ, hẳn nghĩ tới và tiếc nuối một việc... Ngày xưa tình cảm con người mong mệnh họ kết tóc xe tơ với nhau, hẹn hò với nhau, tin nhau trọn đời... thế nguyện với nhau từ muôn vạn kiếp, ngày trước chắc chắn là họ có một niềm tin thật bền vững, son sắt hơn. Ngọn đèn cũng có ý nghĩa mang lời thề nguyện cao sâu, Nay điều mong muốn của hẳn thật giản dị, nhưng gió bão linh hồn vẫn đến. Muốn trút bỏ mọi dẫn đặc, ru phiền khổ hạnh muốn quên khuấy đi, để tìm đến, hương lại gần cái hư không, cảm ngộ với tiếng vọng của nó, chưa hẳn đã được, Hẳn thấy lòng còn nặng vì nhớ thương, mà chật ra, đó là niềm nhớ thương sáng ngời, cao quý nhất đời hẳn. Nếu như cỏ cây biết đau. Trong những nơi xao xuyến của làn gió lập đông, như một cánh mai già cõi kia cũng có thể làm nó đâm chồi nở ra một cành hoa, một búp mần tơ nào đó. Sự vật nào chắt đã vô tình đau. Chợt ngọn nến trên bàn phía trước mặt hẳn tắt phụp, cơn gió từ cửa sổ vờn qua trêu chọc hẳn phải không ? Hẳn đến bên giường tư lự, gẫm gừ :

- « Như một kẻ điên rồi chết đi còn hơn ».
- Anh vừa nói gì ? Vợ hẳn bấy giờ đang nằm im chột hẳn ngồi xuống, đáp :
- Anh thấy khó nghĩ, phút này bỗng nhiên anh như người mê mới tỉnh, không hiểu thế nào cả, sao em không ngủ ?

Người vợ xoay lại trong lúc hẳn nằm xuống bên cạnh, mắt nhìn lên mấy ngọn đèn. Giờ phút ở đây, lúc này hẳn như không chạy thẳng một chiều, nhưng nó loạn ra bẽnh

bỗng sương khói. Thời gian mơ hồ như làn sóng đơn tròn lấp lánh những cung trầm của khúc đàn thất huyền vắng vắng bên tai hắn. Gió đã nổi lên ngoài khơi. Hắn nghe rõ ràng tiếng hát của lão chài với đàn cá nháy..

Ngon đèn thứ hai trên bàn vụt tắt, chỉ còn lại ngọn đèn vợ hắn thấp trước tiên đang cháy le lói. Hắn quay lại hôn lên trán vợ, nói khẽ :

— Anh thắp thêm hai cây đèn, tắt hết cả rồi.

Người vợ gạt đầu :

— Em biết.

— Vì sao ?

Người vợ im lặng, buộc hắn phải hỏi tiếp :

— Tại sao hai ngọn đèn anh thắp lại tắt cả ?

Người vợ nói thật nhỏ, thật êm, hầu như thồn thừ bằng giọng tràn ngập nước mắt :

— Vì đặt không đúng chỗ. Anh đặt ngay hướng gió thổi qua nên nó tắt.

— À.. thì ra.. Hắn muốn nói thêm những lời thống thiết nhưng đoạn giữa của lời với hắn đành cảm lặng, chỉ noi bâng quơ những lời sau cùng, « Có lẽ cần sống hợp quần hơn, loài người những đứa bé mai sau phải biết yêu thương nhau, phải cố chung nhau đùm bọc nhau mà sống mới mong chịu đựng nổi nhiều điều kia.. nọ.. của số

**Đừng midol** Vì các chứng đau nhức và cứng cứng. CÓ BANYAU CÁC NHÀ THUỐC ĐƯỢC

mệnh.» Hắn linh cảm hầu như có lúc loài người quên nghĩ tới số mệnh, thì nó càng ràng rịt hơn, cay độc chua chát hơn bao giờ. Hắn bỗng nói với người vợ, đang gối đầu trên cánh tay hắn nằm co ro như một chị mèo ướt :

— Dù sao chúng ta cũng nên sinh con !

— Thôi anh, em khổ lắm, em không thể chịu đựng được... anh hiểu cho.

— Nhưng em ạ... chỉ có kẻ suy nhược yếu đuối mới bỏ tay trước mệnh số, hãy sống dạn dĩ hơn, em hãy bắt xá, chúng ta nhất định đi cho hết cái kiếp mọn của mình mới thôi. Anh không cần dục tình, anh cần có thêm những đứa con xinh đẹp nối giòng... để chứng tỏ chúng ta... mẹ sau, còn... rằng lưu truyền, rằng.. nếu không thì chúng ta bỏ dở đời sống mà gục trước khi mình còn có thể nối tiếp mà đứng mà đi dưới trời này. Em ơi, hãy ráng giúp anh.

Người vợ vẫn thúc-thít, khi hắn ôm chặt quá chị mới hỏi :

— Anh còn có thể tỉnh chuyện nọ... kia nữa ư ?

— Anh càng mong em cố gắng hơn nữa.

— Để làm gì ?

Giọng nói của chị đã bắt đầu hờn hển. Chị nhìn ngọn đèn thấp sáng, khẽ cựa mình sang bên thồi mạnh. Người chồng kêu lên :

— Sao vậy em ?

— Em không muốn có ánh sáng.

— Vàng.. mọi sự đều bắt đầu trong đêm tối cả. điều đó khiến chúng ta cũng đỡ thấy buồn khi nghĩ cho cùng..

— Em không muốn sinh nữa. . sao anh làm vậy. Nếu lại mang thai, có lẽ chúng ta phải về chợ.

— Anh nghĩ khác. Anh sẽ đưa em về đó, còn riêng anh sẽ sống mãi ở đây đến trọn đời thôi. Anh cảm thấy đời sống mình gắn liền với mây trời, gió nội hơn là ở thị thành. Lại nữa anh còn phải chăm sóc ngôi mộ... Chính giờ phút này anh cảm thấy lẽ âm-dương, trời đất sâu xa lắm. Biết đâu loài người cần phải có một mối duyên nào đó với đất trời. Chỉ tội cho thằng bé con ta. Thật ra thì mọi sự như mơ hết, một giấc mơ ảo giác, dường như hai chúng ta bị lường gạt bởi cái trò đen đuổi mệnh số!

— Chúng ta bị lường cho ra đời sống chung nhau, nào là sung sướng, nào là hạnh phúc.

— Điều đó chẳng cần thiết. Anh thấy con ta cần thiết hơn ta. Nó cần có ngôi mộ cao, cần có nơi đất tốt để yên nghỉ. Đó là điều kiện tối thiểu, thiết yếu vô cùng của kiếp con người đấy em.

Mà giờ đây niềm yên tĩnh đã có, thật là nơi đất tốt, con ta nằm đấy muốn thu, linh hồn nó có lẽ đã hòa với trăng sao, và gió và mây ở bên trời kia. Anh bỗng tiêu tan nỗi buồn vì nó, chỉ còn thấy sầu hận vì thiếu vắng của lòng mình mà thôi. Anh sẽ giữ miền đất nọ thêm tươi tốt mãi, ngoài ra còn hình nhân dù sao ngày tháng sẽ dũa mòn, sẽ

**Đùng midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
I. O/B.Y.T./D.P.D.C.

làm sức mẻ ra, anh sẽ bện lại, đắp lại, vẽ lại, tạt lại cho tròn vẹn hình như điều dự ước đã thực hiện từ lâu. Và ngày mai, nếu về thành, em đừng nói với lũ bé con điều này... chúng không hiểu gì hết, lại buồn vì có một người cha điên, hay một người cha gan dở. Chúng không bao giờ cảm được, thông được, tới... được ý hướng của anh như vậy, nhưng chúng có con đường khác phải đi kia mà... cũng tùy em hướng dẫn. Bây giờ anh về lại phố thị, với mọi người với mọi sự vật anh là một kẻ thừa rồi em ạ. Nhưng tự do với đất để làm công việc của anh, tự do bện hình nhân theo ý nguyện, và giữ miền đất bình yên của thằng bé. Anh nghĩ... thì ra mình được sống để giữ đất cho người đã khuất. Đó là bổn phận sâu xa nhất của con người đấy, anh cảm thấy như thế cũng là một điều vui... một lối sống vì thế anh nhất định ở đây, không để cho một kẻ nào đến chiếm đoạt nó... ngôi mộ, cái hình nhân kia... và miền đất yên lành trăng sao này, chúng ta đã gieo hạt giống, dù chẳng nảy mầm, anh đã chọn, đã sống đã thở, nó thật tinh khiết, em nghe, gió thổi ngàn lau cỏ xao xuyến, trong sạch biết bao! Nó cũng có tình chứ?

Anh cho là nếu ta có tình, mọi sự vật đều có tình cả đối với ta. Như người ta trồng hoa vậy. Nhưng ở đây có nhiều nguy cơ khiến em lo sợ cũng phải. Hàng ngàn năm loài người sống rời rạc bây giờ chỉ mới một hai trăm năm

**Đùng midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

## GIỮ ĐẤT

loài người rõ da mặt của nhau. Họ đều qui về đô thị để tìm một đời sống dễ dàng, để được có mặt ở đây hơn. Riêng anh thì khác. Chắc chỉ ở đời có người không hành động phi lý hơn anh. Cái trò quay tít đu giấy, hay đếm bạc, lái xe đưa hành khách từ đầu đường này tới đầu đường nọ, loanh quanh lẩn quẩn lại đầu đường nọ, quay về đầu đường này chân gãy đổ, thì đời sống thú vị cuối nữa. Người ta bị đóng cứng nơi những cột điện, nhà máy, và những công việc giờ giấc, lớp lang, những kẻ tội đồ khổ sai đây chớ gì, cần nhất là say mê một sự gì đó... dù vô lý, vô nghĩa hay hửu lý đều tốt hết cả. Anh thì say mê đất say mê rơm rạ, một ngày xa màu sắc và cái vị nồng nồng âm ấm của lớp rạ ngoài sân, anh cảm thật nhớ thật khó chịu lắm.

\* \*



### \* QUEN MIỆNG.

Người vợ đợi chồng về, nhưng đã hơn 12 giờ mà vẫn chưa thấy, buồn ngủ quá nên phải đi ngủ trước.

Đến lúc người chồng về thấy vợ mình nằm ngủ mê man, nên rón rén đến bên giường nằm cúi xuống khẽ hôn lên môi vợ. Người vợ đang ngủ say, trở mình nói khẽ:

— Ông chủ hôn em lâu thế, nhờ chồng em bắt được thì nguy!

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BA  
LÒNG DANH TRONG  
LỊCH - SỬ

★

22. —

HOÀNG  
HẬU

THEODORA

★

TÂN - H





(Tiếp theo P.T. 179)

### Phong trào tranh đấu «Nika».

**U**Y-QUIÊN của Théodora đã lên đến tột bực. Trong lịch-sử thế-giới, chưa có một triều-đình

nào mà một mỹ-nhân từ một địa-vị tỳ-tiền nhất trong xã-hội đã bước lên một ngôi tuyền-đỉnh trên thiên-hạ, và dựa vào quyền-lực ấy để chà-đạp bọn đàn ông một cách kiêu - căng hách-dịch như thế. Và không có triều-đình nào mà người đàn ông dù quyền cao chức cả cho mấy đi nữa, cũng phải sụp-lạy bên chân người đàn bà một cách hèn mạt và khiếp đờm đến như thế.

Nhưng thời-đại nào cũng có những kẻ liếm gót giày bọn quyền thế, dù kẻ có quyền thế đó xuất thân từ một vũ-nữ, một con diêm, và có những thẳng đàn ông ngu-xuẩn, mù quáng, mê-muội, tôn một nhan-sắc trụy-lạc lên bậc « mẫu nghi thiên hạ ».

Tuy nhiên, trong đám quan-liêu của Triều đình Byzantin và trong dân chúng đã có mầm bắt mần nổi dậy chống Hoàng đế Justinien và Hoàng - hậu Théodora. Trong Triều đình, hai phe « Áo Xanh » và « Áo Lục » vẫn là thù địch lẫn nhau,

bây giờ đoàn kết lại để diệt trừ Justinien và Théodora, trong một cuộc « uống máu ăn thề » mở phong trào tranh đấu chung gọi là « Nika ». Nika, tiếng Hy-Lạp, có nghĩa là « Ta phải thắng. »

Nhân một buổi đại lễ thề thao tại Trường Đua Ngựa Constantinople, do Hoàng đế Justinien chủ tọa tháng 1 năm 532, một nghị-sĩ của phe Áo-Lục bỗng đứng lên dõng dạc đả-kích chánh sách bất công của nhà vua, và tác phong hỗn xược kiêu kỳ của Hoàng-Hậu. Hoàng-đế Justinien đứng lên trả lời rất hăng hái, trước muôn nghìn dân chúng đang sôi nổi. Rốt cuộc, vua đuối lý, đứng dậy bỏ ra về. Dân chúng « xuống đường », và cuộc tranh đấu bắt đầu bằng những cuộc đốt phá, cướp bóc, gây rối loạn khắp thủ đô Constantinople. Viên Đô-trưởng đàn-áp, bắt mấy tên cầm đầu cuộc phiến loạn, và quyết định đem xử bắn ngay tại Trường Đua. Trong đám đó có cả người của phe Áo-Lục và phe Áo-Xanh. Hai phe liên - minh tuyên bố quyết tâm đoàn kết đánh đổ chế độ Justinien cho đến toàn thắng. Mặt trận « Nika » chống Justinien được thành lập với sự

### NGƯỜI ĐÀN BÀ LÙNG DANH

gia nhập của hai phe truyền thống thù địch nhau. Cuộc nổi loạn lan rộng ra đến các vùng ngoại ô, và đe dọa mỗi ngày mỗi bành trướng, mối nguy ngập cho số phận nhà vua. Justinien bắt đầu lo sợ...

**Théodora :** « Ta quyết không thoái vị ngôi Hoàng-Hậu của ta ! »

Trước tình-thế chính-trị vô cùng trầm-trọng, Hoàng-đế Justinien nhóm họp một phiên nội các khẩn cấp để tìm biện pháp thích nghi. Nhưng hầu hết các vị Đại thần trong Triều đình đều nhận thấy rằng tình hình đã tuyệt vọng, và đồng thanh khuyên Hoàng-đế âm thầm bỏ Kinh-đô, đem hết vàng bạc châu báu trốn ra ngoại quốc. Nhà Vua tán thành giải pháp lưu vong và lập tức truyền lệnh vận chuyển tất cả các kho vàng bạc châu báu trong Cung - điện xuống mấy chiếc tàu của Vua đậu ngoài khơi biển. Nhà Vua không dám cho Théodora biết quyết định của Triều đình, và đợi đến phút chót sẽ mời Hoàng Hậu xuống tàu thoát nạn.

Nhưng Théodora thấy lính rúng kiêu các thùng nặng nề xuống tàu, và các quân cận-vệ dọn dẹp đồ đạc quý-báu trong Cung điện, bỏ hết vào các thùng lớn để di chuyển xuống bến tàu của Vua. Đoán biết có biến, cố trầm trọng, Théodora đi nhanh qua tòa Nội-các, nơi đây Hoàng đế còn đang thẩm thi bàn luận với các người thân tín. Bị chất vấn đột ngột, Justinien phải trình bày cho Hoàng-hậu rõ tình hình, và kế hoạch đi trốn ra Hải ngoại, bỏ kinh đô và ngại vàng cho hai phe « phiến loạn » để mặc cho chúng xâu xé tranh giành nhau.

Théodora tức giận, đập tay xuống bàn, la lớn :

— Không ! Một ngàn lần không ! Ta không tán thành kế hoạch chủ bại, và rút lui hèn nhát như thế ! Ta quyết không thoái vị ngôi Hoàng hậu của ta ! Ta không bao giờ chịu dời gót ngọc ra đường phố mà không được bá-tánh cúi đầu sụp lạy, hoan hô Hoàng hậu !

Kể đó, với một giọng oai-

nghiêm quyết-liệt, khiến các quan triều thần run sợ không dám hó hé, Théodora truyền lệnh khiêng các kho vàng và châu báu trở về Cung-Điện, không di-chuyển đi đâu cả.

Nàng quyết ở lại, đương đầu với cuộc nổi dậy của dân chúng, để bảo-vệ Ngai vàng.

● Chia rẽ là... chết !

Trong lúc đó, liên-tiếp một tuần lễ, ngày đêm ào ạt dân chúng xuống đường đốt phá, cướp của, giết người, gây ra cảnh hỗn loạn khắp cả thủ đô Constantinople và các vùng lân-cận. Hai phe « Áo Xanh » và « Áo Lục », cầm đầu cuộc nổi dậy, lúc đầu liên kết nhau, nhưng vẫn ngầm ngầm thù hằn lẫn nhau, bấy giờ trở lại xõ xát lục đục trong nội bộ, gây ra cảnh chia rẽ vì « xôi thịt », vì « tự ái vụn », vì « anh hùng cá nhân ». Quần chúng ngờ ngác, không có

người điều khiển, không còn tôn trọng kỷ luật nào nữa, và mạnh nhóm nào nhóm nấy tự động gây ra tình trạng vô chính phủ, vô luật lệ, làm chủ thành phố được một vài ngày rồi bị lực lượng cận vệ quân của Justinien thẳng tay đàn áp. Không bỏ mất cơ hội, Théodora lợi dụng ngay mối chia rẽ nội-bộ của hai phe đảng Áo Xanh và Áo Lục, quảng tiền ra để mua chuộc bọn Áo Xanh mà nàng có quen với vài nhân vật quan trọng. Bọn Áo Lục cũng hy-vọng được « ăn tiền » của Théodora, lên lút chợ người vận động cửa sau, nhưng không được thỏa mãn. Théodora khai thác triệt để mối bất hòa của hai phái, nhưng nàng chỉ mua chuộc phái Áo Xanh và bỏ rơi phái Áo Lục không có kinh nghiệm chính trị, với đám dân chúng vô tổ chức, vô lý tưởng, vô học thức của họ. Dần dần đa số quần chúng này rời rạc, chán nản, không còn tin tưởng

**Đình midol** At các chúng Cầu chắt và cầu cầu  
 CỬ BÀN TAY CỬ NHÀ THUỐC ĐỒ

vào thế lực nào nữa cả.

Tình thế lộn bại đã chín mùi, bảy giờ Théodora mới đánh một đòn bất ngờ lần cuối cùng để tiêu diệt phong-trào chống đối. Một hôm, chính nàng tổ chức một bữa mai-vụ ngay trong đám đồ-đệ Áo Lục (phe chống đối) mà nàng đã cho tiền, để sách động quần chúng kéo đến biểu tình tại Trường đua Thủ đô. « Để đà đảo Justinien và Théodora », « tiếp tục phong - trào tranh đấu ». Quần chúng nghe dạ, nghe lời bọn này, kéo đến tụ họp trên 30.000 người, chật ních trong khu trường Đua bề dài 500 mét bề rộng 100 mét. Chung quanh trường đua có bốn bức tường cao. Trong lúc bọn tay sai « chống đối » hô hào đà đảo Théodora và quần chúng la hét theo, đòi kéo vào đập phá Cung Điện, thì hai tốp lính ngự-lâm-quân, một do Blisaire chỉ huy ừa vào công tước, và một do Mundo, (tên Mundo này là một người cháu nội của Tướng Mông cổ Attila, phục vụ trong quân đội Byzance), ừa vào công sau, đóng ập cửa lại, và bắt đầu cuộc tàn sát khủng khiếp chưa từng



Hoàng đế Justinien

thấy trong Lịch sử Đế - quốc Byzantin. Tất cả 30.000 người biểu-tình chống đối đều bị chém giết tận cùng, không còn sống sót một mạng.

Mấy tên hó hào sách động cuộc biểu tình, cũng nhập bọn với Ngự lâm quân để tàn sát đám « đồng chí » tranh đấu.

Justinien ngồi vững trên ngai Hoàng-đế, nhờ thủ đoạn kiêu căng ngoan cố và vô lương tâm, vô nhân-dạo, của nàng cựu vũ

nữ Théodora, Hoàng hậu của Đế quốc Byzance.



✱ **Cuộc đời tàn của Théodora**

Sau cuộc đàn áp tiêu diệt phong trào chống đối, Théodora còn ở ngôi Hoàng-Hậu được 16 năm. Lấy Justinien, nàng không có con. Nhưng bạn đọc còn nhớ trước kia, lúc còn 13, 14 tuổi, giao du với bọn con trai cắt cỏ ngựa ở Trường Đua, nàng đã có hai đứa con hoang thai, một trai và một gái. Một hôm, viên hoạn quan tâu với nàng rằng có một cậu con trai, tự xưng là con trai đầu lòng của Hoàng-Hậu, từ Ai-Cập qua, muốn vào yết kiến Hoàng-Hậu để vấn an. Nàng truyền lệnh đưa cậu thanh niên vào. Nhưng từ đó không ai thấy cậu ấy đâu cả. Theo dư luận do nhà văn Procope ghi lại, thì Hoàng Hậu sợ rằng sự hiện diện

của cậu ta trong Cung Điện sẽ gây tiếng không tốt đẹp cho nàng. Vì gọi lại một dĩ vãng quá nhớ nhớt, nên nàng đã truyền lệnh cho bọn mật vụ bí mật thủ tiêu cậu con trai ấy.

Nhưng, trái lại, đứa con gái hoang thai trước kia đã có chồng và có một trai. Năm 547, cậu bé này đã 17 tuổi, lại được bà ngoại Théodora săn đón cưng yêu lắm. Nàng muốn gả hẳn cho con gái độc nhất của Đại Tướng Belisaise, tên là Antonina 16 tuổi. Cô thiếu nữ yêu kiều biết rõ dĩ vãng của Théodora và lại lịch không mấy vẻ vang của đứa cháu ngoại của nàng, cứ tìm cách chần chừ, viện lẽ còn nhỏ tuổi. Sự thật, nàng định ý rằng Hoàng hậu đã 50 tuổi lại bị bệnh ung thư ở nơi vú chắc chắn sẽ chết trong một vài tháng nữa. Théodora chết, nàng sẽ khỏi bị ép buộc lấy thằng cháu ngoại của Hoàng hậu, mà nàng không ưa thích.

Dò biết thâm ý của Antonina, Hoàng hậu cho gọi nàng vào cung để cho nàng được gần gũi người cháu ngoại của bà. Bà đã bày mưu trước cho cậu này tìm cách cưỡng dâm Antonina, để buộc nàng phải chấp nhận cuộc hôn nhân. Cô gái ngây thơ kiêu diễm đã vô ý để cho chàng trai phá trinh... Và sau đó nàng đã phải nhận thành hôn với hẳn, đúng như âm mưu của Hoàng hậu đã sắp đặt trước.

Tháng 5 năm 548, Théodora bị bệnh ung thư nơi vú mỗi lúc mỗi trầm trọng, phá hoại hết cơ

thể của nàng. Nàng già sọm, chỉ còn da bọc xương. và chết âm thầm, buồn bã, tại Ravenne, một thành phố nhỏ, heo lánh, nơi nàng đã đến ở dưỡng bệnh từ tháng chín năm trước.

Hoàng đế Justinien 1er còn ở ngai vàng cho đến năm 565 mới băng hà.

Một người cháu đích tôn của ông, là Justin, được Théodora gả cho một đứa cháu gái của bà, lên nối ngôi vua, lấy vương hiệu là Hoàng Đế Justin II.



Δ **TÍNH SAO BÂY GIỜ**

Hai cô bạn tâm sự về người chồng tương lai. Trong đó có Xuân đang thắc mắc một điều, nên hỏi bạn :

— Hồng ạ, tao khó tính quá, chả hiểu pháp luật có cho tao lấy 1 lúc 3 ông chồng không ?

Cô Hồng ngạc nhiên nhìn bạn :

— Tại sao mà hỏi kỳ vậy ?

-- Có gì mà kỳ. Bởi vì tao có 3 người yêu mà người nào cũng muốn cưới tao cả. Và lại, Thành thì đẹp trai nhưng hơi ngốc. Bích thì triệu phú nhưng du côn. Hoàng thì hiền lành, dễ thương nhưng lại nghèo. Nên tao chưa biết tính sao cho ổn bây giờ đây !

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.  
1360 B.X.T / DPDC.

# nỗi nhớ Saigon

\* PHƯƠNG-DUYÊN

Trời ở nơi này bỗng dưng 'sầu thảm,  
Thương nhớ Saigon giá buốt tâm can ;  
Thời giờ nơi này bỗng dưng tù hãm,  
Giảm áo học trò những phút mệnh mang

Sách vở nhà trường trả về dĩ vãng,  
Mười ba giờ ngồi cầm cùi nơi đây,  
Mơ mộng và buồn xếp vào quên lãng,  
Trách nhiệm cuộc đời dầy cả đôi tay.

Trời chớm thu rồi cõi lòng run rẩy,  
Tâm trí bây giờ nhiều những lo âu,  
Đôi mắt rồi hơi số nhiều từng dãy,  
Nghịch dĩ nhận rồi chua xót ai đau ?!

Lệ cứ tràn dâng bỗng dưng bật khóc,  
Hồi tưởng những ngày dẽm bước thư sinh,  
Đường phố kinh thành nắng vàng lên tóc,  
Say đắm học đường hết ý băng-trình.

Thời thế là thời bây giờ tất cả  
Mang chắt vào hồn thêm nỗi bàng khuâng  
Như chuyện ngày xưa đi vào huyện sử  
Đành ở phương này thương nhớ giảng giảng.



## SAIGON . . .

### 1.— Đồi đép cao - su

**T**ÔI ĐÃ DỰ ĐỊNH, sau khi viếng Biên-Giới phía Bắc ở Bến-Hải, tiếp tục đi quan-sát tại chỗ các yếu điểm của Biên-Giới Việt — Miên, phía Tây-Nam. Biên-Giới này chạy dọc theo gần 400 ki-lô-mét ven 10 tỉnh miền Tây Trung-Việt và Nam-Việt, nhưng từ Kontum đến Tây-Ninh, Kiến-Tường, hầu

hết là núi rừng ngăn thành Biên-giới thiên-nhiên. Duy hai tỉnh Kiến-Phong (Hồng - Ngự) và Châu-Đốc (An-Phú, Châu-Phú, Tịnh-Biên...), giáp-giới với đất Miên gần 50 cây-số là đồng-bằng bát-ngá, ruộng đất phì-nhiều hai bên bờ Tiền-Giang và Hậu-Giang, như cái lưng con

\* TÂM-TRÍ N.V.

## . . . CHÂU - ĐỐC

Rồng, đã gây ra một cuộc tranh chấp thù-hằn dai-dẳng mãi giữa Việt-Nam và Cambodge, từ sau khi Độc-Lập đến nay.

Tôi muốn đến xem tận chỗ, và tự mình tìm hiểu rõ các vấn-đề gay gắt về chính-trị và quân-sự giữa người Yoang (tiếng Khmer gọi người Việt) và người Thờ (tiếng Việt gọi người Miên), theo thực-tế địa-dư và lịch-sử, chứ không theo những thông-cáo của SAIGON và PNOM-PENH.

Muốn cuộc hành-trình được hoàn-toàn tự-do theo sở-thích của tôi, đi bất cứ nơi nào, ngày giờ nào, ngừng bất cứ nơi nào, nói chuyện với bất cứ ai, tôi dùng những phương tiện riêng, thuận tiện cho sự tiếp xúc với các giới đồng bào và hòa mình vào đời sống hằng ngày của dân chúng ở nông thôn cũng như thành thị. Nhờ đó, tôi học hỏi được rất nhiều do người Việt cũng như người Miên, và được quan sát rất nhiều, dọc theo các cảnh-địa.

Từ Châu-đốc, tôi đi đò qua ngụy tại một ngôi Chùa cổ ở

Đa-phước, bên kia sông Hậu-giang. Tôi mặc đồ bà ba như một người dân quê, và mang dép cao su, sản-phẩm của người Miên, bán đầy-rẫy ở chợ Châu đốc. Hầu hết đồng bào ở đây đều mang dép Miên thay vì dép Việt và Tàu sản-xuất tại Saigon Cholơn. Tôi hỏi lý do, ai cũng bào rằng dép Miên bền hơn, « mang ba bốn năm rồi mà không đứt quai », — một ông công chức bảo thế. Dép Việt, mang vài tháng đã sút giày, phải vứt đi. Đã thế lại mềm-èo, nó lỏng-chông dưới chân, cứ muốn tụt ra, không chắc-rắn bằng dép Miên. Vì thế, dép Miên bán đắt tiền hơn, giá gần gấp đôi dép Việt, mà vẫn được dân chúng ưa dùng hơn, còn dép Việt chỉ 40đ một đôi nhưng bán không chạy bằng. Tôi thiết nghĩ đó cũng là một bài học cho các nhà công-kỹ-nghệ Việt-nam từ trước đến nay vẫn bị mang tiếng là sản-xuất toàn những món hàng xấu xí tồi tệ nhất thế-giới. Cho đến cả đôi dép mang dưới chân cũng thua của Cao-miên ! Nhục nhà quá. Cảm nghĩ chua chát của

tôi ngay hôm đầu tiên đến Châu đốc, là trên bình-diện thương-mại, kỹ-nghệ, thủ-thống và danh-dự của dân tộc Việt-nam thường bị khinh gièm khá nhiều do những kẻ tư-bổn bất lương chỉ nghĩ đến mỗi lợi bất-chính của mình mà không biết bảo tồn thanh danh của xứ sở và nâng cao công-kỹ-nghệ nước nhà.

Có điều rất lạ, là Biên-giới Việt — Miên bị cấm qua lại rất gắt-gao, bị các trạm kiểm-soát chặn đường ở các nơi hiểm-yếu, thế mà một số lớn hàng hóa Miên, sản-xuất ở Pnom-Penh, như dép cao-su thuốc hút hiệu *Ara*, hiệu *Le Coq*, dầu Cù-là Miên, và bình-thủy Trung Cọng, v.v... vẫn lọt được qua Biên-giới, và tràn-ngập các thị-trường miền Nam. Không những các món hàng ấy được bán công khai ở các chợ Biên-Giới như Tây-Ninh, Trảng-Bàng, Tịnh-Biên, An-Phú, Tân-Châu, Châu-đốc... mà còn ở Long-Xuyên, Sadéc, Vĩnh Long... cho đến cả SAIGON, CHỢ-LỚN, GIA-ĐÌNH, trong các tiệm chạp-phô ở xó kẹt các xóm lao-động ngoại-đ.

Một gói thuốc thơm

*Ara* của Miên, sản-xuất tại Pnom-Penh, bán giá 12đ, (kể cả tiền thuế Cao-Miên) lọt qua Châu-Đốc, được bán với giá 20đ, tại chợ Tây-Ninh cũng bán 20đ, về Saigon cũng bán theo giá ấy. Theo như tôi biết, thì tuy rằng được bán công-khai, các món hàng Miên nhập-cảng lên lút qua Biên-giới vẫn bị coi như là hàng lậu, và trốn thuế của Thương-Chánh Việt-Nam. Có một mâu-thuần phi-lý, không sao hiểu được; là khi một người Việt-Nam đến một chợ gọi là « chợ trời » ở ngay một địa-điểm Biên-giới Việt — Miên, — chợ hợp bất hợp-pháp, — lúc trở về mang theo một bịch thuốc 10 gói *Ara*, gặp lính Cảnh Sát Việt chặn xét, và tịch-thâu 10 gói thuốc « lậu » ấy. Thế mà tại các chợ miền Nam, các thùng bán thuốc hút vẫn bán *Ara* công-khai, không cần giấu-giếm và không bao giờ bị tịch-thâu, hay bị truy tố ra tòa. Một số hàng hóa Việt-nam cũng được lưu hành và thông dụng ở trên lãnh thổ Cambodge, ngoài mọi sự kiểm soát của chính quyền Việt và Miên. Chính tôi hết sức ngạc

nhien khi được biết rằng tạp chí *Phở Thông* và một vài tờ nhật báo Saigon vẫn có bán trên lãnh thổ Cambodge. Đại để như số *Phở-Thông* 177 phát hành tại Saigon ngày 1-9, có bán tại Châu-đốc ngày 3-9 thì ngày 5-9 cũng có bán ở Nam-vang. Tôi tự hỏi tạp chí *Phở-Thông* đi ngả bí mật nào để vượt được qua Biên-giới Cambodge ?

Tôi sẽ trở lại vấn đề này trong một chương sau nói về Biên-giới Việt—Miên.

## 2.—Thánh-địa Hòa-Hảo

Từ tỉnh lỵ Châu-đốc hành khách xuống dò máy qua khúc sông Hậu-giang đến bến Châu-giang. Nơi đây có xe dò đi Tân-châu, một quận lỵ rất phong phú của Châu-đốc, cách bến 17 cây số.

Ngạc nhiên đầu tiên của khách viễn du là hầu hết các nhà sàn dọc theo hai bên lộ đều treo cờ màu nâu của P.G. Hòa Hảo. Cứ cách khoảng chừng 10 thước, lại được dựng lên một khải-hoàn môn với biểu ngữ : « **Kỷ-niệm năm thứ 27**

ngày Đức Huỳnh-Giáo-Chủ sáng-lập Đạo P.G.H.H. ».

Hoặc :

« **18 tháng 5 Kỷ - Mão, 4 Juillet 1939. — 18 tháng 5 Bính-Ngọ, 6 Juillet 1966** ».

Hoặc :

« **Phật-Giáo Hòa-Hảo muôn năm !**  
**Huỳnh - Giáo - Chủ. muôn năm !** » v.v...

Từ Châu-Giang lên Tân-Châu, rồi rẽ trở xuống làng Hòa - Hảo ở trên một nhánh sông Tiền-Giang, suốt hai con đường dài ấy, gặp-ghềnh 57 cây-số, tín-đồ Hòa-Hảo đã dựng lên hàng trăm ngàn khải-hoàn-môn như thế. Tuy là tạm trong thời-kỳ đại-lễ, nhưng tất cả các cổng đều được xây-dựng với rất nhiều công-phu, mỹ-thuật, bằng những vật liệu thiên-nhiên ở địa-phương, như lá dừa, lá thốt-nốt, cỏ u-du, hoặc rất tốn kém như hàng, lụa, đủ các màu sắc, với một lá cờ màu nâu mới tinh phất phới giữa đình khải-hoàn-môn.

Các bạn thử tưởng - tượng hàng ngàn cổng chào huy-hoàng,

oai-nghiêm như thế kế-tiếp nhau trên con đường dài thăm thẳm ở thôn quê, rợp những bóng cây và bóng cờ nâu trước những mái nhà sàn lợp lá san-sát hai bên bờ đường, dọc theo một bờ sông vô tận...

Sư Minh Trí đi với tôi từ Tân-Châu qua Hòa-hảo, và là người quê quán ở Tân-châu, cho tôi biết rằng « Phật-giáo ở đây bị Hòa-hảo nuốt hết ».

Thiên Chúa giáo và Cao đài cũng bị sút kém, không phát triển được. Sư Cụ Hòa thượng chùa An-phước, năm nay 82 tuổi, ngồi uống trà với tôi một buổi sáng sớm, bình tĩnh xác nhận rằng « đa số Phật tử của chùa đều bỏ qua Hòa-hảo hết. Chùa vắng teo, ít người đến lễ bái như trước đây 10 năm... » Suốt hai bên đường tỉnh lộ và hương lộ và cả trong các làng ấp xa xôi thỉnh thoảng tôi mới thấy một vài nhà treo cờ Phật-giáo, hoặc

cờ Cao-đài, để tỏ cảm tình đoàn kết liên tôn. »

Tôi mặc đồ bà ba, mang dép Miên, lẩn lộn trong đám đông dân chúng tín đồ. Từ Tân-châu đến « Thánh địa Hòa hảo », — dani từ chánh thức được thông dụng —, đường rải đá nhưng lâu ngày không sửa chữa, lở-lói gồ-gềnh rất thảm hại, dài 40 cây số, tôi đi « quá giang » một chiếc xe « phở-lít » đã chật ních người, giá xe mỗi người 40 đ.

Công chúng đi hành hương bằng xe « phở-lít », xe lôi, xe « lam » hoặc xe-gắn-máy, xe-hor, loại xe « lô-ca-xông » cũ. Một số đông tín đồ ở các thôn quê, các cô gái từ 12,13 đến 19,20 tuổi, và các trẻ em, bà già, ông lão, nõ nức kéo nhau từng đoàn đi bộ, áo quần bành bao, cũng như ngày Tết vậy. Họ đi bộ hàng mấy chục cây số, vui vẻ, cười đùa, không thấy triêu chứng mệt nhọc. Nhiều lão nói

Thi các chứng đau nhức  
và cảm cúm

**midol**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.

1360/B.XT./DPDC

chuyện với họ, tôi chú ý đến giọng nói cung kính, hồn nhiên và những ý nghĩ chất phác đầy đạo-đức tôn-giáo của những người nông dân nhiệt-liệt sùng-bái vị Giáo-chủ mà họ suy-tôn bằng danh-từ bình-dân hơn, phổ biến hơn, là « Đức Thầy ». Và lại toàn thể tín-đồ Hòa-Hảo, ở Châu-Đốc cũng như ở khắp nơi trong mấy tỉnh miền Hậu-Giang, đều gọi ông Huỳnh-Phú-Sở là « Đức Thầy », cũng như họ gọi Thân mẫu của ông là « Đức Bà » (hiện còn sống), và cố Thân Phụ của ông là « Đức Ông ». Có điều rất quan trọng mà những người bước chân đến đất Hòa-Hảo cần phải biết, là toàn-thể tín-đồ Hòa-Hảo tin-tưởng rằng « Đức Thầy » hiện còn sống, đang ở một nơi bí mật nào đó và sẽ trở về với họ. Đến đời một Giáo-sư Trung-học tín-đồ Hòa-Hảo mà tôi được tiếp-xúc tại Thánh-Địa, cũng xác nhận rằng « Đức-Giáo-Chủ còn sống ». Mặc dầu trong nguyệt

san « Đức Từ Bi », cơ-quan giáo lý của P.G.H.H. chính ông và một vài nhân-chứng đã cùng sống với ông Huỳnh-Phú-Sở trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đã tường thuật khá đầy đủ vụ Việt-Minh âm mưu sát hại ông tại Đốc Vàng Hạ (Long Xuyên) đêm 16-4-1947, (25 tháng 2 âm lịch).

Trong « Đức Từ Bi » số 3 tháng 4-1965, ông Nhứt-Thanh, một tín đồ Hòa-Hảo viết :

« Sau ngày lễ Đức Thầy thọ nạn tại Đốc Vàng, anh em đồng đạo chúng ta đều cùng một nhịp con tim bởi hồi nhớ lại Tôn Sư... «... Ôn lại thời gian từ khi Ngài vắng mặt đến nay, tính đã 18 năm, 18 năm dài đằng đẵng của những con người thương Thầy mến Đạo, lòng vẫn nuôi hy vọng thấy Thầy trở lại..

« Trong khoảng thời gian chờ đợi quá lâu này, trong hàng thiện-tín, người thì bàn : Đức Thầy vẫn còn giữ xác, nhưng

**Dùng Midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
L.S.O./B.Y.T./D.P.D.C.

không biết ở đâu ; kẻ nói : Đức Thầy đã di ngoại quốc, hoặc thay hình đổi dạng để ẩn nấp hoài chờ đợi vận hanh thông. Nhưng cũng có một số ít người bi quan, tuy niệng nói chờ đợi mà lòng còn nghi rằng Ngài đã bỏ xác về cảnh Tiên rồi hoặc thay vào một xác khác,

« Âm thuy trước mắt của một số người niềm tin chưa vững dạ. » . . . . .

Sau cùng, tác giả kết luận :

« ... Một tư tưởng xuyên vào đầu óc tôi, rõ rệt : Đức Thầy vẫn còn giữ xác nguyên vẹn Ngài ngự chốn non cao, ẩn

mình chờ thời vận, đề rồi trở lại diu dắt dân con... »

«... Vậy anh em ta cứ vững đức tin mà chờ Đức Thầy trở về quê nhà... »

Cho nên, khách ở xa đến đất Hòa-Hảo, hoặc ai có dịp nói chuyện với tín-đồ Hòa-Hảo, mà tỏ ý rằng vị Giáo-chủ P. G. H. H. đã từ trần là xúc phạm, trảm trọng đến lòng tín ngưỡng của đồng bào theo đạo Hòa-Hảo và chắc chắn sẽ gặp một phản ứng mãnh liệt không ngờ có thể nguy hiểm.

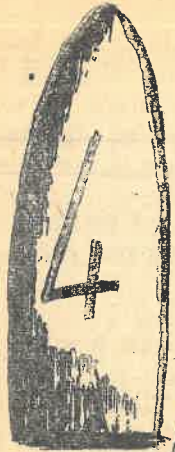
(còn nữa)



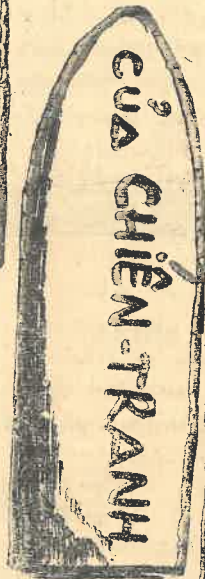
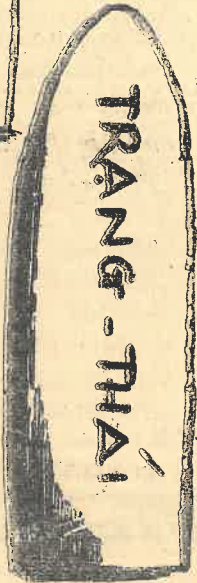
**Δ EM ĐỪNG NGẠI**

Chàng và nàng mới quen, muốn lấy le với nàng, chàng ta đề nghị đưa nàng đi Cáp chơi. Nhưng, nàng có vẻ lo ngại hỏi :

- Anh lái xe có giỏi không ?
- Em khỏi phải lo. Anh đã bị hai lần vì phạm rồi. Bây giờ còn 1 lần nữa nữa sẽ bị rút bằng lái xe vĩnh viễn, nên anh chạy hết sức cẩn thận. Em đừng ngại.



Minh Di!



— **M**INH ƠI,  
tại sao loài  
người cứ gây  
chiến-tranh để chém giết lẫn nhau  
mãi thế nhỉ? Đâu ở yên đấy  
không được sao?

— Loài người còn tham-sân-si  
là còn chiến-tranh, em ơ! Tất  
cả chiến-tranh từ xưa đến nay lớn  
hay nhỏ đều do ba động-cơ tham  
sân-si thúc-đẩy. Không những dân  
tộc này đánh với dân-tộc kia,  
nước này đánh với nước khác,  
hoặc trong một Quốc-Gia phe nọ  
đánh với phe kia, mà một gia-tộc  
nào đó cướp giật được chánh-  
quyền thì rồi anh em trong nhà họ  
cũng quây lại đánh nhau. Chỉ vì  
tham-vọng cá-nhân, vì tranh-dành  
địa-vị, đất-dại, hoặc vì không hòa  
đồng ý-kiến, không thống-nhất  
tư-tưởng, không đoàn-kết tinh-  
thần, không dung-hòa quyền-lợi.

Những nhà đại-chính-phục lừng  
danh trong Lịch-Sử thế-giới như  
Gengis Khan, César, Alexandre,  
Darius, Napoléon, Hitler, Staline,  
gây ra chiến-tranh để xâm-lăng  
bờ-cõi, đô-hộ các giống người  
khác, cướp đoạt tài-nguyên, giết  
hại sinh-mạng, bắt-chấp nhơn-đạo,  
nhơn-quyền, tự-do, công-lý. Ngoài  
ra, chiến-tranh còn vì quyền-lợi  
kinh-tế, thương-mãi. Hai nước

có thể đánh nhau, chết hàng ức  
hàng triệu người chỉ vì mấy thùng  
trà, mấy hộp thuốc phiện, mấy  
cây cà-phê, một mỏ dầu lửa, một  
hòn củ-lao, hoặc vì người đàn bà  
đẹp, một công-chúa diễm-kiều,  
hoặc vì một rẻo Đất-Thánh khò-  
khan, một Đền thờ gần sụp đổ  
trên một ngọn núi, hoặc vì một  
hoang-đảo có nhiều cút chim có  
thể dùng làm phân bón ruộng.

— Nói tóm lại, chiến-tranh vì  
quyền-lợi kinh-tế, chính-trị, hoặc  
vì thù-hiềm tôn-giáo, triều-đại, cá  
nhận, chứ không vì một lý-tưởng  
cao-cả hơn sao?

— Lý-tưởng, chính-nghĩa, giải  
phóng v.v... chỉ là những danh-từ  
giả-dối che-đậy các mục-phiêu  
tham-lam, ích-kỷ, vì quyền-lợi  
quốc-gia, đảng phái tranh-giành  
ngôi bá-chủ.

— Như chiến-tranh ở Việt-Nam  
ta thì sao? Vì nguyên-do gì  
mà nhân-dân miền Bắc và miền  
Nam đều là đồng bào cùng  
chung một Lịch-sử dân tộc cùng là  
con một nước Việt-Nam, lại đánh  
nhau từ mấy năm nay? Nguyên-  
nhân chính của cuộc nội-chiến đó  
là thế nào? Tại sao ở miền Nam  
có người Mỹ, người Úc, người  
Đại-Hàn, và các nước khác tham  
gia? Tại sao ở miền Bắc cũng có  
Trung-Cộng, Nga-Xô, Đông-  
Đức, Tiệp-Khắc, hăng-hái giúp  
đỡ?



— Chiến-tranh ở Việt-Nam hiện nay không phải hoàn-toàn là một cuộc nội-chiến giữa nhân-dân hai miền NAM — BẮC, mà là một cuộc chiến-tranh về ba phương diện quân-sự, kinh-tế, chính-trị giữa phe Cộng-Sản quốc-tế muốn thôn-tính miền Đông-Nam-Á, làm bá-chủ A-Châu, và phe thế-giới tự-do quyết bảo-vệ độc-lập của các quốc-gia và quyền tự-do sinh-tồn của các Dân-tộc.

Xét trong Lịch-Sử nước ta, đã có những lần nội-chiến lớn. Thế kỷ XVII, chiến-tranh giữa Chúa Trịnh ở miền Bắc và Chúa Nguyễn ở miền Nam. Ranh-giới phân chia BẮC — NAM lúc bấy giờ là Sông Gianh, ở phía Bắc vĩ-tuyến 17, gần vĩ-tuyến 20.

— Chiến-tranh Trịnh — Nguyễn có kéo dài quá lâu như chiến-tranh hiện nay không ?

— Chiến-cuộc BẮC — NAM giữa hai nhà Chúa dai-dẳng đến 147 năm, từ 1627 đến 1774, chia làm hai thời-kỳ.

Lần thứ nhất, bị quân nhà Nguyễn chặn đứng ở lũy Trấn-Ninh, phía Bắc Đồng-Hới, quân Trịnh không thể nào xâm-nhập được lãnh thổ

nhà Nguyễn, nên đành phải rút về Bắc. Nội-chiến chấm dứt năm 1672. Thời-kỳ thứ nhì, 102 năm sau, thừa-lúc nhà Nguyễn suy yếu, nhà Trịnh lại kéo quân vào chiếm được kinh-dô Phú-Xuân (Huế). Chúa Nguyễn phải chạy vào Hội-An, rồi theo đường biển trốn vào Gia-Định.

Nhưng Chúa Trịnh ở Huế chỉ được 12 năm, đến 1786 thì bị quân Tây-Son của Nguyễn-Huệ đánh đuổi về Thăng-Long (Hà-Nội). Từ đây, Trịnh-Khai, Chúa cuối cùng của nhà Trịnh, lại bị Nguyễn-Huệ đánh lên Sơn-Tây và bị bắt. Trịnh-Khai lấy gương cắt cổ tự-tử.

— Mình à, thế là nội-chiến giữa miền BẮC và miền NAM kéo dài đến gần 150 năm lận à ? Nếu không có Quang-Trung Nguyễn-Huệ thì có lẽ còn kéo dài 2 thế-kỷ ?

— Đúng thế. Sở dĩ Nguyễn-Huệ thắng trận dễ-dàng như vậy là nhờ sự khôn-khéo của nhà lãnh tụ mới nổi dậy ở miền Trung, kéo quân ra đánh miền Bắc với chiêu bài rất hợp thời, đáp đúng nguyện-vọng của dân chúng miền Bắc lúc bấy giờ, là « Phò Lê

diệt Trịnh ». Đành rằng ngày nay chúng ta biết đó là một thủ đoạn « tâm-lý-chiến » của Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ, nhưng ta phải công-nhận rằng chiến-công của Nguyễn-Huệ đáp đúng một nhu-cầu lịch-sử, là chấm-dứt tình trạng chính-trị quá bê-bối của miền Bắc lúc bấy giờ. Sự hèn-yếu của các vị vua cuối cùng của nhà Lê và sự lộng-quyền của các Chúa Trịnh đã khiến cho nhân-dân miền Bắc chịu cảnh điêu-linh khốn-khở gần 200 năm.

Tiếp đến Thế-kỷ XVIII chiến-tranh giữa hai họ, Chúa Nguyễn và Tây-Son, lại càng quyết-liệt hơn và kéo dài 30 năm, từ 1771 đến 1802 với sự chiến bại của những người kế-nghiệp Quang-Trung. Nguyễn-Ánh thống-nhất lãnh-thổ và mở ra triều-dại mới, đặt uy-quyền nhà Nguyễn trên toàn cõi Việt-Nam, từ Cao-bằng đến Hà-Tiên, cũng chỉ được 80 năm thôi... Rồi bị Tây đô-hộ.

— Mình à, xét kỹ lại thì hai cuộc nội-chiến Trịnh—Nguyễn và Nguyễn-Ánh — Tây-Son chỉ tái-diễn lại sự tranh-dành đất-đai và quyền-thế của các nhà lãnh-tụ phong-kiến như đã thường xảy

ra trong Lịch-Sử các Triều-dại trước, chứ có quan-hệ gì đến nền Độc-Lập Quốc-Gia và vận-mệnh Dân-tộc đâu ?

— Ừ. Đấy chỉ là những cuộc tranh-giành ngôi Đế-Vương, gây ra chiến-tranh nội-bộ. Nhân-dân nói chung không bị ảnh-hưởng lớn lao một khi Độc-Lập của Tô-Quốc và nếp sống gia-đình và cá-nhân của dân chúng không bị trực-tiếp đe-dọa như những cuộc chiến-tranh chống ngoại xâm.

— Còn chiến-tranh hiện tại ở Việt-Nam thì sao, hả Mình ? Miền BẮC và miền NAM đánh nhau như thế, ảnh-hưởng đối với Quốc-Gia Dân-Tộc sẽ như thế nào ?

— Khác hẳn cuộc « NAM BẮC phân-tranh » thời Trịnh — Nguyễn mà phạm-vi không vượt ra ngoài khung cảnh truyền-thống của Quốc-Gia, chiến-tranh NAM BẮC ngày nay có tính-chất rất phức-tạp của một cuộc tranh-chấp quốc-tế vô-cùng gât-gao.

Giá sử chỉ có cuộc phân-tranh nội bộ giữa miền Bắc và miền Nam, trong phạm vi riêng biệt của quốc gia và dân tộc Việt-Nam, thì vấn đề quá giản dị. Cuộc

huyh đệ tương tàn vì quyền lợi hay vì lý tưởng cũng có thể giải quyết ôn hòa bằng giải pháp chính trị dung hòa, hoặc thanh toán dứt khoát bằng một cuộc đại thắng quân sự của một bên nào như cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn. Nhưng trong chiến tranh hiện tại, cuộc khủng hoảng nội-bộ Việt-Nam bị lệ thuộc vào bốn sự kiện ngoại lai, đặt vấn đề Việt Nam dưới bốn trạng thái chính trị mà chiến tranh chỉ là một phương tiện giải quyết bất đắc dĩ mà thôi.

— Minh nói chiến tranh Nam-Bắc hiện nay lệ thuộc vào bốn sự kiện ngoại lai, là sao ?

— Là bốn sự kiện ở ngoài lề chiến cuộc, bốn sự kiện quốc - tế của vấn đề, — quatre données internationales du problème — nhưng chúng nó bao quát cả vấn đề, làm động-cơ chính của vấn đề trực-tiếp quyết-định số-phận của chiến tranh.

**\* Sự kiện thứ nhất: chủ trương gây hấn của Trung**

**Cộng.** Nếu Trung Cộng không có tham vọng thôn tính cả vùng Đông-Nam-Á, thì họ đã không

thúc đẩy Hà nội tấn công miền Nam. Khởi xướng ra chiến tranh đầu phải là miền Nam ? Thực-thể lịch sử chứng minh rằng sau Hiệp định Genève 1954, miền Nam chỉ an phận sống trong hòa bình xây dựng. Nếu Ngô-dình Diệm lợi dụng tình trạng ổn định ấy để thiết lập chế-độ độc tài phong kiến, thì đã có quân đội miền Nam đứng lên đập đổ nhà Ngô ngày 1-11-63 rồi. Quân đội và nhân dân miền Nam không hề có âm-mưu xâm lăng miền Bắc, hoặc « giải phóng » đồng bào miền Bắc khỏi ách độc tài Cộng sản. Nhưng trái lại, do áp lực của Trung cộng, Việt-cộng đã lên lút xâm nhập vào các núi rừng miền Nam, và bắt đầu từ 1958-59 khởi phát những trận du-kích vào các tiền đồn miền Nam, mở màn một cuộc chiến tranh thật sự. Quân đội và nhân dân miền Nam đã phải đứng lên cầm súng để bảo-vệ độc-lập và tự do của mình, vừa phải chịu đựng những điều tàn tang tóc của chiến tranh.

Trung Cộng đã giúp khí giới và cổ vũ cho Việt cộng đánh bại được quân viễn chinh Pháp ở Điện-biên-phủ. Nay Trung Cộng,

và các nước Cộng sản Nga xô, Tiệp khắc, Đông Đức, Bắc Hàn v.v... tiếp tục giúp cho Hà nội xâm lăng miền Nam. Mục phiêu viện trợ nhân sự và quân sự vĩ đại ấy không phải chỉ để chiếm trọn miền Nam mà thôi, mà theo kế hoạch của Mao-trạch, Đông đã từng tuyên bố, chính là để thôn tính cả các dân tộc nhược tiểu ở vùng Đông-Nam-Á: Cambodge, Phi-luật-tân, Lào, Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Indonesia, không chừa Úc, Ấn Độ và Nhật bản. Chiến tranh hiện nay giữa Bắc-Việt và Nam Việt thật ra không phải chỉ là một cuộc thanh toán bằng máu lửa riêng giữa hai khối đồng bào của Dân tộc Việt-Nam, mà là giai đoạn đầu của một kế hoạch chiến tranh toàn diện Đông Nam-Á, theo chủ trương đế quốc Cộng sản của Mao -trạch - Đông

Vì thế mà Hà nội bị kẹt trong guồng máy chính - trị xâm lăng của Đế-quốc Trung-cộng, dù có muốn thương thuyết đình chiến theo chủ trương của Nga Xô cũng không được nữa. Chiến tranh sẽ tiếp tục cho đến khi nào Việt Cộng bị quệ kiệt, cơ - cấu

quân sự và kinh tế bị đồ gậy, và khi nào Trung Cộng tự nhận thấy chưa có đủ năng lực đương đầu với khối Thế giới Tự-do.

**● Sự kiện thứ hai: Hiện diện của Mỹ và các đồng minh.**

Trước sức tấn công ào-ạt khắp nơi của Việt Cộng trang bị đầy đủ toàn vũ khí tối tân của các nước Cộng sản, Quân đội và nhân dân miền Nam không thể nào đơn độc cầm-cự lâu dài. Vì vậy mà miền Nam phải cần đến sự giúp sức của Mỹ và các nước bạn. Mỹ và các đồng minh giúp miền Nam bảo vệ lãnh thổ và tự do, chống lại Cộng sản, cũng như Mỹ và các đồng minh đã giúp quân đội và vũ khí cho nhân dân Pháp để chống lại cuộc xâm lăng của Đức trong hai trận Thế chiến 1914 - 1918 và 1939 45. Nếu không có Mỹ và Đồng Minh giúp sức, thì Pháp đã mất hẳn về tay Đức-quốc-xã rồi, và chiến tranh đã kết liễu với cuộc đại thắng của tên độc tài khát máu Adolf Hitler.

Nhưng mở xẻ vấn - đề, chúng ta phải thấy rằng Mỹ giúp miền Nam về quân - sự, vũ - khí,

tài chánh, không phải vì một mục đích duy nhất mà thôi, là cứu vãn miền Nam bị Việt Cộng làm le xâm chiếm. Cũng như Trung cộng giúp miền Bắc không phải để cho Việt Cộng nuốt hết miền Nam, và một mình làm chủ bán đảo Đông-dương. Như đã nói rõ ở trên, mục phiêu chính của áp lực Trung Cộng là dùng bán-đảo Đông-dương làm bàn đạp để lần lượt đặt chân lên vùng Đông Nam Á, thôn tính các dân tộc Á châu, biến châu Á thành đế quốc Cộng sản của Trung-cộng. Thì ở miền Nam, mục phiêu trọng đại của cuộc viện trợ quân-sự Mỹ chính là bảo vệ toàn thể Đông Nam Á khỏi sự xâm nhập của Trung Cộng, tức là bảo vệ cả cho Thái-bình-dương và Mỹ châu.

— Hèn chi nhiều khi em nghĩ mãi mà không hiểu tại sao quân đội Đại-Hàn, Úc, Tân-tây-Lan, có bị Việt cộng đánh đầu mà họ cũng qua giúp sức với quân đội ta đánh Việt Cộng? Và tại sao Nhật, Phi Luật Tân, Thái Lan, Tây Đức v.v... và nhiều nước khác lại sốt sắng viện trợ về mọi phương diện cho Việt-nam Cộng hòa?

— Giúp cho ta vì tình đoàn kết của Thế-giới Tự-do, nhưng cũng chính là tự giúp cho họ. Bảo vệ lãnh thổ, và tự do của ta chính cũng là tự bảo vệ cho lãnh thổ và Tự-do của riêng họ. Điều đó rất dễ hiểu, vì họ nhận thức rằng nếu miền Nam này bị lọt vào gọng kềm của Cộng Sản, thì sớm hay muộn chính các xứ sở của họ, các dân tộc của họ cũng sẽ lần lượt bị ách Cộng Sản của Trung-Cộng đè lên, mãi đời mãi kiếp họ sẽ không làm sao ngóc đầu dậy thở không khí độc lập, tự do, được nữa. Cho nên, cứ đứng trên thực tế lịch sử mà nhìn, toàn thể thế giới tự do, đều khách quan nhận thấy rằng, quân đội Mỹ, Đại Hàn, Úc, Tân Tây Lan v.v... qua đánh Việt Cộng ở miền Nam đâu phải là xâm lăng như Cộng Sản xuyên tạc hay đi đánh giặc mướn, mà chính là để bảo vệ biên giới và tự do của họ trong lúc họ bảo vệ biên giới và tự do của chúng ta. Sự hy sinh của họ, — hy sinh cả tính mạng, — trên chiến địa miền Nam, là một hy sinh cao cả cho nhân dân miền Nam, đồng thời cũng là hy sinh cho sự an ninh của Tổ-Quốc và Dân-Tộc của họ nữa.

— Chứng nào hết chiến tranh họ còn ở lại chiếm đóng nước ta không, hả Minh?

— Dĩ nhiên, quân đội Đồng-Minh đến giúp ta để đánh Cộng Sản, cho đến khi nào Cộng Sản bại trận, hòa bình phục hồi thì họ sẽ trở về xứ sở của họ. Nhưng ngày nào còn Cộng Sản xâm chiếm một tấc đất của miền Nam Tự-do, là ngày ấy Quân đội đồng minh Mỹ, Úc, Đại hàn v.v... sẽ còn ở đây để chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn. Chỉ có Cộng sản và bọn tay sai thân Cộng, hoặc những kẻ mù-quáng, thù địch của nhân dân ta, mới đòi Quân đội Đồng Minh rút ra khỏi miền Nam trong lúc Việt-cộng còn lực lượng quân sự ở đây. Bởi lẽ rất rõ-ràng mà một đứa con nít cũng hiểu được, là quân đội đồng minh rút ra khỏi miền Nam giữa lúc chiến-tranh, thì không bao lâu 12 triệu nhân dân miền Nam này sẽ nằm sấp dưới gót giày của Cộng-sản.

— Minh ơi, còn De Gaulle, Tổng Thống Pháp, cũng xen vào nội-bộ của ta và đòi trung-lập-hóa miền Nam, là nghĩa làm sao? Tại sao De Gaulle chủ trương như thế?

— Đó là sự kiện thứ ba, của cuộc chiến tranh này, rất quan trọng, nhân dân ta không nên coi thường. Phải hiểu nguyên nhân của nó.

● Sự kiện thứ ba : De Gaulle và « Mặt trận giải phóng miền Nam »

Ai cũng biết rằng năm 1950, Cộng sản Bắc Hàn xâm lăng Nam Hàn (cộng hòa Đại hàn) cũng giống hệt như Cộng Sản Bắc Việt xâm lăng Nam Việt bây giờ vậy. Cuộc chiến tranh Nam-Bắc Hàn kéo dài đến 1953 thì Bắc Hàn xin đình chiến. Suốt thời kỳ 3 năm chiến tranh, quân đội Mỹ và Đồng Minh đã tận lực giúp Nam Hàn bảo vệ lãnh thổ, và đã đánh đuổi quân Bắc Hàn ra khỏi vĩ tuyến 38, là ranh giới cắt đôi Cao Ly. Trong số Đồng Minh, chính nước Pháp cũng có một sư đoàn thiện chiến sang giúp Nam Hàn chiến đấu chống Cộng sản khắp các mặt trận. Thế mà ngày nay, Pháp đã không giúp miền Nam chống Cộng, lại còn hòa theo phe Cộng để kích miền Nam, đòi quân đội Mỹ rút đi, và trung lập hóa miền Nam. Tại sao De Gaulle

có chủ trương trái ngược lại chính sách Pháp trong chiến tranh Triều Tiên như thế ?

— Chắc tại De Gaulle thân Cộng chứ gì !

— Không, De Gaulle là một tay thực dân, phát xít, độc tài phong kiến tư sản hạng nặng, làm sao thân Cộng được.

— Hay tại De Gaulle chống Mỹ ?

— Nước Pháp bị Đức đánh thua tới bởi không còn một manh giáp trong hai trận Thế chiến I và II, nhờ Mỹ giải phóng cho. Toàn thể nhân dân Pháp còn ghi ơn đó, lẽ nào chính De Gaulle lại trở mặt thù ghét Mỹ ? Trong lúc 1943-44 Quân đội và thiết giáp Mỹ đang tràn ngập đất Pháp, phi cơ Mỹ đang bay rợp trời Pháp để tiêu diệt quân đội Hitler, sao De Gaulle không đòi Mỹ và Đồng minh rút ra khỏi đất Pháp, mà lại chạy theo sau vết chân Mỹ để hoan hô chiến thắng ? Ngày nay cũng Quân đội đồng minh đó giúp miền Nam bảo vệ lãnh thổ chống Cộng sản xâm lăng, sao De Gaulle lại đòi đuổi Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam ?

— Tại sao De Gaulle lại chủ

trương mâu thuẫn như thế, há Minh ?

— Có hai nguyên nhân bộc-lộ rõ rệt trong thái độ của De Gaulle

1. — Pháp đã bị Việt Cộng đánh bại trận năm 1954, một cách nhục nhã. Điện Biên Phủ còn ê-chề xấu-hỗ hơn trận Sedan thua Đức năm 1870, hơn trận Trafalgar thua Anh năm 1805, nhục hơn cả trận Ô-cầu-giấy năm 1874 thua giặc Cờ Đen ! Để chia-xẻ bớt cái nhục Điện-Biên-Phủ, De Gaulle muốn đòi Mỹ rút lui, chứ không muốn cho Mỹ thắng Việt Cộng ở miền Nam. Đó là nguyên nhân tự ái nhỏ mọn của một De Gaulle tiểu nhân, một De Gaulle đã thù vật với Đại tướng Weygand, với Thống chế Pétain, với cả Roosevelt, Tổng thống Mỹ đã từ trần.

2. — Lý do thứ hai, là De Gaulle đã bí mật điều đình với « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam » để cho phe Tư bản miền Nam của Trần-văn-Hữu, và phe Bảo Hoàng miền Trung của Bảo-Đại tham gia vào « Mặt Trận » ấy. De Gaulle đòi trung lập hóa miền Nam, với thâm ý để « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam », lên nắm chánh quyền,

trong đó có bọn tay sai của De Gaulle, Trần-văn-Hữu và Bảo Đại, bảo vệ quyền lợi của thực dân Pháp ở miền Nam. Tất cả bí ẩn của âm mưu thực dân De Gaulle muốn trung lập hóa miền Nam, là gạt người Mỹ và các đồng minh ra ngoài, để Pháp rảnh tay thực hiện kế hoạch gây lại ảnh hưởng và quyền lợi kinh tế (cao su, điện lực, rượu bia, ruộng đất, tài sản, xuất nhập cảng v.v...) ở miền Nam V.N. cũng như ở Cambodge và Ai Lao.

— Nhưng chắc gì Việt Cộng chấp nhận cuộc « điều đình hợp tác » đó ?

— Dĩ nhiên là Việt Cộng tán thành kế hoạch ấy trong lúc đầu, để họ thành công cuộc xâm chiếm miền Nam trước đã. Xong rồi, họ sẽ đá dít De Gaulle cũng như họ sẽ chà đạp bọn tay sai thực dân xuống bùn lầy, chứ đời nào Việt Cộng bắt tay với thực dân Pháp mà họ đã đuổi ra khỏi « Bắc kỳ » ! Để đề phòng Việt Cộng cho thực dân Pháp leo cây, De Gaulle chủ trương Trung-lập-hóa miền Nam dưới sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc, nghĩa là, theo chính trị lối Machiavel của De Gaulle, nhờ Liên hiệp quốc che chở, bảo

dảm cho sự hiện diện thường xuyên của bọn tay sai thực dân Pháp trong chính phủ « M.T.G. P.M.N ». Nhưng tên cáo già thực dân De Gaulle khôn mà không ngoan, muốn chơi xỏ Huế-Kỳ, lại muốn chơi xỏ cả Hồ-chí-Minh và Mao-trạch-Đông nữa. Cho nên Bắc Việt và Trung cộng không háng hái chấp nhận cuộc âm-mưu chia sớt ảnh hưởng của De Gaulle. Hơn nữa, sau khi De Gaulle tuyên bố ở Nam Vang, Bắc Kinh vẫn gọi De Gaulle là « thực dân đáng khinh bỉ ». Sự De Gaulle đến thăm Shianouk, cuộc đón rước tưng bừng của Shianouk dành riêng cho De Gaulle cuộc âm-mưu của lão già và chú bé đã để lộ ra ý định của De Gaulle muốn hất cẳng cả Trung Cộng và Việt Cộng để tranh giành trở lại ảnh hưởng của Pháp trên đất Khmer.

— Chắc chắn âm-mưu của De Gaulle không thành công đâu Minh nhỉ ?

— Không những không thành công, mà De Gaulle và thực dân Pháp sẽ hứng lấy một Điện Biên Phủ thứ hai trên chiến trường chánh trị ở miền Nam.

Anh nói quả-quyết như thế, rồi em xem. Vì không dễ gì Mỹ, Việt Cộng và Trung Cộng đều mắc lừa một De Gaulle !

— Minh à, thế ra chiến tranh ở nước ta hiện nay có nhiều bí ẩn quá nhỉ.

● Sự kiện thứ tư : xung đột Nga-Xô Trung-Cộng.

— Có thể kể thêm một sự kiện thứ tư này nữa, không kém phần quan trọng, là cuộc xung đột mỗi ngày mỗi căng giữa Nga Xô và Trung Cộng trong chiến tranh Việt Nam. Đây là một trạng thái mới lạ nhất của vấn đề tranh giành quyền lợi, như chúng ta đã thấy. Vì quyền lợi kinh tế và nông nghiệp mà lãnh tụ Tito của xứ Cộng Sản Nam Tư đã tuyệt giao với Nga-Xô dưới thời Staline còn sống, và hôm nay vẫn còn tuyệt giao với Trung Cộng, đến nỗi hai bên coi nhau là kẻ thù. Vì quyền lợi kinh tế và thương mại mà mới đây Cộng Sản Cuba của Fidel Castro chửi bới và tẩy chay Trung Cộng bằng những lời lẽ rất nặng nề. Cũng vì quyền lợi đảng phái và chủ trương kinh tế, mà đảng Cộng Sản Nga Xô từ Khroustchev đến nay vẫn tiếp tục đả kích Đảng Cộng Sản Tàu, mặt sát chính

sánh của Trung Cộng còn cay hơn là với Mỹ. Trung Cộng đối lại Nga Xô càng hằn học hơn nữa. Hai lãnh tụ mà Cộng Sản Bắc Việt thường ca tụng là « Nga Xô vĩ đại », « Trung Quốc vĩ đại », hiện đang phá hoại lẫn nhau về chính sách viện trợ cho Hà Nội. Trung Cộng tố cáo Nga là bề ngoài vô vĩnh viện trợ chút ít khí giới cũ mà bề trong âm thầm bắt tay Mỹ, đồng lõa với Mỹ chống lại Trung Cộng. Đồng thời, Nga Xô tố cáo Trung Cộng là xúi dẩy Việt Cộng vào con đường tự diệt bằng cách ngăn cản Việt Cộng thương thuyết hòa bình, trong lúc chính Trung Cộng không dám đem quân sang cứu Việt Cộng, v.v...

Những lời tố cáo lẫn nhau đó không những phổ biến trên các đài phát thanh Bắc - Kinh, và Moscou, mà lại còn trên báo chí ở hai thủ đô. Thành thử, sự viện trợ của Trung Cộng, hay là của Nga Xô, cho chính phủ Hồ-Chí-Minh để đánh miền Nam, đều vì mục đích quyền lợi đảng phái của mỗi « dân tộc huynh đệ » chứ đâu phải vì quyền lợi riêng của Cộng Sản Bắc Việt !

Cả hai nước Cộng Sản Nga Tàu trong lúc đả kích và hiềm khích nhau, vẫn viện trợ vũ khí cho Hà Nội. (Vũ khí của Nga phần nhiều là đồ thừa thải của Đệ Nhị Thế Chiến), để tranh giành ảnh hưởng và uy tín đối với các đảng Cộng Sản khác trên thế giới mà thôi. Riêng Trung - Cộng còn mưu toan thực hiện chính sách bành trướng ở Đông-Nam-Á. Nga-xô ngấm ngấm chống lại chủ trương này của Trung Cộng, và âm thầm liên kết với Mỹ để cản trở chính sách của Mao-Trạch-Đông.

— Tại sao vậy, Minh ?

— Tại vì Nga-Xô sợ rằng một khi Trung Cộng làm bá chủ ở Đông Nam Á, Trung Cộng sẽ có đủ sức đương đầu với Nga Xô, buộc Nga Xô phải phục tùng đường lối của Trung Cộng, theo mệnh lệnh của Trung Cộng. Tức là Trung Cộng sẽ làm bá chủ cả Nga xô. Biết trước như thế, nên bề ngoài Nga Xô vẫn giữ lớp vỏ Cộng sản Đệ tam quốc tế, nhưng bề trong vẫn phải ngấm ngấm hợp tác với Mỹ để chặn con đường Đông-nam-Á, không cho Trung Cộng bén mảng đến. Do kế hoạch trường kỳ ấy, Nga

Xô vẫn phải viện trợ vũ khí sơ sài cho Việt Cộng, và luôn luôn miệng đả kích « đế-Quốc-Mỹ », cũng đòi Mỹ phải rút quân ra khỏi miền Nam, nhưng đồng thời vẫn bí mật đồng lõa với Mỹ để Mỹ tự do ném bom Hà Nội, Hải Phòng, đường xe lửa Hà Nội—Vân Nam, và các kho nhiên liệu mà những phi cơ Mig kiểu cũ và Hỏa tiễn yếu ớt do Nga viện trợ cho Hà Nội không đủ năng lực chặn đường tiến của Không-lực Huê Kỳ, hay là ứng chiến với phi cơ Huê Kỳ. Sự viện trợ của Nga xô cho Hà Nội có hai mục đích rõ rệt, một là che đậy sự hợp tác với Mỹ về phương diện chính trị, hai là duy trì ảnh hưởng của Nga Xô đối với một nước « huynh đệ » trong khối Cộng sản, để ngăn ngừa Việt Cộng khỏi theo hẳn đường lối Bắc Kinh, khỏi tăng cường thế-lực và uy tín của Bắc Kinh.

Trong lúc đó, Trung Cộng tìm các cách lôi kéo Bắc Việt vào hẳn quỹ đạo của mình, và làm khó khăn cản trở cuộc viện trợ của Nga-xô cho Hà Nội, cốt để tách Việt-Cộng ra khỏi vòng ảnh hưởng của Nga Xô.

— Minh à, thế thì hiện nay miền

Bắc chỉ làm con bưng xung cho Cộng sản Nga-xô và Trung Cộng, cả hai đều tranh giành ảnh hưởng thế lực ở Đông Nam Á ? Việt Cộng bị kẹt giữa hai khối Cộng Sản « vĩ đại » trong lúc họ đeo đuổi chiến tranh xâm lược miền Nam đã 10 năm, kể từ 1956 đến nay, mà chưa có kết quả như họ mong muốn. Còn miền Nam thì sao ?

— Bị miền Bắc vượt vĩ-tuyến 17 và theo « đường mòn Hồ chí Minh » để vào tấn công miền Nam thì miền Nam đang phải đánh lại để bảo vệ độc lập và an ninh. Việt Cộng đã thấy rõ về giải pháp quân sự họ không đủ năng lực để chiến thắng dễ dàng, cho nên bắt đầu từ mùa hè năm nay, họ tìm thắng lợi bằng giải pháp chính trị. Họ len-lỏi vào các phong trào tranh đấu để xáo động quần chúng xuống đường, đòi quân đội Mỹ và Đồng minh rút đi, đòi tất cả các tự do dân chủ (trong khi chính đồng bào ngoài Bắc không được hưởng một chút xíu tự-do dân-chủ nào), và phá tổng tuyển cử, v.v... Họ đòi hỏi miền Nam nhìn nhận « Mặt Trận Giải Phóng », thành lập chính phủ Liên Hiệp trong đó

có Việt Cộng tham gia, v.v... (chính thực dân De Gaulle lợi dụng và khai thác điểm này). Thí dụ họ thành công với kế hoạch đó, tức là họ thắng lợi, tức là họ đạt được mục đích chiến tranh của họ, mặc dầu họ bị chiến bại về mặt quân sự.

— Như vậy thì theo Minh, trong cuộc chiến tranh hiện giờ mà người Việt giết người Việt, Minh thấy sao ?

— Nhân dân ta không bao giờ chấp nhận một cuộc chiến tranh mà đồng bào giết hại đồng bào, như dưới thời Trịnh — Nguyễn. Rất tiếc bây giờ miền Bắc đã lệ thuộc khối Cộng Sản, bất cứ Tàu cộng hay Nga Cộng, thì danh từ « đồng bào », « quốc gia », « dân tộc », « tổ quốc » đối với Cộng Sản không còn ý nghĩa thiêng liêng theo quan niệm cổ truyền nữa. Không chịu làm nô lệ cho Cộng sản, thì Dân miền Nam phải tự vệ. Còn một rẻo đất và còn một chút tự do quý báu là nhân dân miền Nam còn phải hy sinh xương máu để bảo tồn hai vật sở hữu thiêng liêng ấy.

— Vậy thì muốn chấm dứt

chiến tranh, phải làm thế nào hả, Minh ?

— Vài năm sau Hiệp định Genève 1954, 55-56, Việt Cộng rút về miền Bắc, thì đâu có chiến tranh ở miền Nam ? Còn nhân dân miền Nam có bao giờ tính chuyện ra đánh đồng bào miền Bắc đâu ? Sống hòa bình, tự do, dân chủ, đừng có chuyên chế, đừng thù hằn ai, đừng đàn áp ai, đừng phản Quốc, phản Dân, đừng bỏ luân lý, đừng chà đạp con người, là được rồi. Theo anh thì mở rộng lòng ái quốc và lòng nhân đạo ra đón hết thầy mọi lớp người, ai theo Đạo Phật, Đạo Chúa, Đạo Trời, ai theo Cộng Sản, Quốc Gia, Đệ Tam, Đệ Tứ, được tự do hoàn toàn. Chỉ lo xây dựng chung cho hạnh phúc của toàn dân, của mỗi

công dân, đừng có độc tài, phe đảng, đừng có gây hận, gây thù, từ bị, hỷ xả, thì đẹp biết bao ! Nếu toàn thể xã hội đều sống hiền lành, yên tĩnh, như hai đứa Minh trong tình yêu, tình thương vô bờ bến, thì làm sao có chiến tranh ?

— Em đồng ý hoàn toàn.

Bà Tú đặt hai chiếc hôn âu-yếm, mê ly trên môi ông Tú, rồi kể luận :

— Nếu mọi người đều áp dụng chánh sách hôn nhau, thì không bao giờ có chánh sách giết nhau, há Minh ?

*Đình Huỳnh*

**Cần Đến kinh kỳ,** Bản hân đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Lời Công Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-hành-Tôn. Nhà thuốc « **Ông Tiên** » | Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

**Phong Ngựa,** Ghé chốt, lở loét, gãi tới đau lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



**Tuấn**  
 DÂN CHUNG  
 LỊCH LỬ  
 XÃ HỘI HIỆN ĐẠI  
 CHANG TRAI 1910  
 NƯỚC VIỆT 1960

\* NGUYỄN - VỸ

(tiếp theo P.T. 179)

**T**UẤN có quen với ông Abadie, làm lục sự (greffier) tại tòa án Hà-Nội, một người Pháp theo đạo Cao - đài. Sự quen biết này có một nguyên do không ngờ. Năm 1930 Tuấn có làm chủ nhiệm kiêm chủ bút một tờ tuần báo Pháp ngữ chuyên về chính trị, xã hội và văn hóa. Trong hai số liên tiếp, Tuấn có viết một bài xã - thuyết

dài tám cột trang nhất, công kích chế độ thuộc địa của Pháp ở Đông - Dương, và kêu gọi dẹp bỏ Triều đình Huế. Theo thể lệ báo - chí Pháp hồi đó được « tự do ngôn luận », tờ báo không bị kiểm duyệt, không bị đóng cửa, ký giả được quyền tự-do phát biểu ý kiến của mình, nhưng Tuấn bị Triều đình Huế và Phủ Thống sứ Bắc kỳ truy tố ra tòa án

Pháp tại Hà-Nội về tội « xúc phạm đến an ninh quốc gia, và chủ quyền người Pháp ở Đông Dương » (atteinte à la sécurité nationale, et à la souveraineté française en Indochine), chiếu theo đạo luật Bảo chí Pháp tháng Juillet 1889.

Tuấn không có tiền thuê Luật sư. Ông Abadie phụ trách về hồ sơ của Tuấn, và có cảm tình riêng với Tuấn, một chàng trai « hăng-hai vì tuổi trẻ nhưng không có hành động nguy hiểm », nên có giới thiệu Tuấn đến Luật sư Lambert, một người bạn của ông, ở trước cổng Hội Chợ, đường Gambetta. Nhưng xem qua bài báo bị truy tố, Luật sư bảo Tuấn :

— Tôi rất tiếc không thể bênh vực cho anh trước Tòa án được, mặc dầu có sự gởi gắm tử tế của ông Abadie, bởi vì tốt hơn là tôi sửa soạn va li để lên đường đi Marse-

ille ! (Je regrette de ne pouvoir vous défendre devant le Tribunal, car j'aurais mieux fait de faire ma valise et prendre la route de Marseille.) Ý của Luật sư Lambert bảo rằng ông không thể bênh vực một bài báo có tính cách chống Pháp và có khuynh hướng đòi đuổi Pháp ra khỏi đất Đông-Dương. Bênh vực cho Tuấn, thì tốt hơn là ông xách va-li về Pháp cho rồi.)

Tuấn đem câu chuyện của Luật sư Lambert nói lại cho ông Abadie rõ. Ông này, có ý muốn cứu Tuấn khỏi tù tội, khê bảo Tuấn :

— Tôi khuyên anh tốt hơn là nên đi vắng Hà-Nội trong thời gian có phiên tòa xử anh. Tòa sẽ xử khiếm diện. Nhưng anh sẽ trở về kịp ngày để chống án sang Pháp. Tôi sẽ tìm cách tạo ra một *Vice de forme*, để tòa Phá-án hủy bỏ bản án của tòa Hà - Nội, và bắt xử lại. Từ đây đến đó

anh sẽ có thì giờ để vận động, vì thủ-tục còn kéo dài lâu lắm.

Nghe theo lời ông Abadie, Tuấn chuẩn bị đi Saigon một tuần lễ trước ngày có phiên Tòa. Nhân tiện ông Abadie viết thư giới thiệu Tuấn với ông Hộ-Pháp Phạm công Tắc, quyền giáo-tổng Đạo Cao-đài ở Thánh thất Tây Ninh. Tuấn không hiểu do trường hợp nào, một người Pháp chính cống như ông Lục sự Abadie lại theo Đạo Cao Đài? Tuấn không hỏi ông, vì lẽ độ, nhưng Tuấn cứ thắc mắc về vấn đề đó. Đạo Cao Đài có gì lạ? Có gì hấp dẫn đến nỗi phải bỏ đạo Thiên chúa để theo đạo Cao-Đài?

Trước đó ít lâu, giới trí thức Hà-nội đã bàn tán rất nhiều về đạo Cao-đài. Nhưng thực ra không ai hiểu rõ, chỉ biết qua loa là một tôn giáo mới xuất hiện ở Nam

kỳ, thờ cả Phật, Chúa, Lão-Tử, Trang-Trinh và Victor Hugo. Chưa ai biết tương-tận về Giáo lý Cao - đài, và nhất là về ý nghĩa hai chữ Cao Đài. Một số anh em đồng-chí cách-mạng rí tai cho Tuấn biết rằng Cao-Đài, do hai chữ C, Đ, tức là Cường Đệ, chính là một đảng Cách Mạng bí mật của nhà chí sĩ Cường-Đệ sáng lập ra trá hình dưới thể thức một tôn giáo để đánh lừa sự dòm ngó của người Pháp và của Deuxième Bureau (Đệ nhị văn phòng, cũng như mật vụ vậy). Do sự tiết lộ ấy, Tuấn càng tò mò, muốn biết tất cả sự thật về Đạo Cao-Đài.

Đồng thời, phong trào « bàn ba chân », từ Saigon lan truyền ra Hà-nội, đã làm sôi nổi dư luận các giới đồng bào Bắc-Hà một thời gian khá lâu. Tuấn cũng tham gia vào nhiều cuộc « gọi hồn ma » về nói chuyện bằng những

tiếng gõ bí mật trên « bàn ba chân ».

Tại nhà Cung, một bạn học cùng lớp Anh-ngữ với Tuấn, người anh cả của Cung, làm thông phán phủ Thống-sứ, có thuê đóng một chiếc bàn tròn ba chân, toàn bằng gỗ, không có một cái đinh hay một miếng sắt nào dính vào. Thường mỗi buổi tối, anh ấy có tổ chức những cuộc « gọi hồn Ma về » nói chuyện trên mặt bàn. Trong tháng thí nghiệm đầu tiên, tối nào Tuấn cũng đến dự với một số ít bạn bè được chọn lọc, không quá 6 người cả Nam lẫn Nữ. Những buổi giải trí này rất là hấp dẫn, khiến cho cử tọa luôn luôn hồi hộp hẳn khoản, trước một hiện tượng huyền bí mà khoa học của thế kỷ XX chưa khám phá ra được. Bắt đầu người anh cả của Cung thấp nhang khấn vái vái ba câu bông lông, không căn-cứ vào một bài thần chú hoặc một

bài kinh kệ nào cả, vì bọn thanh niên trí thức thời bấy giờ đều là « tự-do tư-tưởng ».

— *libres penseurs*. Cử tọa ngồi xung quanh chiếc bàn tròn không trái nắp và không để một vật gì trên mặt bàn cả. Vì lúc bấy giờ phong trào người Việt nói tiếng Pháp rất thịnh hành, nên thỉnh thoảng ông Thông-phán hỏi « Hồn Ma » bằng câu tiếng Tây :

— *Esprit, es-tu là ?* (Hồn Ma có về đó không?)

Bỗng dưng có một tiếng gõ trên mặt bàn! Ai nấy đều mỉm cười, một nụ cười thích thú nhưng không phải là không hồi hộp, sợ hãi, vì mình có cảm giác lạnh lạnh trong xương sống rằng mình đang tiếp xúc với một hồn Ma đích xác, không biết từ đâu hiện về, không thấy hình bóng, nhưng nghe rõ ràng tiếng gõ « cóc... cóc » trên mặt bàn gỗ.



Tiếng gõ chứng nhận rằng « Hồn Ma » đã hiện về. Cuộc đàm thoại bắt đầu, nhờ tư mẫu Morse làm chuyển ngữ (đã để sẵn trước mặt mỗi người một tấm giấy ghi tư mẫu Morse để theo dõi để dàng câu chuyện, và một bản Morse đặt ngay giữa bàn để riêng cho Hồn Ma).

Thường thường Hồn Ma trả lời rất đúng những câu hỏi của cử tọa. Thí dụ, một người hỏi, anh Trần Niên, người Nghệ An :

— Ông cụ thân sinh của tôi tên là gì ?

Hồn Ma trả lời :

— Trần Văn Soạn.

— Ông cụ mất lúc mấy tuổi ?

— 72.

— Hiện giờ vong linh ông cụ tôi ở thế giới nào ?

— Đã đầu thai, không biết rõ.

Tên và tuổi ông cụ thân sinh bạn Trần Niên sinh, và từ ở Nghệ-An, toàn thể cử tọa

không ai biết. Nhưng Hồn Ma biết rõ và nói không sai. Nhiều việc khác nữa, Hồn Ma nói đúng cả.

Có điều khiến Tuấn, cũng như tất cả cử tọa 6 người, đều vô cùng kinh ngạc, là câu chuyện giữa Vũ Văn Thành, sinh viên Cao Đẳng Y Khoa, và một Vong Linh :

*Thành* : Tôi tên là Vũ Văn Thành, 22 tuổi, sinh viên Cao Đẳng Y Khoa Hà Nội, muốn được nói chuyện với Vong Hồn cô Lê - thị - Cẩm - Thủy, chết ngày 17.10.1934, hưởng thọ 19 tuổi.

Chờ một lúc lâu, độ 15 phút, Hồn hiện về đáp :

*Hồn* : Em, vị hôn thê của anh, đây.

Rất cảm động, Thành rùn rùn một lúc mới hỏi được :

*Thành* : Em còn nhớ anh đấy ư ?

*Hồn* : Không bao giờ quên.

*Thành* : Tại sao đang yêu nhau mà em đột ngột vĩnh biệt anh như thế ?

*Hồn* : Tại em vô phúc. Phải trả nợ một tiền kiếp nhiều tội lỗi. Anh biết, em bệnh đau tim, chết vì bệnh...

*Thành* : Hiện giờ em cư trú nơi nào ?

*Hồn* : Hư không... An lạc...

*Thành* : Hư không... An lạc... là ở đâu ?

Hồn không trả lời, và biến mất luôn.

Nguyễn Thái Học có hiện hồn về sau lời khẩn nguyện của Cung nhưng anh chỉ nói hai câu :

*Hồn* : Việt Nam ta không may... còn nhiều tai họa... giết Tây... giết Tàu... giết nhau...

Rồi làm thình lún.

Một đêm Trung Thu trăng sáng đẹp, ông Thông Phán đề nghị đem bàn ba chân đặt ngoài bao lơn trên gác sau, có cúng bánh Trung Thu bánh dẻo và nước trà ướp sen. Quanh bao lơn treo đèn lồng nhật-bồn, và đặt nhiều chậu hoa cúc, hoa huệ, phong lan. Đêm ấy ngoại lệ, cử tọa được mời dự gấp đôi, 12 người, toàn bạn trẻ trí

thức. Bạn bè vẫn thích tính rất hào hoa phong nhã của ông Phán ở phủ Thống sứ, tình nhân của một nàng Công chúa kiều diễm, cháu nội vua Thành Thái. Ông đã lái xe hơi suốt đêm vào tận Huế bắt cóc cô đem về tổ uyên ương bí mật của ông ở phố Tientsin.

Đêm ấy, công chúa khẩn nguyện mời một ông Tiên về làm thơ. Khoảng một giờ khuya, Tiên ông hiện về, tự xưng danh là *Huyền Không Đạo Nhân*.

Tuấn chép vội vàng tám câu thơ lạ lùng của Tiên ông như sau đây :

Thiên thanh ai hỏi tâm hà  
thanh ?

U khí bao vây bốn góc thành.  
Mây gió trùng trùng un khối  
lửa.

Máu xương lớp lớp dậy đao  
binh.

Lên nguồn xuống bề dư niên  
lụy

Ngược bắc xuôi nam bán dạ  
hành.

Thu âm lục bôì truy mã lộ.  
Sơn hà lưu lệ bất tàn canh !

HUYỀN-KHÔNG ĐẠO-NHÂN

Thấy bài thơ có bao hàm  
nhiều ý nghĩa ly kỳ mà lúc  
bấy giờ, Trung thu năm 1936  
toàn thể cử tọa đều hoang  
mang không hiểu rõ dụng  
tâm quá huyền ảo, Tuấn hỏi :

— Xin ngài cho chúng tôi  
biết *Huyền - Không Đạo-*  
*Nhân*, tên họ thật là chi ?  
Hiện ở Cung Trời nào ?

Hồn chỉ lặp lại :

— *Huyền Không Đạo*  
*Nhân*.

Cô giáo Loan hỏi :

— Bài thơ huyền bí quá,  
chúng con không hiểu nghĩa.  
Xin Tiên Ông giảng cho.

— Bất.

Hồn Tiên chỉ đáp vồn vện  
một tiếng « bất », không  
thêm một lời, rồi thăng luôn.

Mãi gần hai chục năm sau  
Tuấn mới hiểu đại khái ý

nghĩa tám câu thơ của  
*Huyền Không Đạo Nhân*.  
Chắc bạn đọc cũng hiểu như  
vậy.

Phong trào « bàn ma »  
được thịnh hành khắp Hà  
nội, trong các giới trí thức,  
nhưng sau đó ít lâu, không  
hiểu vì nguyên nhân nào phủ  
Thống-sứ Pháp ra nghị định  
cấm tiệt các cuộc giải  
tri « bàn ma ». Nhiều người  
cho rằng lối « cầu cơ giảng  
bút » của *Đạo Cao-Đài* cũng  
giống như Bàn Ma, và cùng  
một tính cách huyền bí cao  
siêu. Tuấn nóng lòng muốn  
vào tận « *Tòa Thánh Tây-*  
*Ninh* », nơi phát sinh của  
*Đạo Cao Đài*, để tìm hiểu sự  
thật, và học hỏi thêm về  
khoa-học huyền bí, mặc dầu  
Tuấn cứ thắc mắc : có phải  
thật là một khoa-học hay  
chăng ?

(Còn nữa)



truyện dài tình cảm : \* THẨM - THỆ - HÀ

(Tiếp theo P.T. 179)



O À N G về đến nhà mình, thấy ánh đèn trên  
gác còn chiếu sáng. Qua khung cửa sổ có treo  
một bức lụa trắng lấm tấm hoa xanh, chàng thấy  
mờ mờ bóng bán thân một thiếu nữ, đầu cúi  
xuống hình như đang viết hay xem sách gì đó. Chàng đoán  
đó là Phượng.

Hoàng không lên tiếng vội. Chàng thấy hình ảnh cô bé  
nữ sinh in trên chiếc màn hoa này đẹp quá, đẹp một cách  
huyền ảo như hình ảnh người đẹp trong một bức tranh  
lụa qua nét vẽ chân phương của một họa sĩ chân tài đời  
Tống. Chàng lại liên tưởng đến vẻ mặt ngây thơ kháu khỉnh  
của Sandra Dee hiện hiện trong khung cửa nhìn xuống  
khu vườn hoa thơ mộng, bất chợt một cách mừng rỡ hình  
bóng của người thân trở về. Hoàng thích thú nghĩ thầm :

« Minh nhìn thực tế qua hình ảnh trong Ciné. Thì ra phim «Mirage de la vie» đã gieo vào hồn mình một vài ấn tượng khá sâu đậm».

Hoàng vừa suy nghĩ vừa ngắm bóng hình thiếu nữ như đang thưởng thức vài khía cạnh tuyệt mỹ của bức tranh. Cô gái đang cúi đầu bỗng ngẩng lên. Một bàn tay thon thon từ từ vén màn. Mái đầu hơi nghiêng qua phía thành cửa, đôi mắt bồ câu xinh xắn nhìn xuống đường. Thấy Hoàng đang đứng nhìn lên, cô gái nhoẻn cười nhưng chưa chịu rời khỏi chỗ ngồi. Nàng có cảm giác lý thú khi hai luồng nhỡn quang gặp nhau trong bóng tối, êm ái và lãng lã trong một niềm triu mến vô biên.

Chiếc màn bỏ xuống, bóng nàng vụt biến mất, Hoàng biết nàng chạy xuống mở cửa nên chàng lần bước ra phía trước. Đèn nhà dưới bật sáng, cánh cửa từ từ mở ra. Phụng hiện ra trước khung cửa theo luồng ánh sáng từ trong nhà tỏa ra như một nàng tiên nữ đứng giữa lớp hào quang rực rỡ.

Nàng tiên nữ mặc một chiếc áo màu hồng, mái tóc vừa chấm bờ vai, đôi môi ươn ướt một cách tự nhiên. Nàng hơi nép mình qua một bên, cử chỉ vừa e lệ vừa thân mật. Hoàng thấy đôi má Phụng ửng hồng, chẳng hiểu vì e thẹn hay vì sự phản chiếu của màu áo. Hoàng cất tiếng trước, giọng triu mến :

— Phụng chưa ngủ à ? Còn Lệ Chi đâu ?

Phụng dịu dàng đáp :

— Đợi cậu về muốn chết, Phụng làm sao ngủ được.

Chị Chi ngủ say rồi.

Hoàng mỉm cười :

— Phụng đợi muốn chết lặn à ?

Phụng hơi cúi đầu, giọng nũng nịu .

— Cậu còn phải hỏi.

Nói xong, nàng chớp chớp đôi mi như giận dỗi muốn khóc. Nhưng nàng không khóc, mà lại ngẩng lên nhoẻn cười.

Hoàng chợt nhớ lại cử chỉ vén màn khi nãy. Lúc ấy chàng đã ngạc nhiên tự hỏi : « Tại sao Phụng biết mình ở dưới đường ». Giờ qua lời thổ lộ thâm thiết của nàng, Hoàng mới biết Phụng thức chờ mình và thỉnh thoảng vén màn lên nhìn ra đường ngóng trông.

Hoàng hơi cảm động và chàng nghĩ đến Lệ-Chi, đứa cháu này thật là vô tư và vô tình ! Lệ Chi là đứa cháu gái gọi chàng bằng cậu, con của người chị buồn bán ở tỉnh. Chị chàng gởi Lệ Chi lên Saigon học và nhờ chàng chăm nom, dạy dỗ dùm. Phụng là bạn của Lệ Chi, cùng học lớp Đệ Nhị tại một trường trung học Tư thực. Lệ Chi rủ Phụng về ở chung với mình để sớm hôm có bạn. Từ đó, Phụng cũng bắt chước bạn gọi chàng là cậu. Hoàng dành cho cháu và Phụng ở trên gác, còn chàng thì ở tầng dưới. Tuy chia đôi san hà nhưng Chi và Phụng hay xâm lấn địa phận của chàng, còn chỗ chúng ngự trị thì bất khả xâm phạm.



**midol**

Trị các chứng đau nhức  
và CỨNG CẮM  
CÓ BẠN CŨ CÁC NHÀ THUỐC ĐỀU

Hoàng bước vào nhà. Phượng theo sau.

Hoàng tưởng Phượng lên thẳng trên gác, nhưng Phượng vẫn đứng yên bên cạnh bàn viết, đôi mắt hồ câu hay háy nhìn chàng. Một lúc lâu Phượng mới ngáp ngừng hỏi :

— Chú Hoàng đi ciné với ai vậy ?

Hoàng ngạc nhiên :

— Sao Phượng biết cậu đi ciné ?

— Chẳng những biết cậu đi ciné mà còn biết cậu đi với ai nữa kia.

— Cậu đi với ai, đâu Phượng nói thử coi ?

— Một cô áo xanh, một cô áo tím.

— Phượng tài thật ! Nhưng làm sao Phượng biết được ? Hay Phượng cũng đã đi xem ?

— Không, Phượng không hề bước chân ra khỏi nhà từ lúc đi học về.

— Vậy thì...

— Phượng có gián điệp. Cậu làm gì Phượng cũng biết hết.

Hoàng cố moi óc xét đoán coi gián điệp của Phượng là ai. Chàng chưa tìm ra thì một ý nghĩ khác lại đến : « mà mình đi với ai có liên can gì đến Phượng ? Nàng tìm biết làm gì ? » Hoàng lại nhớ đến những lời nói của Hạnh ở bờ sông, nhớ đến cô bé dữ dòn với chàng thanh niên bên kia băng.

**Đông midol** trị các chứng đau như  
vỏ cứng, đau  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Chàng buộc miệng thốt khẽ :

— Mấy cô gái đời này cũng lạ thật !

Tuy thốt khẽ nhưng cũng vừa đủ lọt vào tai Phượng. Một nét buồn mong manh thoáng hiện trên khuôn mặt trầm lặng dịu hiền. Hoàng bắt chợt nét buồn ấy và chàng cảm thấy một niềm xót thương dâng lên nhẹ nhẹ trong lòng. Người con gái nào cũng có sự bí mật nấp kín trong tâm hồn, và sự bí mật nào cũng từ từ hé màn như có một bàn tay thon thon vén bức màn hoa trên khung cửa sổ. Bí mật của Hạnh ! Bí mật của Lan ! Bí mật của Phượng ! Hoàng nô nức muốn khám phá những bí mật ấy. Hoàng muốn lần lần đi sâu vào tâm hồn thế hệ trẻ hôm nay thế hệ mệnh danh là thế hệ hiệu sinh, lớp người mệnh danh là lớp đợt sống mới.

Chàng dịu dàng hỏi :

— Phượng giận cậu phải không, Phượng ?

Phượng cúi đầu, tay vờ vờ tà áo, đôi rèm mi chớp nhanh. Hoàng vuốt tóc nàng, hỏi tiếp :

— Sao Phượng không nói.

Phượng không ngẩng lên, giọng như hờn trách :

— Cậu đi với ai tùy cậu chứ, Phượng đâu dám giận.

— Nhưng sao Phượng lại buồn ?

— Sao cậu biết Phượng buồn ?

— Cứ xem vẻ mặt Phượng thì rõ. Phượng nhong nhẻo lắm, đợi cậu dỗ phải không ?

— Phượng đâu dám. Cậu cần nên dỗ người khác là hơn.

— Dỗ ai bây giờ, hả Phượng ?

— Phượng làm sao biết được.

Hoàng cảm thấy cô bé này có cử chỉ, lời nói là lạ. Thường ngày nàng rất mềm mỏng, khả ái, không hay nũng nịu và giận dỗi bao giờ. Mỗi lần Hoàng sai bảo gì, nàng đều ngoan ngoãn vâng lời. Lúc nào nàng cũng chiều theo ý chàng và để tâm săn sóc chàng một cách tế nhị, chu đáo. Vậy mà hôm nay nàng lại có những cử chỉ khác thường. Phải có một nguyên nhân nào khác đây.

Hoàng trực nhớ lại câu chuyện « áo xanh, áo tím ». Chàng mỉm cười một mình, không để ý đến cặp mắt Phụng đang len lén nhìn chàng.

Hoàng muốn tìm hiểu Phụng, muốn đánh thử một đòn tâm lý đột biến. Thình lình chàng cầm lấy tay Phụng. Cô gái giật mình ngẩng lên, đôi mắt thoáng vẻ kinh ngạc và sợ hãi. Nhưng nàng không giật tay lại, bàn tay nàng rung rung trong tay chàng. Phụng không phản ứng vì nàng thấy Hoàng vẫn nghiêm trang, mặt chàng không lộ vẻ gì khác lạ. Nàng cho đó là một cử chỉ tự nhiên thể hiện sự triu mến và tin cậy.

Đòn tâm lý của Hoàng như đánh hụt vào khoảng không. Hoàng diu Phụng ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh bàn viết.

— Phụng ngồi đây, cậu kể chuyện này cho Phụng nghe.

Phụng ngoan ngoãn ngồi xuống. Bàn tay nàng rời khỏi tay Hoàng, gương mặt nàng thoáng hiện một sự luyến tiếc ngẩn ngơ, Hoàng cũng ngồi xuống chiếc ghế đối diện. Phụng im lặng, chờ đợi. Hoàng thân mật nói :

— Hôm nay cậu đi xem phim « Áo ảnh cuộc đời ». Phụng xem phim này chưa ?

— Phụng đã đi xem với chị Chi hôm qua.

— Phim ấy có hay không, Phụng ?

— Theo Phụng thì hay vì nó hợp với sở thích của Phụng. Sandra Dae làm Phụng xúc động muốn khóc. Mỗi tình huống trái trong phim như âm ảnh Phụng mãi.

— Còn Lệ Chi có thích không ?

— Chị Lệ Chi cũng thích như Phụng.

Hoàng ngồi dựa vào thành ghế, móc trong túi ra một bao thuốc Ruby Queen và một chiếc hộp quẹt máy. Chàng móc ra một điếu thuốc đưa lên môi.

Phụng vui vẻ tiếp lấy hộp quẹt. Và nàng bật lửa châm vào điếu thuốc trên môi Hoàng.

Hoàng nhận thấy ở cử chỉ nhỏ nhặt ấy của Phụng một cái gì thắm thiết và tế nhị. Chàng sung sướng phả khói thuốc lên trần nhà, mắt mơ màng nhìn theo làn khói tản mạn như những sợi tơ lung linh trước hơi thu man mác. Chàng mỉm cười hỏi Phụng :

— Phụng không ghét khói thuốc à ? Sao cậu nghe nói con gái hay ghét khói thuốc lắm mà ?

Phụng nở nụ cười tươi tắn :

— Cái gì cậu thích thì Phụng không ghét được, Phụng còn tập thích nữa là khác.

— Sao lại tập thích kỳ vậy ? Cái gì thích thì cứ thích, cái gì ghét thì cứ ghét, ép mình tập thích cái thích của người khác làm gì, có phải khổ thân không ?

— Không khổ đâu cậu. Nói như cậu, những bậc chân tu làm sao thành chánh quả cho được. Trái lại, tập như thế cũng có cái vui riêng, thí dụ như cái vui được châm thuốc cho cậu hút.

# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

## ● DIỆU-HUYỀN

### ● Ô. Vô- Ủy, Giáo sư T. ung học, Saigon

«... Nhờ bà Diệu Huyền làm ơn giảng hộ tại sao lại có câu : « Nhứt vợ, Nhì trời » ? Vợ làm sao lớn hơn trời được ? Có phải là thậm ư vô lý không ?... »

Đáp : Hồi xưa có một ông râu quặp, nổi danh là sợ vợ một cây. Ông thường bảo : « Trên đời này, tớ chẳng sợ ai hết, chỉ sợ hai cái mà thôi : nhứt vợ, nhì trời ». Một ông đồ Nho, bạn của ông Râu quặp, nghe thề liền bảo :

— Anh nói tầm bậy. Trên cõi trần gian này, cao hơn hết, rộng hơn hết, lớn hơn hết, đáng sợ hơn hết là ông Trời. Sao anh dám nói nhứt vợ nhì trời ?

Ông Râu quặp đáp :

— Trời đâu có đáng sợ bằng mây ? Mây còn lớn hơn trời vì mây che cả mặt trời.

Ông Đồ Nho cãi lại :

— Mây đâu đáng sợ bằng gió ? Vì gió thổi bay cả mây.

— Nhưng gió đâu có đáng sợ bằng bức tường, vì bức tường chặn được gió.

— Bức tường đâu đáng sợ bằng con chuột, vì con chuột khoét thủng cả bức tường.

— Con chuột đâu có đáng sợ bằng con mèo, vì con mèo ăn thịt con chuột... Nhưng con mèo đâu có đáng sợ bằng vợ tui, vì hôm nọ vợ tui sai tui đi chợ mua hai đồng điều mỡ heo, về nhà tui vô ý để con mèo xơi mất cục mỡ, vợ tui oánh con mèo chết tươi, rồi nó oánh luôn cả tui nữa. Tôi vừa chạy vừa kêu « Trời ơi ! Vợ tui nó oánh tui ! » thì vợ tui cầm đũa bập rượt theo oánh tui đau thây mổ tử ! Tui hông dám kêu trời nữa. Như vậy là nhứt vợ nhì trời, sao anh bảo là vô lý ? Có lý lắm chứ !

## ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Ông Đồ nhớ cười hà hà :

— Ô, nhứt vợ nhì trời..., anh nói có lý.

### ● Bà Hoàng thị Lài, đường Tự Do, Saigon

— Tên cơ-quan viện trợ A.I.D. là viết tắt của những chữ Agency for International Development.

— Chiếc tàu B.D.L của Mỹ viết tắt của những chữ Beach Discharge Lighter (dùng để chuyên chở nhẹ)

### ● Bạn Thanh Nguyệt, Hồ Nai.

Đã bảo rằng bạn nữ Diệu Huyền này không phải là vợ của Nguyễn Vỹ mà bạn cứ hỏi mãi. Cũng không phải là N.V. nốt. Diệu Huyền là Diệu-Huyền, nghe bạn ! Thôi, đừng hỏi nữa nhé.

— Mèn.

### ● Cô Diệu Tú và cô Minh Diệu, Văn Khoa, Trần-q-Toàn

— C.I.A = Central Investigation Agency.

— 2-8-1943 = 2-7, Quý Mùi (ngày Thứ Hai)

— 18-6-1942 = 5-5, Nhâm Ngọ (ngày thứ Năm)

### \* Ô. Lương trọng Minh, giáo sư, Qui Nhơn.

— Bài « Nợ N.L. 5 đ » trong P.T. số Xuân cũ.

— Bài thơ họa thơ Cụ Sào Nam trên sông Hương, đúng là mùa Hè (tháng 7) 1936. Trong « Hoang Vu » ghi 1937 là sai.

— Trong P.T. số 11 có ghi rõ trường hợp của cuộc gặp gỡ ấy.

### ● Bạn Hồ Thanh Nga, Đức Phò, Quảng Ngãi.

Cho địa chỉ rõ ràng, để gởi P.T. 112.

### \* Bạn Dương Tường Nam, Phan Thanh Giản, Cần Thơ

Bạn cứ gởi thơ hỏi ngay trường huấn luyện trình thám « Institut Supérieur de Police Scientifique », 14 rue Cabanis Paris-2è.



★ Ô. Phùng-ngọc-Nguyên. Phan-văn-Trị. Saigon.

Phi hành gia đầu tiên đã rời khỏi phi thuyền để đi trong không gian là người Nga Leonov, tháng 3-1965.

● Bạn Phạm-Mỹ, Phan-Rí cửa.

Thành thật cảm ơn thư bạn.

★ Bạn Hồng-Châu. Tuy-Hòa.

Vua Hàm-Nghi chết tại Algérie, cựu thuộc địa Pháp ở Bắc Phi. Ngài có lấy vợ Đám và có sanh một công chúa tên là Như Mai. Học Đại học Paris, năm 1932 công chúa Như Mai đã đỗ bằng cấp kỹ sư Canh Nông, ưu hạng.

● Ô. Trần-văn-Thái. Chef garage Đào-văn-Mận, Paksé (Laos).

— « Người tù 69 » chưa xuất bản được, vì không có giấy in.

— Ông Jeannin, trong bài báo đó, là người Pháp chính công. Hai chữ « Nguyễn văn » là tự ông ấy thêm vào tên ông để chứng tỏ cảm tình của ông đối với người « Annamites » đó thôi.

★ Bạn Mai-phương-Hải. Phan-thanh-Già n. Saigon.

Không thể nào kiếm được P.T. tạp chí trọn bộ từ số 1. Có thể có từ số 100, mời bạn đến tiếp xúc với ty Quản lý tại tòa báo.

● Mme Phạm-văn-Năng, Giáo-sư. Châu-Đốc.

Ý kiến của bà rất hay. Tiếc rằng hiện nay chúng tôi chưa có đủ thời gian vật chất (du temps matériel) để quay ronéo các bài của chúng tôi đã đăng trong P.T. để đóng thành tập như

sách. Vì còn phải sửa chữa lại chút ít, và bỏ tước, phân loại, trình bày quan điểm v.v... cho thành một tác phẩm sưu tầm đứng đắn, có giá trị đặc biệt. Dĩ nhiên, một thời gian gần đây, khi tình hình chung được ổn định, chúng tôi được rảnh rang và có thể sử dụng đầy đủ phương tiện, chúng tôi sẽ làm công việc trọng đại đó đối với tất cả các tác phẩm của chúng tôi đã được đăng trong P.T. nhưng chưa được góp lại và in thành sách.

Xin thành thật cảm ơn bà đã nhắc nhở cho chúng tôi công việc ấy.

★ Ô. Phan-Trần, giáo-sư. Huế.

Vương Dương Minh, nhà học giả Trung-Hoa, sinh năm 1472, chết năm 1528. Ông chủ trương thuyết *Lương trí*, có thể dịch ra Pháp ngữ là *connaissance intuitive*, hay Anh ngữ là *Intuitive Knowledge*.

● Ô. Trần-dình-Nghệ, Đồn-Điện Bình-Long.

Đã được bưu phiếu, và sẽ gửi báo P.T. do ông mua bưu người bạn ở bệnh viện cũ, Qui Nhơn.

△ Một nhóm Sĩ quan, Huế.

1.— Diệu Huyền là « Bà Tú », chứ không phải « Bà N. V. », Xin đính chánh một lần cuối cùng.

2.— Diệu Huyền đã là Bà Tú, thì Diệu Huyền sao còn có thể là « đàn ông » được nhỉ ? Xin xác nhận một lần nữa rằng Diệu Huyền là Diệu Huyền, chứ không phải là 1 người nào khác.

3.— D.H. không hề đăng hình trên mặt báo vì không thích chứ không vì lý do nào khác. Rất tiếc không có hình để tặng Đại Ủy và quý bạn Sĩ quan có nhã ý ký tên trong thư. Thành thật cảm tạ. — Mền.

★ **Bạn Đoàn-văn-Niên Phú Nhuận.**

— 4-10-1951 = 4-9 Tân Mão

— 1-9-1950 = 19-7- Canh Dần.

— Hiện tượng địa súc, là sự mặt đất co rút lại trong lúc nguội dần dần. (Nguyên thủy, địa cầu là một khối chất lửa, từ mặt trời tách ra). Sự co rút của mặt Đất tạo thành ra những dãy núi (phénomène de la Contraction de la Surface terrestre.)

★ **Bạn Trần Căn, KBC 4652**

3-8-Mậu Dần = 26-9-1938

★ **Ô. Hamid Abdul Rochakanabina, Plom Penh.**

Phở Thông có đăng nhiều bài về Hồi-giáo trong những số cũ. Là một tạp chí văn hóa Đông. Tây, Kim, Cổ, Phở Thông không có phân biệt tôn giáo nào, trái lại, bao quát mọi sắc thái của văn hóa nhân loại. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng các bài khảo cứu, hoặc văn thơ, về Hồi Giáo, và đặc biệt về kinh Koran.

— Chú ý: tôi rất tiếc phải tạm gác phần phụ trương Pháp ngữ và Anh ngữ, vì vấn đề phương tiện kỹ thuật. Nhưng chúng tôi sẽ tiếp tục làm lại phụ trương Pháp, Anh ngữ khi nào có hoàn cảnh thuận tiện.

● **Trung sĩ Ph.v.Chiêu, KBC 4420**

Rất tiếc chúng tôi không được rõ địa chỉ của Bà quả phụ John F Kennedy, cô Tổng Thống Mỹ.

★ **Cô Trần thị Bích Lan, Quảng Ngãi**

Địa chỉ phòng Thông tin Anh : 123 Lê Lợi Saigon.

△ **Ô. Ngọc Sơn, Quảng Ngãi**

Nội san " *Sống vì Đạo* ", Địa chỉ tòa soạn : Thánh địa Hòa-Hảo, Châu Đốc.

● **Em Chi, Đường Lục Tinh, Chợ Lớn**

Muốn mua tem đúng ngày phát hành tại Bru Điện Saigon, thì theo dõi tin tức phát hành tem mới đăng trong các báo hằng ngày. P.T không làm việc đó.

■ **Bạn Dương Thương, Gia Định.**

Tên đường :

— *Mai xuân Thương*, một bậc chí sĩ, ở Bình Định, theo phong trào Cần Vương khởi nghĩa chống Pháp, bị Pháp giết chết năm 1886.

— *Trần văn Thạch*, một nhà cách mạng thuộc đảng Đệ-tứ quốc tế, bị Việt Cộng giết năm 1945

— *Trần quý Khoách*, cháu vua Trần Nghệ Tôn, nhà Hậu Trần, vị vua cuối cùng của nhà Trần (1403-1413).

■ **Bạn Lê thị Tâm Thanh, Paris VIII**

Tuy Kinh sách Phật rất nhiều, nhưng muốn tìm hiểu đích xác giáo lý của Đức Phật, thì cô nên nghiên cứu trước nhất về những thuyết sau đây, sau khi đọc kỹ tiểu sử của Đức Thích Ca Mâu Ni :

— Tứ Diệu Đề

— Bát Chánh Đạo

— Thập nhị nhân duyên

— Luân Hồi.

và kinh : « Bát Nhã Ba-La Mật Đa Tâm Kinh »

— Kinh thù lãng nghiêm.

— Kinh Phổ môn (phần thứ 25, quyển VII, trích trong bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Cô chưa cần xem hết bộ Kinh này). Rồi lần lượt cô sẽ nghiên cứu đến các kinh sách khác. Cô nên tiếp xúc với Hội « *Les Amis du Bouddhisme* » 62 bis, rue Lhomond, Paris Vè, và đọc nguyệt san « *La Pensée Bouddhique* » do Hội ấy xuất bản (của các nhà Bác học Phật úc Pháp). Về tổng quát các vấn đề Phật giáo, Đại thừa và tiểu thừa (documentations) cô nên xem quyển. *Présence du Bouddhisme* của René de Berval (France-Asia) xuất bản ở Tokyo, và quyển *Boudha* của Dr. André Migot, xuất bản ở Paris. Tại thư viện « *Les Amis du Bouddhisme* », có 2 quyển sách có giá trị này tài liệu rất đầy đủ.

■ **Bạn Văn thị Tuyết Như, Vientiane Laos.**

Tất cả các tác phẩm của N.V. — D.H. — Tân Phong, Tâm Trí, Duyên Hồng, sẽ xuất bản khi nào có những điều kiện thuận tiện, nhưng chắc chắn sẽ xuất bản thành sách. Lúc nào có sách sẽ tin cho bạn biết trong tạp chí Phở Thông.



# LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

10, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

## Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

## NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và  
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÁU  
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH. SỐNG LÂU YÊU ĐỜI.

EM NHỎ  
**NÔNG!**



*Hạt*  
*cho em nông*

**THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN**  
(RAKEMID K. 67)

NHA  
**THUỐC**  
TÂY

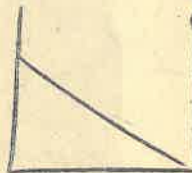
**KIM-QUAN**  
SỞ Y TẾ QUẢNG ĐÔNG

K.N số 260 ngày 20-6-63

**KINH-LÝ VĂN - PHÒNG**

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



*Phạm-văn-Lạng*

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản

SAIGON

KD số 2506 ngày 19-9-66

Giấy phép số 292 CDVIT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN  
231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

# TẠI SAO nên ăn trái cây thay cho bánh kẹo ?

- Trái cây tươi có nhiều chất bổ và rất hữu ích cho sức khỏe bộ răng,
- Bánh kẹo mở lối cho sâu răng đục khoét răng,
- Chỉ nên dùng bánh kẹo để tráng miệng nhưng cần phải chải răng ngay.



Thuốc đánh răng **Perlon** nhấm như